

NGƯỜI Kinh Bắc

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 172

NĂM THỨ XXVI



THÁNG 5 - 2023

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT NGÀ
NGUYỄN TRỌNG TÌNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoinhbach@gmail.com
Website: nguoinhbach.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộp lưu chiểu
tháng 5 - 2023
In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Người đa mang bao nỗi niềm trần trở
Nguyễn Công Hào 3

KỶ NIỆM 113 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2023)

* Kỷ niệm sinh nhật Bác: Đọc lại tiểu thuyết "Búp sen xanh"
của Nhà văn Sơn Tùng

Nguyễn Đình Tùng 7

TUYÊN TRUYỀN 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM

* Đề cương Văn hóa Việt Nam - Ngọn đèn soi rọi
đường đi cho Văn hóa Việt Nam

Hoàng Giá 12

Truyện ngắn: Phạt vạ

Nguyễn Tiến Lộc 15

Tản văn: Ngôi làng của tôi

Lưu Thị Phụng 22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Trạng nguyên Ngô Miễn Thiệu: Lập thi thoát lộ

Lê Viết Nga 25

* Câu 20: "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang"

Dương Mạnh Nghĩa 28

* Lịch sử - Giai thoại về Bài vè ở Lạc Thổ và sự tích
Cầu Chiêu

Nho Thuận 31

Trang thơ Người Kinh Bắc 36-37

Ghi chép: Trường ty Văn hóa Lê Hồng Dương -
Người có công phục hưng Dân ca Quan họ

Nguyễn Quang Khải 38

Truyện ngắn: Nghĩa tình ở lại

Lê Khanh 42

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

* "Góc chân quê" trong thơ Nguyễn Quỳnh

Hoàng Yến 50



Trang thơ Người Kinh Bắc	54-55
Biển đảo quê hương - Biên cương Tổ quốc	56

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

* Tiếng thơ làng văn hiến	Phạm Thuận Thành	57
---------------------------	------------------	----

SÂN KHẤU

* Mẹ hiền	Thượng Luyến	61
-----------	--------------	----

Trang thơ cộng tác viên	68-69
--------------------------------	--------------

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

* Nhạc sỹ Trọng Tĩnh và dòng họ của một làng quê	Nguyễn Hữu	70
--	------------	----

Tản văn: Hương lan	Thu Nga	72
---------------------------	---------	----

Bút ký: Tiếng vọng rừng xa	Vũ Thế Thước	74
-----------------------------------	--------------	----

TRANG VIẾT TUỔI HỒNG

Truyện ngắn: Sầu đâu trong mưa	Nghiêm An Na	79
---------------------------------------	--------------	----

Ghi chép: Đại tướng Phạm Văn Trà mở mang đất phật Trúc Lâm	Tạ Lưu	85
---	--------	----

Bút ký: Phố thị bên dòng sông	Nguyễn Thị Thiệp	87
--------------------------------------	------------------	----

Tản văn: Thương một mùa xa	Vũ Việt Tâm	91
-----------------------------------	-------------	----

ÂM NHẠC

* Trăng ngân đầy thuyền	Thơ: Hồ Chí Minh	Nhạc: Nguyễn Trung	97
-------------------------	------------------	--------------------	----

* Du xuân miền Quan họ	Thơ: Nguyễn Trọng Tạo	Nhạc: Ngọc Sơn	98
------------------------	-----------------------	----------------	----

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Vũ Linh
- * Bìa 4: Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Minh Sơn, Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Thế Đình

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 2: Trọng Hiếu, PV, Minh Quý, Trần Hòa
- * Bìa 3: Quang An, Ngọc Sơn, Hoàng Anh, Kim Đài, Lê Kham



NGƯỜI ĐA MANG BAO NỖI NIỀM TRẦN TRỞ

NGUYỄN CÔNG HẢO

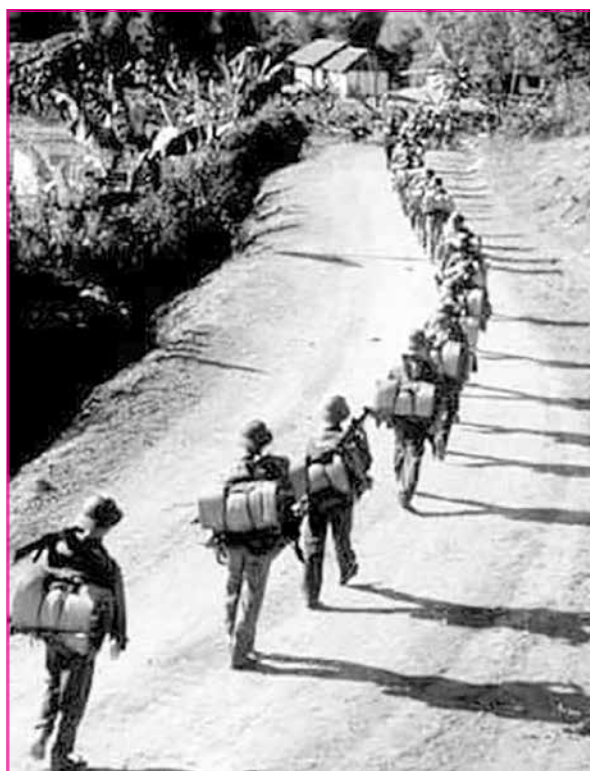
Có những người lính sau chiến tranh vẫn còn những “kỷ vật” đặc biệt của kẻ thù, đó là những mảnh đạn còn lẫn khuất trong cơ thể. Cựu chiến binh, nhà văn Hoàng Ngọc Bính là một người lính có “kỷ vật” như vậy. Một mảnh đạn vẫn còn găm ở gần mắt phải, nó tàn nhẫn giày vò ông mỗi khi trái gió, trở trời hơn một nửa thế kỷ qua.

Nhà văn, Cựu chiến binh Hoàng Ngọc Bính sinh năm 1952 (Nhâm Thìn) tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vùng quê trung du, đồi núi sơn thủy hữu tình, nơi hội tụ của những đàn chim bốn mùa gáy gọi kết đôi trong bảng lảng khói lam chiều trên những mái



đình cổ kính thâm nghiêm của một vùng quê trù phú nổi tiếng với những sản vật lụa Cẩm Xuyên, cá cháy sông Cầu, quýt bọp Gia Cát, trám đen Hoàng Vân,... của phủ Thiên Phúc xứ Kinh Bắc xưa. Vùng đất anh hùng, địa chỉ đỏ An toàn khu thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp của hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và cửa ngõ của căn cứ địa Việt Bắc.

Lớn lên trong bầu sữa mẹ của vùng quê giàu truyền thống văn hóa, lịch sử quê hương đã vun đắp cho Hoàng Ngọc Bính lòng yêu quê hương, đất nước ngay từ thuở còn cắp sách tới trường. Năm 1971, 19 tuổi, chàng trai Hoàng Ngọc Bính viết đơn tình nguyện nhập ngũ. Sau huấn luyện, ông được biên chế về tiểu đoàn Đặc công 409 - Quân khu 5, thuộc chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng và một phần địa bàn Tây Nguyên. Ông bị thương nặng trong chiến dịch giải phóng Tiên Phước - Bắc Trà My năm 1972. Sau nhiều lần phẫu thuật các y, bác sĩ đã ghép được những mảnh đạn ở phần mềm trong đầu, còn một mảnh ở gần mắt nguy hiểm nên vẫn còn không lấy ra được. Bị thương nặng với mất sức khỏe vĩnh viễn 61%, thương binh 2/4 chàng Hoàng Ngọc Bính phải từ bỏ giấc mơ lập công lớn cho thỏa chí trai thời chiến tranh, đã không cùng đồng đội tiến về giải phóng Sài Gòn mà phải ra quân, được cử đi học ở trường Điện. Ra trường về công tác ở Công ty Thủy nông Bắc Đuống (trụ sở phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Tại địa danh này, chàng trai phổ Thăng đã phải lòng cô gái Đình Bảng, xứ Đông Ngàn nên ở lại xây dựng



hạnh phúc ngay trên vùng đất quê hương phát tích triều đại nhà Lý.

Hai vùng quê văn hiến, lịch sử đã hội tụ và tạo dựng nên Hoàng Ngọc Bính thành một người cán bộ thủy nông mẫn cán và quan trọng hơn cả là một nhà văn, nhà báo có tiếng trong làng Văn nghệ - Báo chí tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu là những sáng tác các làn điệu chèo, đặt lời mới cho quan họ, cải lương phục vụ công tác tự biên, tự diễn các phong trào văn hóa, văn nghệ của cơ quan, rồi mở rộng đến với các phong trào hội thi, hội diễn ở một số địa phương, nhà trường... lĩnh vực này ông đã giúp cho nhiều địa phương giành giải cao trong hội thi, hội diễn. Chính ông bằng nội lực và sự khổ công rèn luyện đã mang về cho cơ quan công ty Thủy nông Bắc Đuống nhiều giải thưởng về văn hóa, văn nghệ, thể thao.



Đi thi hát, giành được giải cao, được Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh dành cả một chương trình đặc biệt giới thiệu giọng hát của Hoàng Ngọc Bính đến với khán giả. Ông còn vẽ tranh cổ động được in trên báo Nhân dân... Đồng thời sự đa tài của Hoàng Ngọc Bính thể hiện trên cả lĩnh vực thể thao. Ông là cây đập bóng chủ công của đội bóng chuyền cơ quan, một vận động viên chạy 100m có đẳng cấp tại các giải đấu của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Bắc (Bắc Ninh - Bắc Giang hợp nhất) một thời...

Một bước ngoặt mới không dễ chịu chút nào đối với chàng trai 35 tuổi. Năm 1987, Hoàng Ngọc Bính nhận quyết định nghỉ chế độ mất sức khi mới cưới vợ được một năm. Đây là giai đoạn đất nước khủng hoảng kinh tế, lạm phát phi mã kéo dài vì thế trông vào chế độ mất sức thì quả là không dễ chịu chút nào với chàng trai mới an cư lập gia đình được một năm. Hoàng Ngọc Bính đã cố gắng vượt lên chính mình, bươn chải bằng rất nhiều việc, nhiều nghề để lo cuộc sống gia đình giúp đỡ vợ con và ông cũng lặng lẽ tiếp tục âm thầm theo đuổi giấc mơ viết lách của mình. Chính những ngày bươn trải kiếm sống được trải nghiệm với bao niềm vui, nỗi buồn nhân tình thế thái muôn hình, muôn vẻ của đời sống xã hội, ông muốn phản ánh cuộc sống xung quanh mình một cách trung thực nhất, muốn làm được những việc có ích cho mọi người. Thế là ông viết đủ thể loại: Báo, kịch bản văn nghệ, văn học (tiểu phẩm, truyện ngắn và cả làm thơ nữa). Những bài báo được xuất hiện trên các trang báo tỉnh,

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đều đặn, khá dày hàng tuần, hàng tháng, rồi cũng xuất hiện trên các trang báo, tạp chí Trung ương. Kỹ năng làm báo, viết văn chỉ là tự học, tự rèn luyện, quan trọng hơn cả đó lại là nội dung các bài báo ông viết có tính thời sự, trung thực, tươi mới, nóng hổi, ngôn ngữ chất liệu sống hiện thực đã mang về cho ông hàng chục giải thưởng báo chí các loại. Nhiều bài báo của ông được đăng tải trên các báo Trung ương, được Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng. Cũng từ những thành quả đó ông đã vinh dự được kết nạp vào Hội Nhà báo Việt Nam năm 2002, rồi năm 2003 ông lại vinh dự được Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh kết nạp là hội viên chuyên ngành văn học.

Từ khi là hội viên của Hội Nhà báo, Hội VHNT tỉnh ông lại có điều kiện để giao lưu với đồng nghiệp, được tham dự các chương trình hội thảo, đi thực tế và các trại sáng tác VHNT, tay bút của ông được trau dồi để có những tác phẩm có chất lượng về nghệ thuật, mặc dù vẫn là những câu chuyện, những tấm gương đời thường ở thôn làng, khu phố, bệnh viện, trường học... đầy chân thực. Nhân vật trong các bài báo, câu chuyện của Hoàng Ngọc Bính là những người nông dân chân lấm tay bùn nhưng họ dám nghĩ, dám làm, vươn lên thành những tấm gương lao động sản xuất kinh doanh giỏi. Họ còn là những cán bộ đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, là cựu chiến binh, thương binh, bệnh binh, bác sĩ, thầy cô giáo, cựu giáo chức... nhưng họ vẫn là những người tích cực tham gia công tác xã hội. Rồi đến những cán bộ ở thôn,

xã, phường luôn gương mẫu, tận tụy với công việc của tập thể, của nhân dân, được dân mến, Đảng tin... Tất cả được Hoàng Ngọc Bính lựa chọn để viết. Nghe tin hoặc nghe đồn ở thôn ấy, xã ấy, cơ quan ấy có tấm gương người tốt việc tốt là Hoàng Ngọc Bính sắp xếp thời gian đạp xe (thời gian trước năm 2000, sau cũng sắm được xe máy) xuống tận nơi để lấy tư liệu. Ông trần trụi với những tiêu cực trong xã hội, vì thế ông đi sâu vào việc viết về những tấm gương người tốt, việc tốt. Ông từng tâm sự với bạn bè: “Mỗi một tấm gương người tốt, việc tốt góp một phần xua đi những hành động tàn ác ở trên đời”. Năm 2012, ông tập hợp các bài viết xuất bản tập sách **“Những trang viết Hoàng Ngọc Bính”**. Tập sách gồm hơn 100 bài báo viết trong hơn 10 năm đầu thế kỷ XXI, hơn 50 bài viết chuyện đời thường và gần 50 bài thơ, Quan họ lời mới, kịch ngắn. Nhiều bài báo và chuyện đời thường trong tập sách này đã được đăng tải trên báo, tạp chí đã đem lại những hiệu quả to lớn, có tác dụng tích cực đối với cộng đồng, xã hội.

Mới đây nhất, Hoàng Ngọc Bính đã tổng hợp, chọn lọc những gương tiêu biểu nhất (117 tấm gương tiêu biểu) trong các tác phẩm ông đã viết trong những năm qua xuất bản tập sách **“Những bông hoa đời thường”** (NXB Hội Nhà văn - 2016). Tác phẩm vinh dự nhận giải thưởng về sáng tác quảng bá các tác phẩm VHNT, báo chí về đề tài “Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và giải thưởng VHNT tỉnh Bắc Ninh lần thứ nhất, giai đoạn 2012-2017. Một vinh dự lớn lao hơn

cả là ông được nhận Bằng khen của Tỉnh ủy tôn vinh là “Công dân tiêu biểu” trong dịp kỷ niệm 185 năm thành lập tỉnh - 20 năm tái lập tỉnh Bắc Ninh năm 2017. Ông cũng từng có giải thưởng về thơ của ngành giáo dục đào tạo, 10 giải thưởng Báo chí Ngô Gia Tự (giải thưởng thường niên của Hội Nhà báo tỉnh Bắc Ninh trao). Ngoài việc lao động sáng tác, Hoàng Ngọc Bính còn tích cực tham gia các phong trào của Hội VHNT tỉnh, hiện ông là Phân hội Phó Phân hội VHNT thành phố Từ Sơn, một đơn vị cấp huyện có nhiều khởi sắc ở tốp đầu của tỉnh về các hoạt động VHNT. Kể từ 2015, Chi hội Nhà báo Tạp chí Người Kinh Bắc được thành lập, ông đảm nhiệm là Thư ký Chi hội cho đến nay.

Nhà văn, nhà báo, cựu chiến binh Hoàng Ngọc Bính thực sự là cây bút đầy trách nhiệm của một công dân, nhà báo, nhà văn. Một con người đa mang với bao nỗi niềm trần trụi với đời sống xã hội, với đất và người Kinh Bắc. Ông là người vượt bao khó khăn trong cuộc sống đời thường của chính mình kể cả “nỗi đau” hành hạ của mảnh đạn còn găm trong người để âm thầm cống hiến mà không mấy bận tâm về tiền bạc và đãi ngộ. Người thương binh 2/4 mất sức 61%, đeo kính lão hơn 5 phẩy đã bước qua tuổi 70 nhưng vẫn tiếp tục âm thầm cống hiến, đã làm được khá nhiều việc có ích cho cuộc đời, xã hội. Ông xứng đáng là “Một bông hoa đẹp” trong “vườn hoa đẹp của đời thường” mà ông đã viết. Ông thực sự là một “Thương binh tàn nhưng không phế” xứng đáng được mọi người mến mộ, học tập và noi theo./.

Trong rất nhiều tác phẩm thơ, văn viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh có một tác phẩm để lại ấn tượng sâu lắng, xúc động nhất đối với tôi đó là tiểu thuyết **Búp sen xanh** của nhà văn Sơn Tùng. Tôi đã đọc nó cách đây 40 năm, nghĩa là lần đầu tiên tác phẩm được xuất bản. Nhưng những

cảm xúc về tác phẩm ấy vẫn in đậm trong tôi mãi đến hôm nay.

Tiểu thuyết **Búp sen xanh** của Sơn Tùng ra đời để lại nhiều dấu ấn đặc biệt. Cái đặc biệt thứ nhất là tác giả của cuốn sách: nhà văn Sơn Tùng. Ông sinh năm 1928, tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Sơn

KỶ NIỆM SINH NHẬT BÁC Đọc lại tiểu thuyết "Búp sen xanh" của Nhà văn Sơn Tùng

NGUYỄN ĐÌNH TÙNG



Tùng lớn lên trong một gia đình nhà nho nghèo có truyền thống “trọng chữ hơn trọng miếng ăn”. 16 tuổi, Sơn Tùng hăng hái tham gia cách mạng. Từ năm 1948, ông đã có ý định tìm hiểu lai lịch Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau nhiều lần tiếp xúc với những người thân của Bác, Sơn Tùng đã ghi chép được nhiều tư liệu quý báu. Từ cuối năm 1962 ông là phóng viên của báo Tiền phong. Năm 1967, ông xung phong đi B. Dọc đường vào chiến trường, ông tiếp tục lần tìm những nhân chứng liên quan đến đề tài về Bác Hồ. Năm 1971, nhà báo Sơn Tùng bị thương ở Chiến khu Đ. Mang trên mình 14 vết thương, 3 mảnh đạn còn găm trong sọ não, Sơn Tùng vẫn tiếp tục lao vào miệt mài xây dựng các tác phẩm văn học về đề tài



Bác Hồ và các danh nhân văn hóa của dân tộc. Nhà văn thương binh ấy đã có khối lượng tác phẩm văn học với khoảng 40 đầu sách, trong đó hơn 20 đầu sách viết về Bác Hồ. Rất nhiều nhà nghiên cứu và bạn đọc đều khẳng định: Sơn Tùng là nhà văn viết về Bác Hồ nhiều nhất và thành công nhất. Năm 2011, ông được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kì đổi mới. Ông mất năm 2021, thọ 92 tuổi.

Nét đặc biệt thứ hai, **Búp sen xanh** là cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết về lãnh tụ kính yêu của dân tộc: Bác Hồ. Trước đó đã có rất nhiều bài thơ, bài nghiên cứu... viết về cuộc đời vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, viết dưới thể loại tiểu thuyết thì đây là cuốn sách đầu tiên. Sau này ông còn viết thêm cuốn tiểu thuyết thứ 2 về Bác, cuốn **Bông sen vàng**. Nhà văn Sơn Tùng từng tâm sự: "Viết về Bác nếu chỉ đơn thuần là những hiểu biết thông thường thì không thể viết được mà phải viết bằng tâm linh". Nét chủ đạo trong tâm linh của nhà văn chính là lòng kính yêu vô hạn của nhà văn đối với Bác Hồ. Nhờ cái tâm linh đó mà bằng 3 chương sách, trên 300 trang viết nhà văn đã dựng lại chân thực một khoảng đời từ thuở ấu thơ đến khi Người lên tàu ra đi tìm

đường cứu nước. Cuốn sách đã giúp chúng ta hiểu hơn về lãnh tụ kính yêu của dân tộc, đồng thời bằng những trang viết xúc động, đã lay động những tình cảm kính yêu vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam và bạn bè bốn phương. Hiếm có một cuốn tiểu thuyết của Việt Nam nào lại được tái bản đến 25 lần, với hơn 1 triệu bản in và được dịch ra song ngữ Việt - Anh để giới thiệu với bạn bè quốc tế. **Búp sen xanh** của Sơn Tùng cũng đã được dựng thành kịch bản phim **Hẹn gặp lại Sài Gòn**, một bộ phim lôi cuốn người xem trong cả nước.

Trong lời tựa cho lần xuất bản thứ 2, năm 1983 của tiểu thuyết **Búp sen xanh**, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: "... *Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong những tình cảm và tư tưởng lớn trong toàn bộ hoạt động cách mạng của nhân dân Việt Nam ta. Đồng thời Hồ Chủ tịch cũng sống mãi trong những tác phẩm văn học và nghệ thuật có giá trị diễn tả một cuộc đời đã trở thành lịch sử, những trang sử đẹp nhất của dân tộc Việt Nam ta...*".

Tiểu thuyết **Búp sen xanh** được nhà văn chia làm



3 chương: Thời thơ ấu, Thời niên thiếu và Tuổi hai mươi. Trong khoảng hơn hai mươi năm với những biến thiên của lịch sử, của gia đình nội ngoại và quá trình “định hình nhân cách”, ra đi tìm đường giải phóng dân tộc của một vĩ nhân - Nguyễn Sinh Cung (Côn) - Nguyễn Tất Thành được tác giả kể lại bằng những trang văn vô cùng xúc động. Người đọc nhiều lần không cầm nổi nước mắt khi tác giả kể lại: Tài sắc và những éo le cuộc đời của bà nội Bác Hồ; Những sự bất hạnh của sự đói nghèo cũng như nghị lực vượt qua số phận bằng con đường học hành của thân phụ Người, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc; Nhưng xúc động nhất là cảnh, cuối năm 1901, khi cái tết đã cận kề, trong khi cụ Cử Sắc đưa con trai lớn đi chấm thi ở trường thi Hương, Thanh Hóa, một mình Nguyễn Sinh Côn chứng kiến cảnh mẹ mất trong kinh thành Huế. “Côn òa khóc khi thấy mẹ đã thông một cánh tay xuống bên thành giường, một tay vẫn ôm vòng qua cổ bé Xin và bé Xin không biết mẹ đã chết cứ ngậm vú nhay nhay. Con phủ phục bên mẹ gọi: Mẹ! Mẹ! Mẹ bỏ chúng con sao mẹ ôi!”. Rồi cảnh một mình Nguyễn Sinh Côn - chú bé 10 tuổi mặc áo đại tang, chân đất chống gậy đi sau quan tài tiễn mẹ. “Chôn cất mẹ xong, Côn lại bế em về ngôi nhà hoang vắng... Em còn nhỏ lại lâm bệnh ỉa chảy, lại đang dịp Tết, Côn không muốn đưa em đến ở nhà ai vì sợ người ta khó chịu vì sự có mặt của hai đứa trẻ mồ côi... Côn bế em vào lòng, tựa lưng vào bàn thờ mẹ nhìn đau đáu trong đêm đen...”. Cuối cùng em Xin bé bỏng cũng từ giã cõi đời vì ốm đau, cô cút. Có nỗi đau nào lớn hơn ở một cậu bé lên mười?

Cuộc chia tay trên bến Nhà Rồng, ngày 5 tháng 6 năm 1911 giữa Út Huệ và Nguyễn Tất Thành cũng để lại ấn tượng khó quên và nổi xúc động lớn trong lòng người đọc. Út Huệ đưa cho Nguyễn Tất Thành nắm cơm, trước lúc anh lên tàu đi xa. Anh nói những lời chia tay với Út Huệ: “*Vì mất nước mà phải lìa nhà. Nếu không tìm ra phương kế giành lại độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân thì tôi không về mà cũng chẳng ai mong đợi làm gì*”. Cả hai đang kìm nén những tâm sự sâu xa, thầm kín. Út Huệ gửi tâm sự vào những dòng nước mắt, còn Nguyễn Tất Thành nhìn thấy gương mặt Út Huệ và gương mặt đất nước Việt Nam hòa vào nhau như một búp sen quê hương.

Là nhà văn hiểu sâu sắc về tiểu sử Bác Hồ, lại là người đưa lên những trang văn của mình bằng tất cả tâm linh cho nên tiểu thuyết **Búp sen xanh** nói riêng, các tác phẩm viết về Bác nói chung của nhà văn Sơn Tùng có sức hấp dẫn đặc biệt. Đọc **Búp sen xanh**, người đọc hiểu hơn về cuộc đời của Bác. Nói như Sơn Tùng: “Tất cả sự vĩ đại của Bác nằm ở nền móng đạo đức”. Nền móng ấy được xây dựng ở truyền thống gia đình và quê hương cùng sự nỗ lực rèn luyện của Bác trong suốt cả cuộc đời vì dân, vì nước. Nhà văn Sơn Tùng cũng là một nhân cách lớn. Theo ông: “Mình có thể bị tàn phế về thân thể nhưng đừng để tàn phế về tâm hồn và đánh mất khát vọng”. Chính khát vọng đó đã giúp nhà văn vượt qua thương tật, giúp ông làm nên những thành công lớn khi xây dựng chân thực hình tượng vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam./.

NGUYỄN TỰ LẬP

Mỗi tháng Năm về

Mỗi tháng Năm về nhớ Bác nhiều hơn
 Khi bên lăng Người muôn loài hoa thắm sắc
 Kim Liên quê nhà hương sen ngào ngạt
 Phượng thắp đỏ sân trường... tíu tíu tiếng trẻ thơ.

Mỗi tháng Năm về đất nước rợp ánh cờ
 Hường về Điện Biên - Chiến công lừng danh
 thuở trước
 Nhớ bao người quên mình để hôm nay có được
 Một Việt Nam thịnh cường sánh bốn biển
 năm châu.

Tháng Năm về càng gắn chặt bên nhau
 Tình giai cấp, nghĩa gia đình sâu nặng
 Qua bão giông ắt trời bừng sáng
 Trái ngọt đầu mùa dâng tặng những bàn tay.

Tháng Năm về
 Thêm nhưng nhớ những ngày...



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Tháng Năm nhớ Bác

Con về quê Bác tháng Năm
 Hương sen thơm ngát lòng thầm nhớ thương
 Cháu con đất Việt muôn phương
 Hường về xứ Nghệ quê hương của Người.

Vàng trán cao, mắt sáng ngời
 Bác đem ánh sáng bầu trời tự do
 Còn đây nhà lá đơn sơ
 Hàng rào dâm bụt đến giờ vẫn xanh.

Nơi đây Bác đã trưởng thành
 Vì lo việc nước Bác đành xa quê
 Còn đây phản gỗ, vông tre
 Mâm gỗ khung cửi mà nghe ấm lòng.

Rung rung con viết đôi dòng
 Tình thương của Bác mênh mông biển trời
 Làng Sen quê mẹ gọi mời
 Bóng người còn đó đời đời khắc ghi./.

PHƯƠNG HỮU THIÊN

Viếng Bác

Bác ơi!

Con vào lăng viếng Bác

Trời tháng Năm vàng sắc nắng Ba Đình

Dòng người nối nhau thăm gọi Bác:

Hồ Chí Minh

Bác vĩ nhân quên mình, làm cách mạng.

Như ánh hào quang ngàn đời tỏa sáng

Xúc động bồi hồi thương nhớ Bác - Bác ơi!

Con ước gì vẫn ở tuổi đôi mươi

Trần nhựa sống bước theo đường Người đã chọn.

Đất nước ơn sâu người Cha già kính mến

Đưa con thuyền Việt Nam cập bến vinh quang./.

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Lời nước non

Bác hiền non sông cả cuộc đời

Bước chân cứu nước trải muôn nơi

Trái tim nhân hậu bao nồng ấm

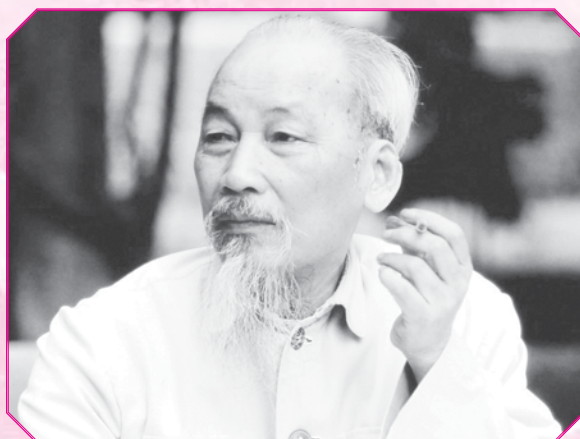
Ánh mắt thân thương mãi rạng ngời

Tiếng gọi kết đoàn hòa vạn ý

"Tuyên ngôn độc lập" vọng ngàn khơi

Sao vàng cờ đỏ mùa thu ấy ...

Lời Bác còn vang khắp đất trời./.



NGUYỄN HÀ HẢI

Vườn Bác

Một buổi sáng tháng Năm

Con về thăm vườn Bác

Thấy xao xuyến trong lòng

Hương sen hồng thơm ngát.

Tiếng chim reo khúc nhạc

Cắt lời ru trong xanh

Mây trắng trôi bồng bềnh

Thả bình minh êm ái.

Chao ôi! Sao đẹp lạ

Kìa đàn cá đang bơi

Dâm bụt đỏ đang cười

Cả vườn cây đầy nắng.

Con xin làm gió mát

Thổi tan cái nóng hè

Nguyện một đời theo Bác

Xây đẹp giàu chốn quê./.



ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM - NGỌN ĐÈN SOI RỌI ĐƯỜNG ĐI CHO VĂN HÓA VIỆT NAM

HOÀNG GIÁ

Nguyên văn câu ấy là: “Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ... Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” là phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Đại hội Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất ngày 24/11/1946 ở Thủ đô Hà Nội

Câu nói đó đã cụ thể hóa vị trí vô cùng quan trọng của văn hóa và khẳng định "Đề cương về văn hóa Việt Nam" mà Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua tháng 2/1943 chính là cương lĩnh tuyệt đối đúng đắn, tạo tiền đề cho những chính sách đúng đắn, là ngọn cờ tập hợp trí thức từ mọi phương trời đang mò mẫm trong sương mù thời cuộc. Đề cương thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng, tư duy chiến lược của Đảng, là ngọn đèn soi rọi cho nền văn hóa không chỉ ngày ấy, hôm nay mà có sức sống mãnh liệt mãi mãi trường tồn, vạch ra con đường sáng



cho nền văn hóa hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chính vì vậy, ngay từ khi mới giành được độc lập, Đảng, Bác Hồ đã lo cho nền dân trí. Bên cạnh nhiệm vụ “diệt giặc đói” là nhiệm vụ “diệt giặc dốt”. Bên cạnh việc khẩn trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự lực, tự cường, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là những nỗ lực tập hợp và thu hút nhân tài. Chưa bao giờ câu nói của Tiến sỹ - Phó đô Nguyên súy Tao đàn Nhị thập bát tú Thân

Nhân Trung “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” lại được Đảng, Bác Hồ coi trọng như ngày ấy. Vì thế, bao nhiêu nhà khoa học, những kỹ sư tài ba, những thầy thuốc ưu tú và cả những nhà triết học, những văn sỹ tiến bộ, những nhạc sỹ, vũ công... thức thời ở khắp mọi nơi, kể cả những người đang cư trú nơi hải ngoại được đãi ngộ rất cao cũng sẵn sàng trở về đất nước, tập hợp dưới ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh. Những nhà văn, nhà thơ từ bỏ “mộng mơ” chốn siêu hình, từ bỏ những trường phái xa rời thực tế... để đi vào cuộc kháng chiến thần thánh, cùng dân tộc mở ra mặt trận văn hóa, đánh giặc bằng những tác phẩm (văn, thơ, nhạc, họa...) mà sức mạnh của nó không hề thua kém những binh đoàn.

Tiêu biểu là những nhà thơ, nhà văn cách mạng như Tố Hữu với hai tập thơ **"Từ Ấy"** và **"Việt Bắc"**; Nguyễn Đình Thi với bài thơ **"Đất Nước"** và tiểu thuyết **"Xung Kịch"**; Hữu Loan với bài thơ **"Đèo Cả"**; Quang Dũng với bài thơ **"Tây Tiến"**, **"Đôi mắt người Sơn Tây"**; Ngô Tất Tố với **"Ký sự Phiên chợ trung du"**; Nam Cao với **"Nhật ký ở rừng"**, **"Mỏ Sầm banh"** và nhất là **"Đôi mắt"**; Nguyên Hồng với truyện ký **"Đất nước yêu dấu"** và truyện vừa **"Đêm giải phóng"**; Nguyễn Huy Tưởng với các vở kịch **"Bắc**

Sơn", **"Những người ở lại"** và **"Ký sự Cao Lạng"**, **"Nhật ký chiến tranh"**... Và đặc biệt là Hoàng Cầm - chàng trai miền Quan họ, trưởng thành bên dòng sông Đuống dữ dội, đau thương. Những bài thơ như **"Đêm liên hoan"**, **"Bên kia sông Đuống"**... Những vở kịch như **"Kiều Loan"**, **"Cô gái nước Tần"**, **"Ông cụ Liêu"**, **"Lên đường"**, **"Đêm Lào Cai"**... như những bản án lên án cuộc chiến tranh xâm lược, như tiếng kèn thúc giục người người xung trận...

Rồi cuộc trường chinh đánh Mỹ. Lốp lốp văn nghệ sỹ lại lên đường. Họ vừa là nghệ sỹ, vừa là chiến sỹ. Khi họ ngã xuống, ngoài tám bia mộ **"Tổ quốc ghi công"** họ còn để lại cho đất nước, cho dân tộc, cho thế hệ mai sau những vần thơ có lửa, những áng thiên cổ hùng văn, chân thực kể lại, vẽ lại, chụp lại một thời oanh liệt.

Những nhà thơ, nhà văn thời kỳ này đã đóng góp một kho tàng đồ sộ, chưa từng có cho nền văn học



nước nhà. Về thơ, có Phạm Tiến Duật với bài thơ tiêu biểu **“Tiểu đội xe không kính”**. Huy Cận với **“Đoàn tàu đánh cá”**. Bằng Việt với **“Bếp lửa”**. Nguyễn Duy với **“Ánh trăng”**. Thanh Hải với **“Mùa xuân nho nhỏ”**. Hữu Thỉnh với **“Sang thu”** và trường ca **“Đường tới thành phố”**. Y Phương với **“Nói với con”**. Thu Bồn với trường ca **“Bài ca chim Chơ Rao”** mang đậm tính sử thi... Về văn xuôi, có Nguyễn Minh Châu với **“Dấu chân người lính”** Nguyễn Thi có truyện ký **“Người mẹ cầm súng”**. Nguyễn Trung Thành có tiểu thuyết **“Rừng Xà Nu”**. Anh Đức có tiểu thuyết **“Hòn đất”**. Lê Văn Thảo có **“Con đường xuyên rừng”**. Và đặc biệt Đặng Đình Loan có tiểu thuyết **“Đường thời đại”** dài tới 20 tập, ngót ngét gần vạn trang sách, có thể coi là cuốn sử thi của thời chống Mỹ... Ngoài ra còn rất rất nhiều những cây bút chuyên, không chuyên với hàng ngàn bài thơ, hàng trăm truyện ngắn và cả những tiểu thuyết được bạn đọc đón nhận với tất cả sự đam mê và lòng biết ơn chân thành. Những sáng tác trong thời kỳ này vừa hay, vừa đậm đà tính dân tộc, đại chúng và cũng vô cùng khoa học, vừa khái quát, vừa tỷ mỷ, vừa kể thừa, vừa dự báo, nhất là dự báo về sự tất thắng, về tương lai đất nước...

Và hôm nay...

Sau bao nhiêu khổ đau, mất mát, cả dân tộc bừng bừng đứng dậy, không chỉ tìm cho mình sự sống, tạo cho toàn dân một cuộc đời đáng sống mà còn tìm cho mình một vị thế ngang tầm thế giới - vị thế của người chiến thắng, vị thế của của một dân tộc anh hùng vừa thông minh, vừa can cù, nhân hậu.

Các Văn nghệ sỹ lại hăm hở lao vào cuộc chiến tưởng dễ hơn rất nhiều so với cuộc chiến tranh cứu nước. Nhưng không. “Mọi sự so sánh đều là khập khiễng”. Một

đăng là kẻ thù trước mắt bằng thịt, bằng xương, bằng đồng, bằng sắt... Một đăng là kẻ thù vô hình, là đồng bào, đồng chí, là những người thân yêu và là cả chính bản thân mình. Những viên đạn ngọt lịm đường phèn, những cảm dỗ mê ly từ những nhu cầu vật chất chính đáng... Ai dám khẳng định cuộc chiến nào cam go, quyết liệt hơn cuộc chiến nào? Nếu như Văn nghệ sỹ không giữ vững lập trường, quên đi những điều mà Đề cương văn hóa Việt Nam từ năm 1943 Đảng đã từng cảnh báo, quên đi sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, quên đi ba cốt lõi: Dân tộc, đại chúng, khoa học... thì sẽ ngả nghiêng khi tả, khi hữu, khi nhuộm hồng, khi bội đen, sẽ xa rời thực tế, văn nghệ sẽ chỉ là đơn thuần văn nghệ... Và theo tôi những VNS ấy nên xếp bút, xếp cây cọ xinh xinh... để nhìn lại mình, ngắm lại cuộc đời...

Tám mươi năm đã trôi qua. Sau “Đề cương văn hóa Việt Nam 1943” là Đại hội Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), lần thứ hai (15/7/1948)... rồi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII **“Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc”** (1998). Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ chính trị **“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng với yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước”** (2008) và Đại hội Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021... đều nhấn mạnh điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, có nghĩa là Văn hóa là ngọn đèn, ngọn đuốc, là ánh sáng, là lương tri.

Văn hóa soi đường... đã trở thành chân lý của mọi thời đại và của mỗi con người./.

Phạt vạ

NGUYỄN TIẾN LỘC

- “Đứng lại”. Cô hoảng vía, đứng nguyên tại chỗ, nhận ra Quân, cô đâm thùm thụp vào vai anh, bực bội quát nhỏ:

- Anh làm em hết hồn. Anh về đi.

Cô dỗi bỏ về, Quân vội kéo lại, nói:

- Nền! Anh xin lỗi. Anh đùa một chút thôi mà.

Hai người ngồi sau gốc đa ở phía nhìn ra bờ sông. Quân ôm vai Nền nói ngon ngọt mãi cô mới nguôi cơn giận và hỏi:

- Anh về có chuyện gì thế?

Bây giờ, anh không đùa nữa nhưng vẫn chưa nói thật:

- Anh không có tiền đóng học phí, anh xin nghỉ học, tìm việc làm, có tiền lại đi học.

Nền nghe như thế, không tin vì sau kỳ nghỉ Tết anh vẫn sang học, bây giờ lại nói nghỉ, nhưng cô không hỏi thêm gì nữa. Cô quay sang bàn chuyện Quan họ, cô nói:

- Anh về lần này chắc sẽ ở nhà lâu, anh làm ông trùm đi, đám Quan họ làng mình độ này tập tành uể oải lắm.

Quân động viên Nền:

- Em cứ làm đi, chuyện của anh chưa biết thế nào đâu, nếu bố mẹ anh bán ruộng

Trăng thượng tuần đã lên trên đỉnh cây đa cổ thụ tuổi vài trăm năm, cành lá xum xuê, đứng sừng sững ở đầu làng, vô tư nhìn những đổi thay của cuộc đời. Ánh trăng chiếu lấp lóa trên những lớp sóng lăn tăn trên dòng sông đang thư thả trôi xuôi. Vài chiếc lá đa rủ nhau nhẹ nhàng rơi theo làn gió hiu hiu rồi là là nghiêng nằm trên mặt nước, mơ hồ. Dưới ánh trăng, Nền một mình từ trong ngõ đi ra phía cây đa, đầu vắn khăn có cài vài bông hoa bưởi. Cô gái nhìn quanh đáng vẻ như đang tìm ai đó. Một lát sau cô ngồi xuống gốc cây đa nhìn quanh nhìn quẩn rồi buông một tiếng thở dài. Cô gái đứng lên, quay người định đi về thì có một bóng đen từ sau gốc đa xuất hiện, nói nhỏ giọng rất đanh:

đi lấy tiền cho anh đóng học phí, anh sẽ lại đi. - Sau đó, anh nói tiếp: Lần này về làng, anh sẽ ở lâu. Anh bàn với em, ta phải dựng lại đội Quan họ, đừng để thua các làng khác. Thịnh thoảng, mời làng Lũng sang hát rồi mình lại sang họ.

Nghe đến đây, Nền nói:

- Chuyện ấy em biết rồi. Đợt này, anh phải làm ông trùm, em không làm nữa. Năm ngoái, anh làm bài “Sông Cầu nước chảy lờ thơ” mọi người thích lắm.

Quân ngắt lời cô:

- Không. Em cứ làm đi. Em giọng kim, ít người có giọng đó. Anh đừng đặng sau em.

Nền nghe đến đây thì cũng thôi, vẻ ung thuận ôm riết lấy người yêu. Quân nói:

- Mai, khi ra chùa học hát, em để ý, đưa trẻ nào giọng tốt thì cho vào đám Quan họ làng.

Nhiều đám mây sẫm màu bay ngổn ngang trên bầu trời. Cảnh trăng nước nên thơ bên gốc đa mờ đi. Quân và Nền ôm nhau quấn quýt như hai con rồng đất, khăn vắt trên đầu Nền tụt xuống, Quân vẫn ôm riết thân hình thon thả, mềm mại của Nền... thì bỗng có tiếng mõ vang lên ngày một rõ. Nền ngồi bật dậy, nói nhỏ:

- Thôi đi anh, em lo lắm, nhớ “bị” thì... - Cô chưa nói hết thì Quân nói luôn:

- Thì cưới chứ sao. - Tiếng tên mõ làng hét trong loa nhòm:

- Loa loa loa loa, thượng hạ Tây Đông, trên bến dưới sông, nghe loa Lý trưởng. Loa loa loa loa, loa loa loa loa, ngày mai, ngày mai, già trẻ, gái trai ra đình xem phạt vạ.

Quân quay sang hỏi Nền:

- Phạt vạ ai đấy, em có biết không?

- Hình như nhà họ... Cô vừa nói đến đây, tiếng loa lại vang lên rõ hơn:

- Chiềng làng, chiềng chạ, thượng, hạ, Tây, Đông; con gái phú ông, không chồng mà chữa. - Sau những câu giao đãi như vậy để mọi người chú ý, tên mõ tiếp: Sáng mai, mời bà con ngõ Đông, ngõ Tây, ngõ Nghè, ngõ Chùa ra đình, nghe các quan xử vụ Nắm.

Nghe rõ việc làng bắt vạ vụ Nắm chữa hoang, Quân bảo với Nền:

- Vậy ta chuyển hợp đám Quan họ sang ngày khác. Mai em gọi chị em ra chỗ phạt vạ, anh cũng ra, không hiểu tên Lý trưởng sẽ hành hạ bà ta sao đây. Nói xong, Quân và Nền lững thững đi với nhau một đoạn, khi đến ngã ba họ chia tay, ai về nhà nấy.

Sáng hôm sau, tại ngôi đình làng. Ông Thủ từ mặc một chiếc áo đỏ, vừa làm lễ buổi sáng xong thùng thảng ra đình dự buổi phạt vạ. Đến nơi ông đã thấy người đi lại nhón nháo đầy sân. Các vị chức sắc đã an tọa trên những dãy ghế dài. Một chiếc bàn phủ khăn hoa, kê chếch phía bên phải những hàng ghế, đây là nơi dành cho Lý trưởng đứng điều khiển. Hai tên tuần đình giải vụ Nắm vào sân, hai người đàn bà xóc nách vụ đi bên cạnh. Vào gần bàn lý trưởng đứng, họ ấn bắt vụ quỳ, mặt hướng về phía các vị chức sắc. Vụ vén chiếc váy nâu sụp quỳ xuống, chiếc váy phủ kín chân, lộ ra cái bụng hơi phình to. Mặt mũi vụ Nắm có vẻ phờ phạc như người mất ngủ, lo nghĩ nhưng đáng vẻ trông không đến nỗi nào, nước da ngăm ngăm nâu, đôi mắt to đen, thân hình

thon thả, tuổi tác chừng ba mươi. Lý trưởng lừ lừ đi đến gần mộ Năm hỏi như quát để lấy oai:

- Đứa trẻ trong bụng kia là của ai? Khai mau.

Mụ Năm chưa trả lời thì Phó Lý đến gần mộ quát không kém gì Lý trưởng:

- Tao nói cho mày biết, tội chữa hoang là tội tày đình, phải bị phạt vạ, nếu không có tiền nộp phạt thì phải trôi sông. Mụ Năm hoảng vía cúi xuống lạy Lý trưởng, Phó Lý:

- Con cần rơm, cần cỏ con lạy các cụ, các cụ tha cho con, các cụ bắt phạt tiền thì con lấy đâu ra. Mấy đứa trẻ nhà con biết sống thế nào.

Phó Lý trợn mắt:

- Mày có một đồng tiền chồng mày đi làm phu cao su trong Nam gửi về, sao lại bảo là không có?

Mụ Năm vẫn khóc, van xin:

- Bẩm các cụ, tiền ấy con nuôi bố mẹ già, ba đứa con nhỏ, làm gì còn ạ. Các cụ vào nhà con mà xem, chúng con toàn ăn khoai, sắn thôi.

Phó lý liền nói:

- Tao đã vào nhà mày nhiều rồi. Tao thấy nhà mày có đầy đủ cả giường tủ, thế mà dám kêu không có tiền.

Mụ Năm lại van xin:

- Bẩm cụ, đây là những thứ mua từ khi nhà con mới đi lính sang Tây, gửi tiền về, hai năm nay biệt tin tức, con lấy đâu ra tiền.

Phó lý lại quát to hơn nữa:

- Được, bây giờ tao hỏi, bao nhiêu tiền tuất của chồng mày để đâu? Dem cho giai à?

Lý trưởng bị “chạm nọc” đả lại Phó lý:

- Bây giờ là xử việc chữa hoang. Ông

đừng lệch sang chuyện khác, mất thì giờ của dân làng, để tôi hỏi.

Lý trưởng nghe Phó lý hỏi về tiền tuất của chồng mụ là có ý mánh khỏe, xỏ xiên, xía vào việc mình “ăn cướp” tiền tuất của mụ, nên hỏi mụ, xoáy vào việc chữa hoang:

- Mày khai thật đi, ai làm cho cái bụng mày chữa ỉnh ra như thế kia. Mày khai ra thì tha cho mày khỏi tội trôi sông.

Nghe Lý trưởng hỏi câu này, Phó lý điếng người, biết là hấn lại chĩa mũi nhọn vào mình. Một lão làng nghe Lý trưởng và Phó lý hỏi cung mụ Năm linh tinh quá, quay sang nói với người bên cạnh:

- Hai lão này phạt vạ hóa ra lại bới tội của nhau, vui quá. Bụng chúng cũng đầy cú.

Mụ Năm vẫn quỳ như cũ, đầu tóc rũ rượi, thỉnh thoảng lấy tay xoa vào cái bụng lùm lùm, có vẻ như là cái thai trong bụng ngo ngoạy. Hai “đấu thủ” đều bị chạm nọc sau một trận “khẩu chiến”. Lý trưởng cúi xuống hỏi mụ Năm rất “bỗ bã” có vẻ như chĩa thẳng vào đối thủ của mình:

- Mày có nhớ đêm hôm trước, "chuyện ấy" xảy ra như thế nào không, mày kể thật ra đi.

Phó lý rất "cay" về câu hỏi này, cầm uất nhìn Lý trưởng. Trong khi mụ Năm chưa biết khai như thế nào, Lý trưởng hỏi tiếp:

- Chuyện thế nào, cứ khai thật, tao sẽ tha tội cho.

Ngồi ở đây từ đầu đến giờ, không nói gì, bây giờ Chánh Khuê mới lên tiếng một cách khéo léo:

- Hai ông đừng ép cung. Chồng bà ta đi phu là do nhà nước bảo đi, chết mới có

tiền tuất, đây là tiền xương máu của chồng. Còn chữa hoang là phạm thuần phong mỹ tục, phải cân nhắc khi xử, đừng để dân chửi, quan trên “sờ gáy”.

Phó lý thấy Chánh Khuê nói như vậy cũng e ngại, có vẻ ông ta đòn sóc hai đầu, cả mình và Lý trưởng chưa chắc thoát tội. Mụ Năm nghe chánh Khuê nói cũng bết lo, tội của mình chắc không bị trôi sông, bèn lau nước mắt, lấy tay bóp đùi cho đỡ tê, nói khe khẽ:

- Kính bẩm cụ Thượng, cụ Lý, cụ Phó lý, hôm ấy tối khuya. Con đang chập chờn ngủ, bỗng nghe thấy chó sủa, tiếng người nói chuyện âm ỉ, con đoán là tuần đình đi tuần. lát sau, một người lom khom đẩy cửa liếp đi vào, tay cầm một chiếc gậy gõ cộc cộc, con rất sợ, vội vùng dậy thì cái bóng ấy tiến đến gần, con hoảng hốt, hỏi:

- Ai? Ai? Ai? Không thấy tiếng trả lời, con kêu lên:

- Ôi làng nước ơi, cướp... cướp... cướp... thì bóng đen ấy nhảy xổ vào, đè con xuống, mùi rượu thịt nồng nặc, một bàn tay hộ pháp bịt miệng con, bóp cổ, cả người đổ ập lên người con, con xoay người vào trong thì cái bóng ấy, quát:

- Im ngay! Không thì tao giết. Không có ai ở đây đâu. Đừng sợ. Tao cho tiền.

Con đẩy mạnh người ấy lên, người ấy lấy đầu đè con xuống, râu cắm người đó cọ vào mặt con đau rát. Con lả đi không biết gì nữa.

Mọi người ở đây nghe mụ nói thế đều quay nhìn Phó lý có bộ râu dê, họ bùm miệng lại không dám cười. Mụ vừa nói đến đó, Phó lý hét lên:

- Nói láo. Cho nó trôi sông.

Tiếp theo, Lý trưởng cũng hét to:

- Có thật như thế không. Mày mà khai gian, tao cũng cho mày trôi sông.

Mụ Năm nghe cụ Lý nói thế thì sợ quá, ấp úng:

- Bẩm cụ Lý, con kể thật đấy ạ!

Phó lý tỏ ra lo khi nghe câu này, nhìn xung quanh dò xét thái độ mọi người. Chánh Khuê nghe mụ Năm nói xong thì vụt đứng dậy, hỏi:

- Mày có biết chắc người đó là ai không. Nói ra đi, mày sẽ không bị trôi sông. Mày không nói, làng phạt vạ, mày phải làm một trăm mâm cỗ mời cả làng.

Mụ Năm hết hồn, kêu to:

- Con chỉ biết thế, con đã nói hết rồi, con không biết rõ là ai, con không dám nói. Còn bị phạt vạ, nấu cỗ cho cả làng xơi thì con lấy đâu ra tiền. Con xin cụ Chánh đền giờ soi xét.

Chánh Khuê vẫn không tha, hỏi móc:

- Thế một đồng tiền tuất của chồng mày đâu?

Mụ Năm lại òa lên khóc to hơn:

- Bẩm cụ lớn, tiền tuất của chồng con vốn vẹn có một trăm hai mươi đồng cụ lý đưa cho, chỉ đủ tiền ăn uống sửa nhà, làm chuồng lợn, chuồng gà, chi tiêu được hơn một năm là hết.

Chánh Tổng buông thông một câu:

- À, ra thế! Chỉ có một trăm hai mươi đồng, thế ta hiểu rồi. Hiếm nào. Ông Lý trưởng làng ta có nhiều phép lạ đấy. Riêng ta nghĩ, với số tiền hai trăm đồng nhà nước trả thì cả gia đình nhà ngươi tha hồ chi tiêu.

Lý trưởng nghe đến đây, đứng phắt dậy, quay về phía chánh Khuê phản ứng.

- Cụ Chánh chưa biết hết chuyện này, cụ nói thế chỉ đúng một phần thôi, còn nhiều thứ rắc rối về chuyện đi lĩnh tiền cụ ạ. Hôm nào cụ rảnh con sẽ đến thưa chuyện.

Chánh tổng Khuê nghe thế, biết vậy gật đầu, bèn thôi không nói gì. Tuy vậy, Lý trưởng vẫn chõ vào mặt cụ Năm, dọa tiếp:

- Mày nói đi. Đứa con trong bụng này là của ai? Cụ Năm lúng búng không biết trả lời ra sao thì có một người ăn mặc kiêu thành phố vừa vào đến sân đình đã nói rất to:

- Thưa các cụ, đứa bé trong bụng kia là của tôi đây ạ!

Cả đám đông sùng sốt, không biết người mới vào là ai mà dám nhận là bố của đứa trẻ ở trong bụng cụ Năm, cả cụ Năm cũng vậy, vội quay ra nhìn. Một lát sau, đám Quan họ mới biết rõ người đó, gọi toáng lên:

- Anh Quân ơi, vào đây với chúng em.

Một ông trên năm mươi ở góc xa, chưa nhận ra người mới vào, quay sang hỏi người bên cạnh:

- Ai thế nhỉ? Ai mà dám cả gan giữa đình làng nhận đứa bé chữa hoang là con mình.

Một bà đứng gần lối vào đình nói luôn:

- Đây là cậu Quân, con ông Hoàn, cậu ấy đang học bên Hà Nội.

Một ông trung niên có thể là họ hàng của Phó lý, nói với vẻ răn đe:

- Chuyện của “người ta” để mặc “người ta”, anh đừng “xía” vào, khéo mà bị vạ lây. Một số người yên lặng nhìn chăm chăm vào ông ta có vẻ không đồng tình nhưng không nói gì. Quân cũng lặng thinh.

Riêng chánh Khuê là bố của Nền và Nếp, lên tiếng:

- Anh Quân, đây là việc của làng, để làng xử. Việc của anh là học, đừng can dự vào đây.

Nói xong câu đó, chẳng hiểu nghĩ thế nào, Chánh Khuê quay sang nói với Lý trưởng:

- Tôi phải đi gặp ngài Chánh sứ, có trát đòi gấp. Các ông liệu mà xử, đừng quá đáng.

Ông lững thững ra khỏi sân đình. Quân tiến đến trước mặt Lý trưởng, dẫn giọng:

- Các ông đừng ăn hiếp của dân, đứng ở ngoài kia tôi nghe hết rồi. Tiền tuất của chồng bà ta nhà nước đã có quy định rõ, ông phải trả lại cho bà ta, nếu không, tôi sẽ lên tỉnh kiện giúp bà này. Còn việc chữa hoang, xa chồng năm sáu năm trời, ai mà chịu được. Bây giờ, các ông lại đề ra bắt vạ, trôi sông, làm thế là phạm luật đấy. - Nghe đến đây, Lý trưởng sợ Quân lôi hết mọi chuyện ra, hấn quát:

- Trương tuần đâu, gô cổ thẳng này lại cho tao.

Không thấy ai ra trối, vì họ nghe Quân nói có lý, Lý trưởng chắp tay sau đít, đi đi lại lại, vẻ tức tối. Quân tranh thủ tố cáo hấn:

- Đây, có ai nghe lệnh của ông đâu. Người ta cũng biết ông bắt đàn bà chữa hoang cho vào rọ trôi sông là phạm tội giết người. Nghe Quân nói như vậy, hấn quay lại, quát to hơn:

- Này, mày đừng tưởng mày có học rồi ra đây giờ lý với tao. Hay là mày ăn phải “bả” Việt Minh thì bảo tao. Phép vua thua

lệ làng. Quân bình thân nói với lý trưởng:

- Cái lệ của làng ông lạc hậu rồi. Bây giờ nhà nước đã có luật, không phải muốn quy tội thế nào cũng được, cái cách làm bậy, làm bạ với phụ nữ, ăn chặn tiền tuất là trái luật, phải tù. Còn tôi có là "Việt Minh" hay không, ông hỏi dân làng sẽ biết, ông không thể vu khống cho tôi. Tôi đổ ông đấy.

Lý trưởng cũng hiểu, nếu chuyện tiền tuất bị lôi ra, hẳn sẽ lôi thôi to, chuyện bỏ rọ trôi sông là phạm pháp, không coi thường thằng này được, hẳn hạ giọng:



- Nhưng tao phải tìm ra kẻ làm cho mụ ấy chữa, trị tội cái thằng khốn nạn đó.

Quân chớp lấy câu nói của Lý trưởng, nói:

- Thì tôi đã nhận là bố của đứa trẻ rồi đấy. Ông làm gì thì làm đi. Mà ông tinh ý thì cũng biết kẻ ấy là ai rồi, không phải truy hỏi nữa đâu. Liệu ông có dám ra tay không? Hay là lại sợ đứt dây, động rừng. - Lý trưởng hơi chột dạ, lo lắng chưa biết tính sao. Quân lại nói: - Cái khoản tiền tuất của mụ Năm ấy, người ta không để cho ông yên đâu, họ muốn ông vào tù để họ thay ông. Nhưng thôi, tôi không muốn nhúng vào chuyện này nữa. Tôi chỉ xin kể một chuyện ở cái làng làm cang tiểu gần làng ta để các cụ, dân làng cùng nghe và tìm ra bố của đứa trẻ. Câu chuyện như thế này.

Anh chưa kịp nói thì một ông lão đề nghị:

- Anh nói to lên chúng tôi mới nghe được, chúng tôi tai điếc nhiều rồi. Quân tuân theo nói:

- Làng ấy có khu làm cang tiểu ở cánh đồng xa nhà dân để tránh khi đốt lò gần làng, khói mù mịt gây hại sức khỏe. Tất cả có đến dăm chục lò, mỗi lò ở xa nhau trên trăm mét. Đốt lò phải vài ngày mới được một mẻ. Ban đêm, đàn ông, đàn bà, trai gái có tình ý với nhau, rủ nhau đi làm tình rất thuận lợi, không ai biết ma ăn cổ ở đâu mà tìm. Lần ấy, một mục hơn ba mươi tuổi là dân đốt lò bị chữa hoang, chức dịch trong làng phạt vạ, Lý trưởng hỏi:

- Mày ăn nằm với ai, khai ra mau, không khai, mày phải chịu phạt vạ làm cổ mồi cả làng, không làm thì bị trôi sông. Các vị, có biết mục ta trả lời thế nào không? Mục ấy bảo:

- Các cụ có nhà, có ruộng, vợ con đầy đủ giàu có, tôi mảnh đất cắm dùi cũng không, đời sống cực khổ, không ai lấy, sống một mình tôi không chịu được. Có mỗi cái này làm cho tôi “sung sướng”. Mục vỗ vào phía dưới bụng dưới rồi nói tiếp:

- Chỉ có mỗi nó mới làm cho tôi “sung sướng”. Tôi muốn làm gì thì làm, để con ra tôi nuôi. Tôi có bắt ai nuôi đâu. Tại sao các cụ bắt vạ tôi. Còn các cụ bảo “cái này” là của các cụ (bà ta lại vỗ vào phía sâu bụng dưới) các cụ lấy “nó” để bắt vạ tôi thì tôi trả “nó” cho các cụ đấy. Các cụ chưa biết nói gì, làm gì thì mục cứ tiến đến trước mặt, cởi phăng cái váy có mùi khăn khăn, đưa cho đứa con gái sáu bảy tuổi đứng gần đó rồi cứ thế mục hô tiến đến gần các vị chức sắc, nói:

- Đây, cái này là của các cụ đấy, lấy để bắt vạ đi, nếu các cụ muốn “sung sướng” thì cũng “cầm” lấy, tôi bằng lòng đấy, đừng bắt vạ tôi nữa. Tôi cũng xin các cụ đừng hỏi ai là bố của đứa bé đang nằm

trong bụng tôi, vì tôi mà nói ra thì cũng phiền cho ai đó ngồi ở đây, mong các cụ đèn giời soi xét.

Nói rồi, mục cứ hô tiến đến gần các cụ hơn tay vỗ đôm đốp vào phía bụng dưới. Các vị chức sắc đỏ mặt, tía tai, ngồi yên chịu trận nhưng mắt vẫn nhìn vào chỗ mục vỗ, không biết đối phó với tình huống này như thế nào. Thấy vậy, mục ta lại tìm ra cách giải thoát cho các cụ. Mục nói:

- Đây, các cụ không “lấy” thì con đem “nó” về vậy. Con xin đội ơn các cụ. Quay đi được vài bước mục còn ngoái lại, hỏi:

- Bây giờ, các cụ có còn muốn tìm ra kẻ nào là bố đứa trẻ nữa không?

Các vị chức sắc im thin thít như thịt nẫu đông, nhìn theo con mục chữa hoang đánh đá đi ra mà không làm gì được.

Nghe Quân kể câu chuyện bắt phạt vạ thất bại ở làng gôm, Lý trưởng, Phó Lý làng Khúc cứ đực mặt ra nghe, không ai nói gì. Quân thông thả ra về. Lý trưởng ghé tai nói với phó lý:

- Thôi, để cho thằng “ngựa non háu đá” này xéo đi cho rảnh, ta sẽ tính chuyện này với nó sau cũng chưa muộn.

Bà con làng Khúc hả hê nghe xử vụ phạt vạ đầy bi hài, cười ra nước mắt. Chánh, Phó Lý bị Quân làm cho một trận mất mặt. Trong dòng người đi về có một ông cụ khoảng ngoài sáu mươi người mệnh hạc, quắc thước nói với những người cùng trên đường về nhà:

- Con cụ giáo Hoàn ăn nói đỉnh đặc quá. Có một người con như thế sướng cả đời. Phen này, Lý trưởng, Phó Lý lo sốt vó, có khi mất chức chứ chẳng chơi./

Làng tôi

Ngôi làng của tôi

LƯU THỊ PHỤNG

Làng tôi nằm lọt giữa một vùng đồi. Còn nguyên những rặng tre mà các cụ kể là đã trồng từ lâu lắm. Vẫn còn đó cây đa già ngự bên bến nước, vẫn cái giếng làng to tròn vành vạnh. Và cũng chẳng biết có từ bao giờ, đầu làng sừng sững một cây gạo cổ thụ, gốc sần sùi, mốc thối theo thời gian. Đám chuột đồng sừng sục tha rơm rạ vào lót ổ, chả màng gì đến bọn trẻ trâu chúng

tôi vẫn ngày ngày nô đùa ở xung quanh. Thế là một ngày, cả bọn bảo nhau ôm rơm đến giành lãnh thổ. Chúng tôi dồn rơm vào cái lỗ ở gốc gạo rồi châm lửa. Lũ chuột đồng chạy tóe ra kêu choe choe. Lát sau, bọn tôi tưới nước, dập đám cháy. Từ đấy, cái hang trong gốc gạo to hơn. Mỗi năm, cây lớn lên, cái hang lại rộng dần, góp thêm một vẻ độc đáo cho cổng làng.

Mỗi lần đi cày ngoài đồng về, bố thường ngồi nghỉ dưới gốc đa. Bố bảo: "Thần cây đa, ma cây gạo", bố dựa vào đây để thần độ cho mạnh khỏe. Còn bọn trẻ trâu thì sợ gì con ma nào. Cả lũ nghe bố kể mãi câu chuyện mà vẫn nửa tin nửa ngờ: Ngày xưa các cụ kể rằng cây gạo là nơi trú ngụ, đưa đường dẫn lối cho những linh hồn đi tìm người thân... Bà thì kể: Vào ngày mưa phùn, thấy đom đóm bay ra, các cụ bảo: Ma đi chơi đấy. Cho nên, ma cũng là người, chỉ là họ đã mất rồi. Mỗi lúc nhớ người nhà, ma lại về đậu trên chòm cây, nhìn thấy những người thân của mình mà không nói được do âm dương cách biệt, nên nhập vào con đom đóm khắc khoải bay ra bay vào, rồi mắc võng ngoài bụi tre khóc tí tí vì thương nhớ... Hóa ra, ma cũng có nhiều nỗi buồn và hiên lành chứ đâu có gì đáng sợ. Vì vậy mà trong làng, đầu làng, cuối làng, chả biết từ bao giờ ai đã trồng những cây gạo ấy cho ma đậu. Chả biết có ma hay không, nhưng việc cây gạo còn có một ý nghĩa tâm linh như thế thì đứa nào cũng tin.

Bà bảo rét Nàng Bân trong tiết tháng Ba ta bây giờ chỉ thoáng qua. Vẫn còn những cơn mưa lâm thâm nên bầu trời trông âm u, ảm đạm lắm, phải có cơn mưa rào trời mới sáng ra. Mỗi lúc đau người bà lại cần nhần: Trời nồm, ẩm sì thế này khéo sinh bệnh mà ốm mất...

Những cành gạo xum xuê đã trút lá từ độ mùa đông. Tháng Ba về, trông chúng khô khốc như không còn sức sống. Nhưng cũng không cần được lũ trẻ vẫn chơi mèo đuổi chuột, vẫn ẩn nấp trong hang, rồi lại

chui ra chui vào qua gốc cây trong những tràng cười không dứt.

Một ngày tôi từ cổng làng chạy về, chỉ ra cây gạo rồi reo lên: Bà ơi! Sắp hết ảm ướt rồi. Bà tôi mắt nhìn hấp háy, tươi cười: chúng sẽ nở nhanh lắm con ạ. Mà thế thật. Hôm qua bầu trời còn xám xịt. Hôm nay đã nhìn thấy bao nụ hoa như ngọn nến thấp trong đêm. Chả biết có phải hoa gạo nở ra để soi đường cho những linh hồn thỏa thích ngắm người thân như lời các cụ trong làng kể hay không? Chỉ biết, một ngày làng có bao cây gạo đều gọi nhau đồng loạt nở hoa, rực rỡ một màu đỏ chói. Làng rạng ngời như đứa trẻ lần đầu được khoác tấm áo mới. Bây giờ thì đừng có ai bảo chỉ có hoa hồng, hoa ly ở ngoài thành phố mới làm thao thức lòng người nữa nhé.

Ngày còn bé tôi hay theo mẹ đi chợ. Trong con mắt trẻ thơ, quán chợ thật náo nhiệt. Đây là nơi trao đổi của những người mang bán và đến mua. Mẹ thường ngồi bán rau muống dưới gốc cây gạo, rồi mua về hành tỏi, cà chua, hay mắm muối. Lắm lúc có người đi qua, tôi đon đả: Bà ơi! Bà mua rau muống cho nhà con đi ạ. Gớm con cái nhà ai bé tẹo mà đã dẻo mồm quá, một bà cụ dừng lại xoa đầu tôi bảo thế. Tôi nhìn mẹ pha chút then thùng mà sung sướng khi thấy mẹ gật đầu: Con gái mẹ khéo ghê, đã biết bán hàng rồi đấy.

Nhưng có hôm mẹ chả bán được mớ rau nào. Chỗ hai mẹ con ngồi rụng đầy hoa gạo. Tôi xếp những bông hoa năm cánh ấy xen vào mấy mớ rau. Màu xanh

và màu đỏ đan vào nhau, giống như một bó hoa. Mẹ ngồi buồn, ngắm một lúc rồi buột miệng: Đúng là *"nắng tháng Ba mà hoa không héo"* thật. Những cánh hoa gạo rất dày, bất chấp đã rụng từ lúc nào lúc nào, vẫn tươi tắn như nụ cười của cô gái đang độ xuân xanh.

Tháng Ba về thoảng cơn gió nồm Nam. Những bông hoa gạo dần lìa cành, xoay tròn rồi từ từ rụng đầy xuống gốc. Nhìn xa như một tấm thảm nhung lông lầy. Sáng ngày, tụi trẻ con lao ra cổng làng, tranh nhau ngã mình trên tấm thảm đầy những đóm lửa ấy, cảm giác như sinh lực đang tràn về, khoan khoái vô cùng.

Bà bảo bây giờ thêm nhất là cơn mưa rào. Cho ông trời vén bức màn lạnh lẽo, cho bệnh tật ra đi không ngày trở lại. Để xương khớp không chỉ của bà, mà của cả những người già, phụ nữ đã sinh nở trong làng sẽ hết cơn đau nhức. Qua bữa cơm tối, tiếng sấm ì ùng rồi mưa ập xuống như trút nước. Bà cười móm mém mà bảo: Sấm sau ăn là không sợ mất mùa đâu. Hôm sau, đám lá tre vàng hươm rơi lững thững theo gió cuốn đi, đã vấy gọi một màu cốm non trở về thay áo mới cho cây. Bà cười rạng rỡ: Thế là hết đau người rồi. Lại sắp có lá tre đập giá rồi.

Mãi mê với những bông hoa gạo lập lòe như thấp lửa, rồi náo nức với tấm thảm hoa rực rỡ đang trải ở cổng làng, chả ai kịp để ý ngày nào cây gạo lại đồng loạt nảy nở những mầm non. Một màu xanh sum suê thể vào chỗ của những bông hoa vừa rụng

xuống. Cây gạo thế mà lại có quả. Những hạt gạo theo gió bay đi... Hẳn ai đó hiểu kỳ giờ đây chột hiểu: Thì ra, gạo chính là chủ nhân trồng nên nó từ tận ngàn xưa rồi.

Trời nắng lên, mẹ mang chăn ra phơi. Thơm lấm, mẹ nói rồi cuộn lại cất trong túi bóng. Tôi bỗng nhớ hai câu không biết đã đọc được từ đâu: *"Bao giờ cho hết tháng Ba/ Hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn"*. Mẹ ơi! Tôi bỗng thẳng thốt. Bởi mỗi tháng Ba về là mẹ thêm một tuổi. Mẹ đã già đi nhiều. Cả đời mẹ lam lũ nhưng lòng mẹ thảo hiền, mẹ luôn lo toan vì con cháu. Còn tôi vẫn bơi đi trong những khát khao cho vẹn tròn sự nghiệp mà chính ngày nào mẹ đã ước mơ. Chỉ thỉnh thoảng tôi mới gác lại công việc đảo về thăm nhà. Mỗi lần trở về, tôi lại thấy nôn nao một nỗi buồn khó tả. Không biết đến bao giờ tôi mới gánh đỡ được cho những người thân yêu của mình gánh nặng đường đời, cho lưng họ bớt còng, để những ngày cuối đời họ được thanh thoi...

Bao năm qua, ngôi làng quê tôi nằm lọt giữa vùng đồi vẫn tràn trề bao ký ức. Thời gian biến đổi, nhưng cảnh vật vẫn bình yên, thư thả với rặng tre xanh. Những đêm trăng, bọn trẻ vẫn chơi trò đuổi bắt bên gốc đa già, chúng vẫn thích chui tọt vào cái hang ở gốc gạo mà hú òa trong tiếng cười khúc khích, rồi tựa mình vào gốc cây, hứng cơn gió đồng mát rười rượi. Ở bên, cái giếng làng vẫn trong vắt cho trai gái chụm mái đầu soi gương...

TRẠNG NGUYÊN NGÔ MIỄN THIỆU LẬP THI THOÁI LỖ

LÊ VIẾT NGÀ

Tam Sơn là nơi địa linh nhân kiệt, có truyền thống khoa bảng vẻ vang tiêu biểu hạng nhất của Bắc Ninh - Kinh Bắc với đủ người đỗ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng Nhãn và Thám hoa); có tới hai vị Trạng nguyên tài năng kiệt xuất - Nguyễn Quan Quang (Trạng nguyên đầu tiên của Việt Nam, đỗ năm 1246); Ngô Miễn Thiệu đỗ Trạng nguyên năm 1518, nổi danh là “lập thi thoái lỗ”, nghĩa là đứng làm thơ mà đẩy lùi được sự uy hiếp của giặc Minh.

Ngô Miễn Thiệu (1499 - 1556) con trưởng của Ngô Thầm, cháu họ Ngô Luân, cha của Ngô Diên, Ngô Dịch con rể Khiết Trai. Ông thi đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) năm 20 tuổi, khoa Mậu Dần, niên hiệu Quang Thiệu thứ 3 (1518) đời Lê Chiêu Tông. Khoa này triều đình lấy đỗ 17 người, trong đó có 3 Tiến sỹ cập đệ, 6 Tiến sỹ xuất thân, 8 đồng Tiến sỹ xuất thân. Ông làm quan triều Mạc, được thăng chức đến Lại bộ Thương thư kiêm Đô ngự sử, Chương Hàn lâm viện sự, nhập thị kinh diên, Thượng trụ quốc, tước Lý Khê bá. Ngô Miễn Thiệu là nhân vật tài năng đức độ,

thông minh từng được Vua Mạc triệu mời đặc cách để họa thơ khi giặc Minh nhòm ngó định xâm chiếm Đại Việt và ông đã “lập thi thoái lỗ”. Ông làm quan triều Mạc đến chức Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sỹ Ngự sử đại đô, Hàn lâm viện thị thư, tước Trình Khê hầu. Ngô Tướng công mất ngày 16 tháng 12 âm lịch, thọ 58 tuổi. Sau khi tạ thế ông được triều đình truy tặng tước Quận công.

Theo sử chép và truyện ký: Năm khi 20 tuổi, Ngô Miễn Thiệu thi đỗ Trạng nguyên thời Vua Lê Chiêu Tông, sau đó làm quan cho triều Lê 9 năm, giữ chức Ngự sử - Lễ bộ Thượng thư - Đông các Đại học sỹ, tước Trình Khê bá. Năm 1527, Mạc Đăng Dung thoán đoạt ngôi nhà Lê; Ngô Miễn Thiệu vì trung thành với nhà Lê nên không chịu làm quan cho nhà Mạc, ông về quê Tam Sơn dạy học. Trong 8 năm dạy học Ngô Miễn Thiệu đã đào tạo được nhiều người thi đỗ Đại khoa, trở thành những nho quan có nhiều công hiến cho dân, cho nước. Khi nhà Minh cho sứ sang hạch sách Vua tôi nhà Mạc, nhiều lần Triều thần đã phải dùng vàng bạc nhờ các

quan ở Vân Nam tâu lên Triều đình nhà Minh giúp, mới được yên. Mặc dù vậy nhà Minh vẫn có ý đánh nhà Mạc, chúng cử các tướng dẫn quân uy hiếp, xem động thái nhà Mạc thế nào. Tướng nhà Mạc ép Mạc Đăng Dung phải đích thân đến cửa Nam Quan bỏ Đệ hiệu, và chịu tiến cống như thông lệ. Mạc Đăng Dung cùng các cận thần đến Nam Quan, rồi tự trói mình gặp sứ nhà Minh, chấp nhận theo đúng các yêu cầu, thần phục mà không xưng Đệ. Nhà Minh yêu cầu trả lại mấy động mà Nùng Trí Cao đã chiếm từ thời nhà Lý

và cống nạp theo lệ. Mạc Đăng Dung đều chấp thuận cả. Nhờ thế mà giặc Minh tạm không đánh sang nước ta.

Nhưng sau đó mấy năm liền nhà Mạc tiến cống đều thiếu, Vua Minh liền sai Hàn Ninh Hầu Cửu Loan làm Tổng đốc quân vụ, Binh bộ Thượng thư Mao Bá Ôn, làm Tham tán quân vụ thống lĩnh một đội quân sang hỏi tội nhà Mạc. Đội quân này đóng ngay tại biên giới hai nước Việt - Trung.

Mao Bá Ôn làm bài thơ “Vịnh bèo” nhằm miệt thị nhà Mạc và cũng là để thăm dò nhân tài nước Nam. Nội dung bài thơ như sau (phần dịch):



*“Trần lan ruộng nước nổi bông bênh
Khắp chốn xem ra gốc bám nông
Không có rễ mầm, riêng có lá
Đám sinh cành cội đám sinh lòng
Tụ rồi tán hay chẳng tá
Nổi đó khi chìm có biết không?
Đến lúc chiều trời đông bão nổi
Quét ra hồ biển sạch bông bong”.*

Nội dung bài thơ trên đại ý là: Bèo mọc trong ruộng nước nhỏ như cái kim, rễ bám vào đâu thì không ai biết, không ăn sâu. Bèo đã không rễ, không có lá, không có cành. Tuy rằng hợp lại đầy nhưng lại tan rã cũng rất mau, chỉ một trận gió là tan tác, nếu gặp phải khi trời xấu, bão gió thì quét một trận là ra hồ bể, không ai còn thấy vết tích nữa.

Sở dĩ Mao Bá Ôn chọn “vịnh bèo” vì ông nội của Mạc Đăng Dung tên là Mạc Bình, mà Bình là bèo. Bài thơ thể hiện sự khinh miệt coi thường nhà Mạc (nhục quốc thể) và còn có ý coi thường Mạc Đăng Dung.

Nhà Mạc nhận được bài thơ trên nhưng không ai họa lại được. Cuối cùng có người tâu lên rằng chỉ có Trạng nguyên Ngô Miễn Thiệu mới có khả năng họa lại được bài thơ này. Vua bèn cho triệu mời ngay quan Trạng vào triều. Ngô Miễn Thiệu biết rõ tình hình và nội dung bài thơ, xem xong liền nói: “Nếu không có lời lẽ thống thiết (kiên quyết) thì làm sao để chúng nhụt ý chí mà lui quân được, nhà Vua muốn thì có khó gì”. Rồi quan Trạng đi đi lại lại trong phòng và đọc bài thơ như sau:

*“Chen nhau vây gắm khó luôn Kim
Cành rễ liền nhau chẳng kể thân*

*Tranh với bóng mây trên mặt nước
Hé dung ánh nhật lọt dòng tâm
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong ba cũng chẳng chìm
Nào cá nào rồng trong ấy ẩn
Cần câu Lữ Vọng khó mà tìm”.*

Nội dung bài thơ trên đại ý là: Bèo kết lại với nhau dày đặc như vậy gắm, dù cái kim chui qua cũng không lọt, cành rễ liền nhau mọc chẳng chịt ăn rất sâu. Thường cùng đám mây trắng tranh vẻ đẹp trên mặt nước, ôm cả vàng mặt trời vào lòng sóng, ngàn trùng sóng đánh cũng e khó có thể phá, vạn trận gió cồn cũng chẳng thể nào chìm. Bèo còn có cá rồng ẩn mình bên dưới, và khi Thái Công hết kế thì cũng buông câu xuống dưới đám bèo mà tìm.

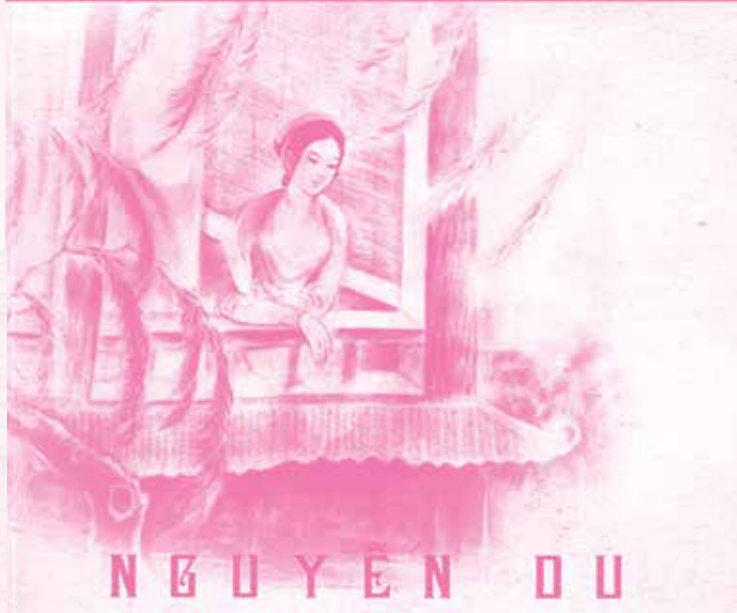
Mao Bá Ôn nhận được và đọc bài thơ nêu trên thì biết nước Nam vẫn còn nhân tài như vậy, khó mà uy hiếp được, liền cho rút quân về nước.

Ai cũng biết vận mệnh của đất nước, mỗi khi có giặc xâm lăng (đe dọa) đều do Triều chính và nhân dân một lòng quyết định (thắng bại), nhưng vai trò của những nhân tài siêu Việt cũng không hề nhỏ.

Lịch sử và giai thoại nêu trên phản ánh sâu sắc về tài năng siêu Việt của Quan Trạng Ngô Miễn Thiệu, đã góp phần quan trọng vào "lập thi thoái lỗ" /.

(Nguồn: Sách “Các vị đại khoa tỉnh Bắc Ninh”.

Truyện Kiều



NGUYỄN DU

CÂU 20: KHUÔN TRẮNG ĐẦY ĐẶN, NÉT NGÀI NỮ NANG

DƯƠNG MẠNH NGHĨA

BÌNH GIẢI...

Truyện Kiều là kiệt tác văn học, là thi phẩm hội tụ đầy đủ tinh hoa ngôn ngữ Việt, là một tác phẩm nổi tiếng của cụ Nguyễn Du trong kho tàng thơ văn, ca dao của một thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong nền văn học nước nhà ở thế kỷ XVIII.

Truyện Kiều đã ảnh hưởng sâu sắc và là món ăn tinh thần mọi mặt của nhân dân trong đời sống xã hội văn hóa, văn học nghệ thuật của hàng mấy trăm năm cho đến tận ngày nay.

Truyện Kiều cũng còn ẩn sâu những điều mà ta chưa thể tường tận trong từng câu, từng từ, từng ý tứ của Nguyễn Du. Trong 3254 câu thơ lục bát của cụ còn lưu lại, đều là những sách (không phải là bản

chính). Vậy làm sao chẳng có tranh cãi trong từng câu, từng từ, ý tứ được?

Trong một thời gian khá dài vừa qua: Đã có rất nhiều bài viết, nghiên cứu rất đa dạng về **Truyện Kiều**. Trong đó cả nước đã hình thành một đội ngũ những người có danh là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ trong lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật, các văn nghệ sỹ nhà thơ, nhà báo có bài viết về **Truyện Kiều**.

Để đáp ứng có tính chất là một ngành khoa học chuyên nghiên cứu về **Truyện Kiều** của Nguyễn Du. Một tổ chức xã hội đã hình thành và lập ra *Hội Kiều học* trong phạm vi cả nước.

Vừa qua đã có lần, được ngồi tiếp, trao đổi mạn đàm trong *Hội Kiều học*. Ông Nguyễn Khắc Bảo, Phó Chủ tịch *Hội Kiều*



học cho biết: Hiện trong tay ông đã sưu tập được 142 quyển Kiều các loại, trong đó có hai quyển chữ Hán, 68 quyển chữ Nôm, 72 quyển chữ Quốc ngữ. Quyển Kiều có niên đại lâu nhất là năm 1866, quyển muộn nhất là năm 2022.

Trong Hội Kiều học, có một việc sinh ra có tranh luận nhiều rất thú vị ở câu 20 trong **Truyện Kiều** mà chưa có hồi kết: "*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*".

Cũng theo ý kiến ông Bảo: Đại đa số trong 142 quyển Kiều ông đã sưu tập được ở câu 20 đều chép là "*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*". Có... không đáng kể chép "nét ngài" là "nét người".

Bài viết hôm nay tâm nguyện của tác giả, chỉ muốn trải lòng của một nhà thơ, một thành viên sáng lập trong *Hội Kiều học* với suy nghĩ của mình "bình giải" chủ đề ở câu 20 "*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*".

Ý thứ nhất "Khuôn trăng đầy đặn"

- "Khuôn trăng" là "Khuôn đẹp". "Khuôn vàng thước ngọc"... khuôn là hình có tính cố định... có thể là tròn, chữ nhật và các hình khác. "Khuôn trăng" khuôn tròn có chứa các hình đẹp... chị Hằng, Ả Hằng, Hằng Nga, Thỏ Ngọc... có thể gọi "Khuôn đẹp". Quan niệm

dân gian, trăng tròn chỉ có ngày 15-16 âm lịch. "Khuôn tròn" không bị méo mó biến dạng. Ý thơ của cụ Nguyễn Du dùng bút pháp tả "khuôn" là thực, cụ dùng từ "trăng" là ảo. "Khuôn trăng" là giữa thực và ảo - hữu hình và vô hình. Với hình ảnh trên Nguyễn Du đã dùng thủ thuật trong bút pháp (trộn giữa thật và ảo - ảo và thật) hoặc gọi cách khác (trộn giữa hữu hình và vô hình). Khuôn trăng đầy đặn... không phải cô Thúy Vân khuôn mặt đầy đặn. Và lại "Khuôn trăng đầy đặn" ngày 15-16 (âm lịch) rất phù hợp trong ý thơ với quan niệm xưa: Con gái tuổi 15-16 là tuổi "cập kê" đã trang điểm sắc đẹp bằng cách búi tóc, cài trâm. Tuổi "cập kê" cũng là tuổi lấy chồng. Ý tứ này đã nói nên sự "phù hợp tương đồng" sắc đẹp của Thúy Vân ngoài đời.

Ý thứ hai "Nét ngài nở nang"

"Nét" là thoáng nhìn theo tư duy của từng người cảm nhận "Nét bút, nét sông là hình ảnh "thực", nếu là nét nguyệt, nét xuân sơn, nét thu, nét liễu, nét buồn là hình ảnh "ảo"... "nét" trong bút pháp đã dùng giữa thật và ảo. "Nét ngài" nét là ảo ngài là thực. Nếu dùng cả ý "Nét ngài nở nang" thì "Nét"

là ảo "Ngài" là thật. "Nở nang" hình ảnh "cả thật và cả ảo".

Nếu dùng cả hai từ "Nét ngài" thực... là nét lông râu của con ngài (con bướm tằm) sau khi đã hóa thân (từ con nhộng tằm ra con bướm tằm). Con bướm tằm cái có cánh bay, ở đầu bướm đã có hai cái râu dài, thanh, cong hình như cái lá liễu. Chữ "nga" trong chữ Nôm là "con ngài". Có thể dùng một chữ là "nga" dùng cho hai chữ là "nga my".

Theo "Diễn cổ văn học"... nga my là mây ngài. Hai cái râu của con bướm ngài cái dài và cong, nên người xưa dùng để trở lông mây của người đàn bà đẹp.

Kinh Thi "*Tâm Thủ Nga My*" là (đầu con sâu tằm, mây con ngài)

Thơ của Bạch Cư Dị "Bất tích kim mĩ nga my"... (Không tiếc vàng để mua mây ngài)

Chỉ người đẹp:

Lại càng đại dáng nga my

Trăm năm danh tiết xứng tuyền sao đang.

(Truyện Từ Thức Đ.C.V.H)

- "Nở nang" là: Thoạt nhìn trong thời điểm mới hóa thân của "con nhộng" tằm vừa cắn tổ chui ra thành con "bướm tằm" khi không có tác động của thiên nhiên như: ánh sáng, gió và độ ẩm và chưa có tác động của con người.

Thời khắc này quan sát thấy: Tại đầu con bướm ngài cái có hai râu phát ra hình cong, có lông dày từ đoạn sát đầu, mới nhỏ sau to dần (rồi mở rộng vào đoạn giữa của râu, rồi lại thu nhỏ dần về cuối râu) hình như một cái lá liễu.

Mây con ngài: Lông chỉ "nở nang"

trong thời gian không đáng kể (tồn tại từ mới hóa thân đến phát dục). Khi phát dục là thời cơ con người chọn từng con (bướm ngài) cái khỏe mạnh đã thụ dục đưa vào bát úp để gây giống (để trứng). Chú ý: Nếu là có ý định chọn giống, phải phân loại từ (kén cái) chọn những kén to.

Như ở phần trên: Những dãy nhà nuôi tằm người ta chọn nơi thoáng mát, ánh sáng độ ẩm phù hợp (trong kinh nghiệm nuôi tằm). Nếu khi đã bị tác động của thiên nhiên hoặc do con người (đưa nong, né đi nơi khác) thì "nở nang" sẽ không còn rõ nét.

"Nở nang" chỉ xảy ra trong một thời gian giữa thực và ảo hoặc gọi là hữu hình - vô hình. Hai từ "Nở nang" cụ Nguyễn Du đã (nhân thêm) cho sắc đẹp của Thúy Vân lại rất phù hợp với tuổi "cập kê" dậy thì của một người con gái trong trắng, hiền dịu, phúc hậu như Thúy Vân (ảo như con bướm tằm cái ở độ có râu thời kỳ phát dục).

"*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*" cụ Nguyễn Du đã tạo trong thơ thành một bức tranh "thủy mặc" đẹp - hay đến ngây ngất đi vào trái tim của người đọc. Cụ đã rất thiên tài trong thơ, khéo pha trộn xen kẽ, từng ý, từ trong một không gian "thực và ảo" cái "hữu hình và vô hình". Thơ Nguyễn Du đa chiều, đa cảm.

Trong cái không gian đa chiều, đa cảm - "thực ảo - ảo thực" đó. Chúng ta sẽ cảm nhận thấy những chiều không gian khác nhau, hình ảnh khác nhau là con đường đi vào trái tim của từng người khác nhau khi đọc **Truyện Kiều** ở câu 20 "*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*"./.

LỊCH SỬ - GIAI THOẠI VỀ

Bài về ở Lạc Thổ và Sự tích Cầu Chiêu

NHO THUẬN

Nhiều đời nay dân làng Lạc Thổ, tổng Đông Hồ xưa (nay thuộc phường Hồ, thị xã Thuận Thành) tỉnh Bắc Ninh, vẫn truyền nhau về một bài về và một câu chuyện "Sự tích Cầu Chiêu", có nội dung như sau:

- Về nội dung bài về:

“Ông Nghè cưỡi ngựa đi qua/ Dân làng Lạc Thổ chạy ra đầu làng/ Gậy gộc cùng với đòn càn/ Hò nhau đuổi đánh Nghè Hành chết tươi/ Đánh xong rồi mới rụng ròi/ Con Vua mà chết lòi thoi phen này/ Tìm người chịu tội đỡ thay/ Bảo nhau vồng cẳng vút ngay ra đồng/ Đi qua Đạo Tú, Đồng Đông/ Sang làng Đồng Á con giông kéo về/ Chỗ ngựa chết những máu mê/ Lúc quan quân về khám chẳng thấy sai/ Cùng nhau lập sớ tâu bày/ Triều đình có lệnh về ngay tức thì/ Lạc Thổ triệt hạ nó đi/ Dân làng ngỗ nghịch để thì hại ta/ Quân chi nước độc rừng xa/ Tìm nơi kiếm chốn để mà độ thân/ Đông Đoài Nam Bắc xa gần/ Đều có Lạc Thổ đặt chân đến rồi”.

- Về "Sự tích Cầu Chiêu": Chuyện kể về “một biến cố” lớn của làng trong lịch sử, thường được gọi tên là “Sự tích Cầu

Chiêu”, có thể tóm tắt như sau: “Ngày xưa, đã lâu lắm rồi, năm ấy, cũng như thường lệ, dân làng tung bừng mở hội vui Xuân. Giữa lúc muôn người đang vui hội, bỗng xuất hiện một thanh niên cưỡi ngựa vào làng. Người thanh niên nọ dừng ngựa, rồi buông những lời chòng ghẹo các thôn nữ đang cùng dân làng vui hội. Mặc dù rất bức bối, nhưng để cuộc vui không bị đứt đoạn, mọi người đã hết sức kìm lòng, dùng những lời nhã nhặn để khuyên ngăn chàng trai kia không tiếp tục có những hành vi, lời nói khiếm nhã. Như được thể, chàng trai lại càng tỏ thái độ coi thường dân làng, lời nói, cử chỉ càng hết sức khà ó, tục tĩu, như thể ở đây hẳn muốn làm gì thì làm, không ai được động đến hắn. Tức thì, đám thanh niên trai tráng trong làng liền xúm vào giáng cho hắn một trận. Đòn quá tay, tên thanh niên ngỗ ngược kia tắt thở lúc nào cũng chẳng rõ nữa. Xác của hắn được mọi người nhanh chóng ném ra cánh đồng bên ngoài lũy làng. Nào ngờ, kẻ bị dân làng đánh chết đó là một Hoàng tử. Tin Hoàng tử bị đánh chết nhanh chóng bay về tới triều đình, nhà Vua vô cùng tức giận,

liền ra lệnh: “Triều đình vô hữu Lạc Thổ” (Triều đình không có (làng) Lạc Thổ), rồi cho quan quân tức tốc kéo về đốt phá, xóa sổ làng Lạc Thổ. Tai họa ập đến, dân làng phải phiêu dạt khắp nơi. Sau đấy, trong số dân làng phiêu tán, có người con gái họ Tá may mắn được nên duyên chồng vợ với một viên quan Quận công là người ở làng Quế Ổ (thuộc thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh ngày nay). Dù là phu nhân của quan Quận, cuộc sống khá đủ đầy, nhưng lạ thay, người con gái họ Tá kia chẳng mấy lúc được vui. Chiều chiều, bà thường lên lầu ngóng về phía quê hương, với ánh mắt u buồn. Sau nhiều lần gắng hỏi, quan Quận mới được bà kể cho nghe câu chuyện về sự biến của làng mình. Quan Quận là người hết sức chính trực, chuộng sự công minh, bèn đem chuyện này tâu lên đức Vua. Ông cũng không quên bày tỏ với đức Vua rằng, nếu Hoàng tử không ngộ ngược, thì đâu xảy ra chuyện dữ. Có lẽ, từ những tâu bày đó, đức Vua đã ngộ ra nỗi oan khuất của dân làng Lạc Thổ và phán quyết nhiều phần bất nhân của mình. Nhà Vua liền cho phép vợ viên quan Quận trở về nơi đất làng xưa, dựng lên “Cầu Chiêu” làm chốn tạm, rồi loan tin mời đón dân làng trở về. Chẳng bao lâu sau đấy, làng Lạc Thổ đã được lập lại, thành chốn đông vui, như đúng tên gọi “Lạc Thổ” - “Đất Vui”.

Qua nội dung bài về và câu chuyện về ***"Sự tích Cầu Chiêu"*** kể trên, chúng tôi thấy có những nhân vật lịch sử liên quan đến biến cố tại làng Lạc Thổ - tổng Đông Hồ xưa (nay gồm thôn Lạc Thổ Bắc và Lạc Thổ Nam), đó là: Nghè Hành bị dân làng Lạc Thổ đánh chết tươi, vớt xác ra cánh

đồng ngoài lũy, dẫn đến bị triều đình lệnh: “vô hữu Lạc Thổ” - (là nhân vật trong bài về); Chàng hoàng tử con Vua, ngộ nghịch ghẹo gái làng bị đánh chết và bà Tá Thị Hoa (gái Lạc Thổ, vợ của quan Quận) lập cầu Chiêu (trong câu chuyện ***"Sự tích Cầu Chiêu"***). Vậy chúng ta cùng tìm hiểu về những nhân vật này bằng phương pháp xem xét từ nguồn tư liệu ngữ văn dân gian liên quan đến cốt lõi lịch sử và những di tích đã và đang còn hiện hữu trong và ngoài vùng đất Lạc Thổ thuộc tổng Đông Hồ xưa, cụ thể như: Cầu Chiêu (theo dân làng Lạc Thổ, Cầu Chiêu xưa được dựng lên như một quán nhỏ, ở khoảng giữa làng, nhưng đã bị phá hủy từ lâu. Gần đây, dân làng đã tự đóng góp dựng lại di tích này. Đó là một ngôi nhà xây 03 gian, lợp ngói, ở trên khu đất xưa dựng Cầu Chiêu. Người con gái họ Tá trong câu chuyện trên - bà Tá Thị Hoa được thờ ở đây); Miếu Nghè Hành (đó là một ngôi miếu nhỏ, xây dựng khoảng cuối thời Nguyễn, ở cánh đồng phía Nam xã Đại Đồng Thành - Cánh đồng này tiếp giáp với khu đồng của tổng Đông Hồ xưa. Dân gian vẫn gọi đây là miếu Nghè Hành); Nhà thờ 18 vị Quận Công họ Nguyễn Đức ở thôn Quế Ổ (di tích thuộc thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, là nơi thờ 18 vị Quận công của dòng họ Nguyễn Đức. Nhà thờ cùng với lăng của dòng họ đã được xếp hạng di tích quốc gia. Và thông qua nguồn tư liệu tham khảo chính, gồm: Thư tịch cổ: **Lê Quý kỷ sự, Lịch triều hiến chương loại chí, Hoàng Lê nhất thống chí...**; Gia phả dòng họ: Gia phả họ Nguyễn Đức (Quế Ổ), Gia phả họ Dương (Lạc Thổ); Tài liệu tham khảo: Kết quả khảo sát điền dã

tại vùng Thuận Thành và Quế Võ của các nhà nghiên cứu.

Đây là một câu chuyện dài và việc làm sáng tỏ bằng những lập luận cùng tư liệu viện dẫn đầy đủ không thể trình bày tường tận trong khuôn khổ một bài viết ngắn. Vì vậy, sau đây tôi chỉ tạm phác họa, với nội dung tóm tắt như sau:

1. Sự thực lịch sử thứ nhất:

- Tướng quân họ Nguyễn Đức (Quế Ổ, Quế Võ, Bắc Ninh) cùng thổ hào và nhân dân vùng Bắc Ninh liên kết với quân Trịnh chống lại Nguyễn Hữu Chỉnh, trong đó có một trận đánh lớn ở Lạc Thổ - tổng Đông Hồ. Sử cũ ghi chép khá rõ về cuộc chiến giữa quân Chỉnh với liên quân của Trịnh Bồng - Liên quân Trịnh Bồng cùng những người họ Nguyễn Đức, dưới sự chỉ huy của một võ tướng người trong họ, có tên là Toại. Dò tìm trong sử cũ, có thể nhận biết: Làng Lạc Thổ hiện nay xưa là xã Lạc Thổ, thuộc tổng Đông Hồ. Theo đó, cuộc chiến ở khu vực lũy Đông Hồ cũng chính là cuộc chiến ở Lạc Thổ, đội quân Trịnh chiến đấu ở đây là do tướng Đắc Vũ hầu chỉ huy. Cuộc chiến ở đây diễn ra khá dài và rất quyết liệt, Đắc Vũ hầu đã chỉ huy liên quân Trịnh chống lại cuộc tấn công của quân Chỉnh, do con trai ông ta là Bái Đình hầu cùng Thái Lĩnh hầu chỉ huy. Tuy cuối cùng lũy Đông Hồ cùng các xóm làng ở đây, trong đó có làng Lạc Thổ, bị triệt hạ, nhưng trong cuộc chiến này, quân Chỉnh cũng bị thiệt hại khá nặng; viên tướng coi quản đạo quân Vũ Thành (quân đội do Nguyễn Hữu Chỉnh lập ra và tự đặt tên) là Khánh Đức hầu đã bị bắn chết tại trận (Theo Lê Quý kỷ sự). Về sự kiện này, Gia

phả họ Dương ở Lạc Thổ cũng cho biết: Trong liên quân với chúa Trịnh, ở làng Lạc Thổ có hai người là Nguyễn Hữu Đắc và Khúc Đình Quý đã tổ chức đào hào, đắp lũy, chiến đấu chống quân Chỉnh (Trong trận chiến diễn ra vào ngày 3 tháng Giêng năm 1787, em của Nguyễn Hữu Chỉnh đã bị giết tại lũy Đông Hồ).

- Và câu chuyện về người con gái họ Tá ở làng Lạc Thổ đã kết duyên cùng viên Quận công người Quế Ổ. Thông tin có được ở làng Lạc Thổ cho biết, người con gái đó là Tá Thị Hoa (người được thờ ở Cầu Chiêu hiện nay; họ Tá nay vẫn là một trong những dòng họ hiện còn ở Lạc Thổ). Điền dã ở Quế Ổ, chúng tôi đã được chỉ dẫn rằng, viên Quận công kia chính là ngài Hội Quận công, vị tổ đời thứ 12, chi Giáp của họ Nguyễn Đức (ở Quế Ổ). Một số nhà nghiên cứu, qua gia phả của dòng họ và đối chiếu với các nguồn tư liệu khác, đã xác định Hội Quận công là một võ quan có tiểu sử, hành trạng gắn với nửa cuối thế kỷ XVIII. Còn đây là những ghi chép của Gia phả dòng họ Nguyễn Đức về Hội Quận công: “Hội Quận công (con thứ hai của Hiếu Quận công). Ông húy Thân, tự là Điền, làm quan đến chức Đô chỉ huy sứ, mất ngày mùng 10 tháng 2, sau được phong Vương. Vợ cả là Quận phu nhân Hoàng Thị Triền, quê tại xã Thổ Hoàng, mất tháng 2, sinh được trưởng nam là Bắc Ngạn hầu Nguyễn Đức Vượng; vợ kế là Quận phu nhân người xã Mi Thự, là con gái của Bình Trung công, mất ngày 13 tháng 10, sinh được một con gái; vợ lẽ người xã Đại Vũ, huyện Vũ Giàng, sinh được một con trai là Nguyễn Đức Tế; vợ hai là Quận phu nhân

Nguyễn Thị, hiệu Diệu Thanh, người xã Hồng Mao, mất ngày mùng 9 tháng 3, làm hậu thân tại thôn Yên, xã Hồng Mao, sinh được 1 con trai là Nguyễn Đức Bành; thứ thất người xã Lạc Thổ, sinh 1 con trai là Nguyễn Đức Thước...”.

2. Sự thực lịch sử thứ hai:

Nhân dân Lạc Thổ tham gia Khởi nghĩa Cai Vàng, tiêu diệt Nghè Hành ở lũy Đông Hồ. Trong câu chuyện về sự biến ở làng Lạc Thổ và một số di tích có liên quan kể trên có những chi tiết phản ánh về một nhân vật có tên Nghè Hành, mà sự thực lịch sử vừa được phác họa chưa thấy xuất hiện nhân vật này. Vậy Nghè Hành là ai và vì sao lại có liên quan đến chuyện kể và di tích đã đề cập? Đã có nhà nghiên cứu đoán định đây là một ông Nghè (Tiền sĩ) thời Lê, quê ở Văn Giang, Hưng Yên ngày nay (xem Địa chí Hà Bắc), nhưng chưa có lý giải về việc vì sao ông ta lại “xuất hiện” trong câu chuyện này. Trên đường dò tìm về nhân vật Nghè Hành, chúng tôi được một người già ở xã Đại Đồng Thành, nơi có “miếu Nghè Hành” cho biết, Nghè Hành quê ở Quảng Bình. Từ đó dò tiếp, câu chuyện dần được sáng tỏ, đại thể như sau: - Nghè Hành chính là Tiền sĩ Nguyễn Đăng Hành, “người huyện Lệ Thủy (Quảng Bình), là con (Nguyễn) Đăng Giai (từng giữ chức Tổng đốc Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thân đời Tự Đức” (Đại Nam nhất thống chí, tập 2). Năm Tự Đức thứ 15 (1862), Khởi nghĩa Cai Vàng (chống lại nhà Nguyễn) nổ ra ở vùng Bắc Ninh. Cai Vàng đã “tự xưng làm Nguyên soái, suy tôn tên giặc trốn là Huân làm minh chủ... thông đồng với bọn giặc (khởi nghĩa nông

dân) ở mặt sông Quảng Yên, tụ tập bọn lũ vài nghìn người, xâm đánh phủ hạt Lạng Giang. Phó lãnh binh quan là Tôn Thất Truy, đem quân đánh không được, quân bèn vỡ” - (Đại Nam thực lục chính biên). Trước tình thế ấy, triều đình liền cử một loạt tướng lĩnh mang quân tập trung về vùng Bắc Ninh nhằm đề bẹp cuộc khởi nghĩa đang bùng phát mạnh mẽ. Trong số các tướng lĩnh của triều đình được điều động, có Lãnh Bổ chánh sứ Khánh Hòa Nguyễn Đăng Hành. Trong quá trình chiến đấu với nghĩa quân Cai Vàng, Nguyễn Đăng Hành đã bị tử trận. Về việc này, sách Đại Nam nhất thống chí chỉ ghi ngắn gọn: Nguyễn Đăng Hành “đem quân đi tiểu phi, chết trận, được truy tặng”; nhưng sách Đại Nam thực lục chính biên thì ghi khá chi tiết: “Khâm phái Nguyễn Đăng Hành đánh giặc ở Đông Hồ (thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), bị chết trận, Đăng Hành là con Đăng Giai (người Quảng Bình, đỗ đồng tiến sĩ), nguyên thụ Bổ chánh Khánh Hòa, mộ lính đồng theo đi quân thứ Nam đạo. Kịp khi nghị hòa; sai đi đánh miền Bắc, coi những lính đồng đã mộ ở Quảng Bình, Thanh Hóa, liền thắng được 13 trận, đến đây tiến đi trước không có quân cứu viện, bị chết trận”. - Nguyễn Đăng Hành bị chết trận ở Lạc Thổ - tổng Đông Hồ, nhưng không được chôn cất mà vứt xác ở khu vực nay có miếu Nghè Hành (ở xã Đại Đồng Thành) như tương truyền. Về việc này, sách Đại Nam thực lục chính biên ghi rõ: “Vua thương (Nguyễn Đăng Hành) lắm, truy tặng cho chức Bổ chánh sứ, cấp thêm cho một cây găm Trung Quốc, 3 tấm lụa, 10 tấm vải, đem về chôn ở làng”.

3. Tạm kết: - Từ việc đi điền dã, rồi dò tìm trong sử sách đã dần nhận ra sự thực/cốt lõi lịch sử được ẩn chứa trong câu chuyện cùng một số di tích có liên quan đến sự biến ở làng Lạc Thổ năm xưa. Theo đó, trước hết có thể khẳng định, có ít nhất là 2 sự kiện lịch sử chính ẩn chứa trong câu chuyện và bài về cùng một số di tích có liên quan nói trên, đó là:

- Cuộc chiến giữa liên quân của Trịnh Bồng cùng một số tướng lĩnh, thổ hào và nhân dân vùng Quế Võ, Thuận Thành nói riêng, Bắc Ninh nói chung, với quan quân triều đình nhà Lê, do Nguyễn Hữu Chỉnh cầm đầu, trong khoảng thời gian cuối năm 1786, đầu năm 1787. Trong cuộc chiến này, Lạc Thổ - Đông Hồ là một địa bàn diễn ra những trận đánh lớn. Tại đây, Khánh Đức hầu - viên tướng coi quản đạo quân Vũ Thành (quân đội do Nguyễn Hữu Chỉnh lập ra và tự đặt tên) đã bị bắn chết tại trận.

- Cuộc chiến giữa nghĩa quân Cai Vàng với quan quân triều đình, vào năm 1862, trong đó có trận chiến ở Lạc Thổ - Đông Hồ, với sự kiện viên quan “thực (quyền) Bỏ chánh Khánh Hòa” Nguyễn Đăng Hành (tức Nghè Hành) tử trận.

Như thế, điều thú vị được nhận ra ở đây là: 2 sự kiện “có thật” trong lịch sử, trong đó sự kiện thứ nhất diễn ra vào cuối năm 1786, đầu năm 1787, tức là cách ngày nay xấp xỉ 230 năm, sự kiện thứ hai diễn ra vào năm 1862, tức là diễn ra sau sự kiện thứ nhất gần 80 năm và cách ngày nay gần 150 năm, đã được hòa trộn/phản ánh khá nhuần nhuyễn, hợp lý, nên rất khả tín,



trong một truyền thuyết, cùng một bài về, và được “chứng thực” qua một số di tích liên quan. Theo đó, chúng tôi cho rằng, trên đường dò tìm mối liên hệ giữa ngữ văn dân gian và di tích lịch sử, văn hóa với sự thực lịch sử, đây là một trường hợp nghiên cứu cho ta những kinh nghiệm/bài học ít nhiều cũng rất bổ ích.

Qua trường kỳ lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ đi trước đã để lại cho hôm nay một kho tàng di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể vô cùng đồ sộ, quý giá. Sẽ còn biết bao sự thực lịch sử được chứa đựng trong kho tàng di sản văn hóa đồ sộ ấy cần chúng ta tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ như câu chuyện này./.

PHẠM ĐÌNH THÁI

Nắng chuồn chuồn

Chiều hè nắng vẫn còn vương
Cỏ con chuồn ớt chín ương bờ rào
Lúc thì lao vút lên cao
Khi thì nhào lộn vẽ vào không gian.

Khẽ rung khi đậu bờ rào
Chiều quê chậm chậm đi vào hoàng hôn
Chuồn chuồn mang nắng vàng rom
Tô màu hoa phượng đỏ hơn giữa hè./

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Chùa Nôm

Chùa Nôm em đến cùng anh
Dâng hoa, lễ Phật tâm thành chiều nay
Trời xanh tươi thắm mây bay
Ngàn năm nguyên vẹn đất này Văn lâm.

Gác chuông, cầu đá... chồi mầm
Tài hoa chạm khắc thiện tâm an hòa
Tự hào tiên tổ ông cha
Giữ gìn thế hệ chúng ta ghi lòng./



NGUYỄN QUỲNH

Giấc mơ mờ cõi

Thấm thoát mà đã bao năm
Mẹ đi về phía ánh trăng đầu nguồn
Mặc cho con khóc con buồn
Những cay với đắng lệ tuôn đêm dài.

Mưa dầm mực cả tháng Hai
Nhẹ gồng nặng gánh bờ vai chưa đầy
Nón mê đội cái nắng chầy
Bão đông lấy mảnh thân gầy chở che.

Góc vườn ra rả tiếng ve
Mùa đông buốt giá mùa hè xác xơ
Nội nghèo từ thuở sinh ra
Làm dâu mẹ phải thay cha kéo cày.

Ruộng đồng chai xé đất cay
Xóm làng đùm bọc đỡ hay trọn tình
Chồng con vương nghiệp nhà binh
Mẹ vẫn một mình tận tụy sớm trưa.

Bao nhiêu là nắng với mưa
Làm nên đời mẹ mà chưa hết bần
Rời ra có phúc có phần
Trời cho cha được những lần bình an.

Mẹ thương khóc cái cơ hàn
Thương ngày tháng đã gian nan đói nghèo
Gạo thơm cơm trắng thì treo
Sắn khoai chắc dạ vẫn đeo ngày trôi.

Chẳng vương yếm thấm lụa sồi
Quần manh váp đụp thế rồi mẹ đi
Đêm nằm nhớ thuở hàn vi
Khóc mình hay khóc mẹ khi đói nghèo?

NGUYỄN ĐỨC HẢI

Về Quê Võ

Từ Bắc Ninh qua cầu Đại Phúc
Trên con đường 18 thênh thang
Gặp biết bao nhà máy cờ hoa rộn ràng
Là Quê Võ quê hương anh đó.

Ta về thăm Phố Mới đô thị lớn đang mở
Trên những con đường xanh mát nở đầy hoa
Theo câu hát... gọi mời thiết tha
Anh đưa em về hội Chen, Nga Hoàng, Yên Giả.

Say tình đất, tình người... nghiêng ngả
Thơm bát cháo Chì nức tiếng gần xa
Xuôi dòng Đuống giang
giữa mây trời bát ngát bao la
Về làng Gạch thăm đền Nguyễn Cao
sáng người khí tiết.

Đến cầu Bình Than ngõ vòng tay ôm siết
Nói đôi bờ Gia Bình - Quê Võ thân thương
Mở rộng ra biết bao những con đường
Tân cảng Quê Võ nơi giao thương sầm uất.

Lục Đầu Giang. Ôi! Chiến công ngậy ngát
Hào khí Bình Than vang vọng muôn đời
Để hôm nay hiên ngang giữa đất trời
Quê Võ quê hương ta đẹp giàu đôi mới.

Ta ngược sông Cầu giữa cờ hoa phấp phới
Về làng gốm hoa rực rỡ sắc màu
Màu của quê hương tình người, tình đất
Quê Võ ơi thăm đơm nghĩa tình.

Về Quê Võ những mùa vàng lung linh
Gạo tẻ thơm hương Đại Xuân ngậy ngát
Mùa khoai tây vàng ươm như mật
Những cánh đồng bát ngát bao la.

Về Quê Võ say đắm khúc dân ca
Bao khu công nghiệp cờ hoa rực rỡ
Những con đường lớn thênh thang rộng mở
Đón em về với Quê Võ thân thương./.

ĐÀO BÁ THUẬT

Trên cánh đồng làng

Vẫn trên cánh đồng làng
Những con người chân đất
Giọt mồ hôi chua mặn
Thánh thót trên lưng cày.

Chai sạm đôi bàn tay
Dưới mây trời sớm tối
Dấu tích vẫn còn đây
Sông chở đầy nước mắt.

Giờ đồng quê xanh biếc
Máy reo và nước reo
Niềm vui nông thôn mới
Cả vùng ta thoát nghèo.

Vẫn trên cánh đồng làng
Những con người chân đất
Vượt lên trên thử thách
Gieo cánh đồng xanh mơ.

Trưởng ty Văn hóa Lê Hồng Dương

NGƯỜI CÓ CÔNG PHỤC HƯNG DÂN CA QUAN HỌ

NGUYỄN QUANG KHẢI

Ông Lê Hồng Dương là vị Trưởng ty Văn hoá đầu tiên của tỉnh Hà Bắc và là vị Trưởng ty Văn hoá có thời gian tại vị lâu nhất (1963-1983), có nhiều cống hiến nhất, tạo dấu ấn sâu sắc nhất trong những người làm văn hoá ở Hà Bắc và Bắc Ninh. Nhớ đến ông, người ta nhớ đến một người lãnh đạo ngành văn hoá của một tỉnh có công lao rất lớn trong sự nghiệp phục hưng dân ca Quan họ Bắc Ninh mà trước ông và sau ông, không ai có thể làm được.

Ông Lê Hồng Dương có họ tên khai sinh là Nguyễn Văn Lộng, sinh ngày 1 tháng 10 năm 1921 tại làng Đỗ Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ông sớm tham gia cách mạng và sớm trưởng thành trong môi trường kháng chiến chống Pháp.

Theo lý lịch tự thuật của ông, chúng ta được biết:

Từ ngày 15/8/1945 đến tháng 1/1947, làm Bí thư Thanh niên cứu quốc thị xã Bắc Ninh, Liên Toán trưởng Tự vệ phố Bắc Ninh, Ủy viên Ủy ban Bảo vệ thị xã Bắc Ninh. Từ tháng 3 đến tháng 6/1948, là Huyện ủy viên phụ trách Chính trị viên

Huyện Đội huyện Yên Phong. Từ tháng 7/1951 đến tháng 6/1952, phụ trách Chính trị viên Đại đội thị xã Bắc Ninh, Bí thư Huyện uỷ Gia Lâm. Từ tháng 7/1953 đến tháng 5/1954, làm Bí thư Thị uỷ Bắc Ninh. Từ tháng 6/1954 đến khi hoà bình được lập lại trên miền Bắc là Tỉnh uỷ viên, phụ trách Trưởng ban Dịch vận tỉnh Bắc Ninh. Từ cuối năm 1954 đến tháng 11/1963 là Tỉnh uỷ viên, Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ Bắc Ninh. Từ tháng 11/1963 đến khi về nghỉ hưu (tháng 10 năm 1983) là Trưởng ty Văn hoá tỉnh Hà Bắc.

Khi được giao trách nhiệm làm Trưởng ty Văn hoá tỉnh Hà Bắc, mối quan tâm đầu tiên của vị Trưởng ty xuất thân từ một cán bộ kháng chiến là khôi phục lại các giá trị văn hoá truyền thống của tỉnh. Trước mắt là tổ chức đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi và tâm huyết, tổ chức sưu tầm, khai thác các làn điệu, ca từ, lề lối hát... Dân ca Quan họ từ các nghệ nhân tại các làng Quan họ có truyền thống lâu đời.

Xuất phát từ ý tưởng đó, từ năm 1964, ông đã có kế hoạch mời gọi các cán bộ chuyên môn về lĩnh vực văn nghệ dân

gian đang công tác tại các trường đại học, viện nghiên cứu ở Trung ương và những sinh viên giỏi của chuyên ngành văn học dân gian của một số trường đại học ở Hà Nội về tham gia xây dựng bộ phận folklore thuộc Ty Văn hoá Hà Bắc. Với kế hoạch đó, dần dần, nhiều cán bộ có trình độ chuyên sâu đã về hội tụ tại Ty Văn hoá Hà Bắc. Tiêu biểu như: Nguyễn Đình Bưu (cán bộ giảng dạy khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội), Hồng Thao (Vụ Nghệ thuật Bộ Văn hoá), Trần Đình Luyện (Viên Khảo cổ học), Trần Linh Quý (Khoa Lịch sử Trường ĐHSPT Hà Nội), Lê Danh Khiêm (sinh viên khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội)... Với số cán bộ giỏi chuyên môn và giàu tâm huyết trên đây, ông Trưởng ty cho thành lập bộ phận sưu tầm nghiên cứu văn nghệ dân gian thuộc Ty Văn hoá. Với kinh nghiệm sưu tầm nghiên cứu được trải nghiệm qua nhiều năm và trình độ chuyên môn thuần thực, trong một thời gian không dài, các cán bộ chuyên môn đã ký âm, ghi lời được hàng trăm bài dân ca Quan họ từ các nghệ nhân giàu lòng yêu nghề, tiêu biểu như các cụ: Nguyễn Đức Sôi, Nguyễn Đức Siêu, Nguyễn Thị Khiếu (Ngang Nội, Hiền Vân, Tiên Du)...

Để tranh thủ ý kiến của giới chuyên môn, từ năm 1965, dưới sự chỉ đạo của Trưởng ty Lê Hồng Dương, Ty Văn hoá Hà Bắc đã mở 5 Hội thảo khoa học về dân ca Quan họ Bắc Ninh vào các năm: 1965, 1967, 1969, 1971, 1973. Các Hội thảo khoa học trên đây đều có sự hiện diện của Lãnh đạo Bộ Văn hoá, sự tham gia của các nhà nghiên cứu của các cơ quan học thuật

Trung ương, như: Viện Văn học, Viện Dân tộc học, Viện Âm nhạc, Viện Sân khấu, Trường Đại học Tổng hợp, Trường Đại học Sư phạm, Hội Nhạc sĩ, Hội Văn nghệ dân gian... Kết quả của các Hội thảo khoa học trên đây là Ty Văn hoá có hàng trăm tham luận với hàm lượng khoa học cao về các lĩnh vực khác nhau của dân ca Quan họ Bắc Ninh, làm cơ sở lý thuyết để sau đó Ty Văn hoá có căn cứ trình cấp có thẩm quyền cho phép thành lập Đội Dân ca Quan họ và xây dựng chương trình, nội dung hoạt động.

Trên cơ sở chuẩn bị chu đáo về con người, tư liệu, vốn liếng nghề nghiệp, ngày 21/1/1969, Đội Dân ca Quan họ - tiền thân của Đoàn Dân ca Quan họ - được thành lập. Đội có 7 diễn viên, do nghệ nhân Nguyễn Đức Siêu làm Đội trưởng và nghệ nhân Nguyễn Đức Sôi làm giáo viên truyền dạy.

Từ khi thành lập cho đến nay, với nhiều tên gọi khác nhau (Đội Dân ca Quan họ, Đoàn Dân ca Quan họ, Nhà hát dân ca Quan họ), những nghệ sĩ của Đoàn dân ca Quan họ có những đóng góp rất lớn trong việc phục hưng một loại hình dân ca độc đáo nhất của Việt Nam, được giới hâm mộ văn hóa cổ truyền Việt Nam của nhiều nước trên thế giới rất yêu chuộng, được giới học giả quốc tế đánh giá rất cao về tính nghệ thuật và giá trị nhân văn... Và đặc biệt, không lâu sau đó, Dân ca Quan họ tự nhiên đã trở thành thương hiệu của ngành văn hóa Bắc Ninh. Có thể nói, với quy luật phát triển của văn hoá nhân loại và xu hướng hưởng thụ văn hoá của con người, dân ca Quan họ Bắc Ninh sẽ ngày càng phát triển và sống mãi với loài người.

Với những thành quả đó, người đầu tiên đáng được ghi công là vị Trưởng ty Văn hoá Lê Hồng Dương.

Không những là nhà quản lý ngành văn hoá của tỉnh có tầm nhìn chiến lược, ông Lê Hồng Dương còn là người rất am hiểu về văn hoá, văn học dân gian xứ Bắc.

Mặc dù không được đào tạo chính quy về văn hoá, văn nghệ dân gian, nhưng sinh ra, lớn lên và hoạt động trên vùng đất giàu truyền thống văn hoá, tâm hồn ông đã thấm đẫm chất văn hoá xứ Bắc. Bởi vậy, khi được mời viết bài “Tựa” cho các công trình sưu tầm - nghiên cứu về văn hoá, văn học dân gian xứ Bắc, ông đều có ý kiến xác đáng mà nhiều nhà chuyên môn phải kính phục. Chẳng hạn:

Năm 1970, trong bài Tựa cho cuốn **"Trạng nghệ cồng"** (do Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng biên soạn, Ty Văn hoá Hà Bắc xuất bản), ông viết:

“Trước đây, có một số người làm sách địa chí đã ghi chép về đất Kinh Bắc xưa hoặc hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang cũ. Xét kỹ thì thấy những cuốn sách đó còn sơ lược, thậm chí có chỗ sai lầm. Đến nay, nhiều người đang mong có một cuốn địa chí hay lịch sử địa phương Hà Bắc với cả một truyền thống lịch sử mấy nghìn năm để lại. Nhưng muốn đáp ứng được những yêu cầu về mặt khoa học, việc làm đó cần phải có một tập thể tham gia biên soạn. Và trước hết phải có một kho tư liệu thật phong phú”.

Trong bài Tựa cuốn **"Hát ví đồng bằng Hà Bắc"** (do Mã Giang Lân, Nguyễn Đình Bưu sưu tầm, biên soạn, giới thiệu,

Ty Văn hoá Hà Bắc xuất bản năm 1976), ông bàn rất sâu về vấn đề phương pháp nghiên cứu:

“Việc sưu tầm, nghiên cứu truyền thống sinh hoạt văn hoá, văn nghệ dân gian nói chung và dân ca nói riêng có thể tiến hành bằng phương pháp tổng hợp, với sự hỗ trợ lẫn nhau của nhiều ngành khoa học, để nghiên cứu những hoạt động văn hoá, văn nghệ trong mối quan hệ phức tạp, tổng thể của nó. Song cũng có thể bằng phương pháp tách riêng từng mặt để nghiên cứu sâu sắc hơn theo chuyên ngành. Cả hai phương pháp này cần có sự phối hợp nghiên cứu một cách vừa tổng quát vừa chuyên sâu và đều cần thiết để đáp ứng những yêu cầu khác nhau của mỗi ngành khoa học trước đối tượng chung là sinh hoạt văn hoá văn nghệ dân gian và từng đối tượng riêng như văn học dân gian, âm nhạc dân gian, mỹ thuật dân gian...”.

Trong bài “Về địa chí và sách địa chí” in trong cuốn **"Địa chí Hà Bắc"** (Thư viện Hà Bắc xuất bản năm 1982), ông nói sâu về sự cần thiết của khâu làm tư liệu trong việc biên soạn địa chí tỉnh:

“Điều cơ bản cần nêu lên ở đây là (...) các tác giả chỉ có thể soi sáng sự phát triển của tỉnh từ thời kỳ cổ đại đến ngày nay trên cơ sở tư liệu và thông tin đầy đủ nhất về tỉnh từ xưa đến nay. Ngoài tư liệu, trong số các tác giả sách, khá nhiều tác giả đã sử dụng những tư liệu điền dã và quan sát trực tiếp của mình trong hàng chục năm công tác ở lĩnh vực của mình (thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn, nông nghiệp...). Ngay cả các tác giả viết về khía cạnh văn hoá, xã

hội của tỉnh cũng tiến hành điều tra điền dã lại trước khi đưa lên trang viết những sự kiện và con số chính xác. Chỉ khi đó mới có thể đi đến quá trình phân tích và tổng hợp”. (sách đã dẫn, tr. 30).

Có thể nói, không có Trường ty Văn hoá Lê Hồng Dương thì không có sự trở lại và trỗi dậy mạnh mẽ của dân ca Quan họ Bắc Ninh. Ông không những là nhà quản lý ngành văn hoá có tầm nhìn chiến lược, mà đọc những bài viết của ông, chúng tôi còn thấy ở ông có phương pháp tư duy khoa học sâu sắc và kiến thức uyên thâm về văn hoá truyền thống của tỉnh ta. Chúng tôi nghĩ, để ghi nhận những đóng góp của ông, ngành văn hoá tỉnh ta nên đề xuất với cấp có thẩm quyền đặt tên một con đường mang tên Lê Hồng Dương, Nhà hát Quan họ nên xây dựng Nhà lưu niệm Lê Hồng Dương... Trước mắt cần tổ chức một Hội thảo khoa học về Lê Hồng Dương, nhằm tập hợp các ý kiến, đánh giá, nhận định của giới chuyên môn về vị Trường ty độc đáo này. Có làm được như thế mới thể hiện sự tri ân của những người làm văn hoá của một tỉnh được ca ngợi là “Ngàn năm văn hiến” đối với các bậc tiền nhân và khuyến khích được sự đóng góp có giá trị của những người tâm huyết, những người có trình độ thực sự cho sự vững mạnh và giàu sang của Bắc Ninh./.

PHAN TRỤ

Tân Lãng quê mình

Định đến rồi mà nào có được đâu
Về với Lương Tài trăm ngàn con sóng vỗ
Có một mẩu đường bao nhiêu cách trở
Xe đỗ, xe dừng, đèn đỏ, đèn xanh.

Cũng muốn về phố Thửa thật nhanh
Nơi ta gửi một thời tuổi trẻ
Mặt hồ lặng và bóng ta đơn lẻ
Nhớ em nhiều, lòng cứ đầy vui.

Chân cầu Bình Than nắng tỏa ngập trời
Về An Thịnh mệnh mang nắng gió
Đường bùng binh xanh tươi thăm cỏ
Ánh mắt nào còn đọng mãi nơi đây.

Về Lương Tài tay lại nắm tay
Thoảng hương xuân nhớ đêm Quan họ
Tóc em vương. Lòng thêm bồi rồi
Tân Lãng ơi! Tươi trẻ đến giật mình./.

MAI HOÀNG HANH

Chờ em

Chờ em ở cuối chợ Chờ
Lay phay mưa bụi, thẫn thờ bước chân
Đào phai buông cái tàn ngần
Tiếng chim giăng mắc giọt xuân chòng chành.../.

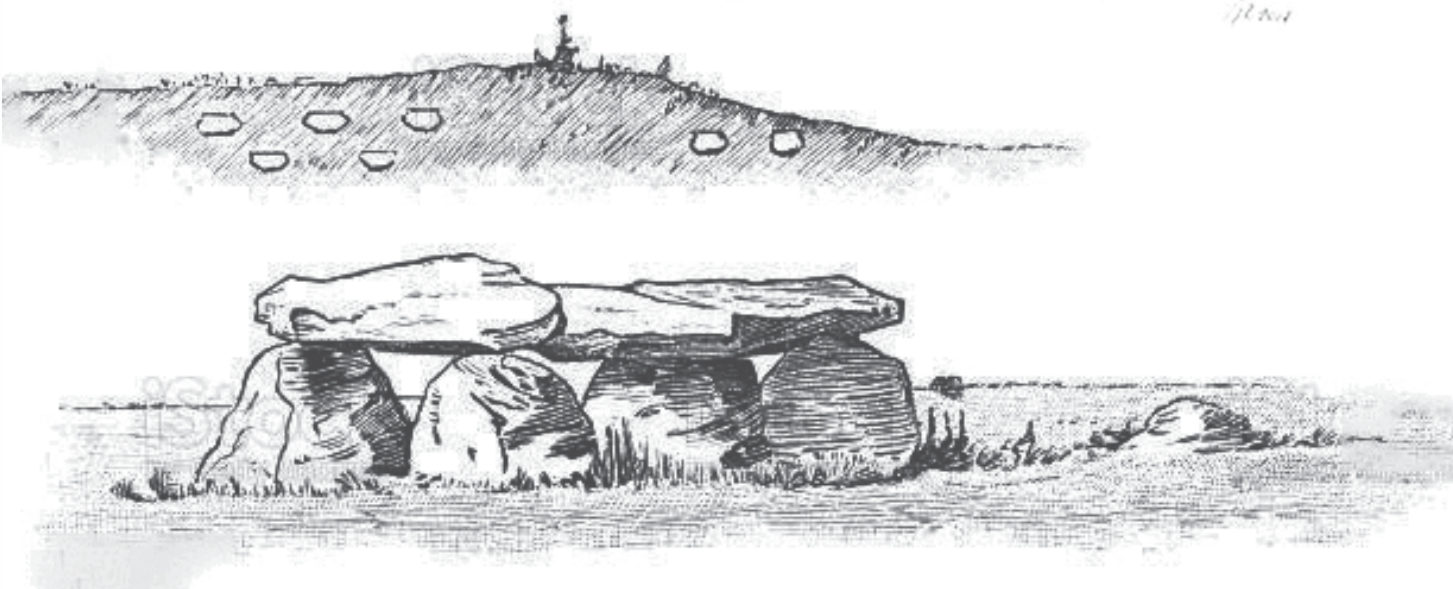
Em đi ngược phía chiều xanh
Chợ Chờ... riêng một bóng anh... đợi chờ./.

1. Ngày giỗ chồng, mọi năm bà Hòa làm tùng tiệm. Vì kinh tế, nhưng cái chính là vì cận Tết, mở mang phiên. Năm nay thì mở rộng, vì có khách xa. Khách là ông Dần, đồng đội cũ của ông Nhân - chồng bà, đang làm Giám đốc một doanh nghiệp ở

vùng Kinh Bắc. Anh Nghĩa, con cả của bà đi thắp tùng ông Dần. Ông về khi cả nhà đã vào mâm ồn ào, tấp nập. Ông Dần thấp nhang khăn vái thành tâm và tâm tư rất lâu trước di ảnh người thủ trưởng cũ. Lúc quay ra ông nói với bà Hòa.

Nghĩa tình ở lại

LÊ KHANH



- Thái Bình ai bảo thuần nông nữa. Suốt dọc đường từ Nam Định sang đây, nhìn đâu cũng thấy công nghiệp hóa. Ngày trước mà thế này thì chị với cháu Nghĩa cũng chẳng phải đi đâu.

- Vâng, ngày trước đời khổ. Bây giờ nghĩ lại vẫn còn thương.

Năm ấy cái khổ đến vào dịp Tết. Bầu trời xám xịt úp vung. Gió Bắc lộng qua cái vung xám ấy, phả hơi rét căm căm. Mọi người vẫn ra đồng, tranh thủ cày cấy để kịp đón Tết. Chị Hòa đang làm Chủ tịch Phụ nữ xã. Tết đến, Hội Phụ nữ của chị lại có thêm việc mới. Đó là đi quyên quà Tết các nhà để gửi lên biên giới cho bộ đội. Nhà có thể thiếu, nhưng không được để bộ đội thiếu bánh chưng Tết. Ở đây, Tết đến sớm với đám trẻ con. Trong làng đã thấy pháo đi đẹt. Chị Hòa đi đưa quà lên huyện. Lúc về qua phố huyện, chị mua cho cu Nghĩa dây pháo tếp, nói bố Nhân mua. Bây giờ thì bố Nhân đang ở biên giới Tây Nam. Trước Tết có thư về làm cả nhà vui. Nhưng kỳ thực chị Hòa lo để bụng. Nghe đâu ở chỗ anh đang chiến đấu khốc liệt lắm. Xóm dưới, có chú vừa vào lính đầu năm, cuối năm đã thấy chóng nặng về, làng bên có hai giấy báo tử. Chị nín thở ngóng chồng. Mong anh về! Trời, chồng chị về bằng tin đồn ngay sau Tết. Người tới hỏi thăm nhiều, càng rối ruột. Chị muốn vào Nam, ngay và luôn, để rõ thực hư, nhưng kẹt. Cũng may anh Tám, Chủ tịch xã ứng trước cho chú thóc đầu mà rải đường. Đơn vị anh đang cơ động suốt tuyến biên giới Tây Nam. Trung đoàn bộ đóng ở Hà Tiên, mảnh đất tận cùng trời nam. Trách gì anh đi biệt. Thủ trưởng Trung đoàn cho người đưa chị Hòa về Châu Đốc, nơi chồng chị đang nằm lại. Trên

đường đi chú lái xe cho chị biết: Trước Tết, Tiểu đoàn 2 bị vây ở khu vực Bảy Núi bên Châu Đốc. Kế hoạch của trên giải vây xong thì các cụ cho quân nghỉ ăn Tết. Thủ trưởng Nhân, Tham mưu trưởng Trung đoàn lên chỉ huy cuộc giải vây. Định bỏ của chạy lấy người. Nhưng thủ trưởng lại bị dính quả pháo địch bắn sang. Đau quá! Còn đứng hai ngày nữa sang năm mới.

- Chính xác. Tháng Chạp năm ấy thiếu. Anh Nhân mất 27 Tết. - Ông Đản nói: Hôm ấy anh trực tiếp chỉ huy cuộc giải vây. Em công vụ cho anh. Định bị tập kích bất ngờ, tan chạy, quân ta truy chúng tới bờ kênh Vĩnh Tế. Đang vận động theo anh, em bỗng nghe tiếng sét nổ trùm đầu, ngất xỉu luôn. Tỉnh ra đã thấy nằm phẫu thuật ở Trung đoàn, người đầy máu và bụi đất. Lúc ấy mới biết anh Nhân đã hy sinh. Hôm chị vào, em đang nằm ở quân y viện Cần Thơ. Sau lại chuyển viện tiếp, ra Thái Nguyên.

Quả pháo làm Đản bị sức ép và đa chấn thương. Vết thương gãy chân tưởng xoàng mà nhiễm trùng cốt tủy, chữa trị đúng một năm. Liên sẹo, viện thầy về Đoàn an dưỡng. Người tốp như con nhái ngủ đông, vỗ tha hồ cũng chẳng thềm tăng trọng. Nhưng hình như đó không thuộc trách nhiệm Đoàn an dưỡng. Hết đợt, Đoàn phát cho tờ giấy thông hành tới đòi thưởng. Tờ giấy dẫn Đản đi tìm việc gì làm cho vừa sức. Cơ quan nào cũng ít việc, mà hồ sơ thì xếp hàng dài. Có cái đã hàng năm. Nhiều thương binh về quá. Gặp đợt tuyển sinh đại học, Đản đăng ký cầu may. Ông trời có mắt. Cầm giấy gọi học mà người cứ lảng lảng. Ngày mấy bận mở hòm lấy tờ giấy ra ngắm nghía. Đản vào đại học lúc đất nước khó khăn. Cái đói theo đến trường. Khổ quen rồi,

đói thêm một tý cũng không sao. Trước khi vào trường, Dân tìm về quê anh Nhân. Anh giận gì thằng em mà không cho gặp chị.

2. Ở Nam về, chị Hòa mất sắc. Ai thấy cũng quờ. Đó là những ngày u ám. Cuộc sống chẳng còn ý nghĩa gì. Cứ tưởng súng đạn về kho thì người về đoàn tụ. Ngờ đâu con ma quái ác vẫn còn lẩn khuất ở ngoài biên giới. Súng nằm trong tay kẻ ác thì mệt với nó rồi. Nó làm đổ máu người và giết chết bao dự định. Sau giải phóng miền Nam, anh Nhân vác ở Sài Gòn về cái xe đạp mới. Thế là đẳng cấp đấy. Cả làng có mấy cái xe, chủ yếu treo dây triền lăm tại gia. Cái chính là để giải quyết khâu oai. Muốn đi, phải vác cái xe ra ngoài quốc lộ. Quê anh năm nào cũng lụt, đường chuột chạy lại xẻ ngang dọc, đặt bàn chân còn khó, huống hồ đặt bánh xe. Người làng đến giờ còn nhớ ông chủ nhiệm cưới trâu đi họp huyện, làm xã viên lỡ mất buổi cày. Nên ngày anh Nhân vác cái xe đạp về làng cũng là sự kiện. Chị bảo đi đâu bằng xe. Rồi có ngày lại chẳng sướng rên lên ấy chứ. Anh nói với chị trong khi tưới nhót đầm lên cái xích xe. Cửa bên tay người, anh làm hai cái móc để treo lên. Bỗng hôm sau anh đi trả phép ngay làm cả nhà hụt hẫng. Cô bạn ghé tai chị, coi chừng kéo lão bò bịch đấy. Kê, chẳng ai theo chân, có thân thì giữ. Cặp bò mà cặp được xe đạp về thì cứ tự nhiên. Cái xe ấy treo đến khi chị Hòa ra làm Chủ tịch Phụ nữ xã mới tháo xuống đi. Công nhận chạy xe sướng, nhưng nhiều khi không chạy được đến nhà. Trời mưa, nó trú luôn ở xóm ngoài đường nhựa. Có cửa cũng phải có chỗ dùm, sốt ruột. Nhưng sốt ruột nhất là lúc gửi xe trong cặp có thư. Thư về như chồng về. Có thư, muốn về mau để sống với thư, với cuộc

sống như tranh vẽ. Anh sẽ về, về để đền bù em những tháng năm xa cách thiệt thòi. Rồi chúng mình sẽ có con. Những đứa con bụ bẫm, chăm ngoan... Nhưng đến một hôm chị bỗng bảo thư: biết rồi, khổ lắm, nói mãi. Nói ít thôi, em hỏi thư: bao giờ thì anh về. Nói đi, ngay và luôn cho vợ đỡ mong. Hòa bình rồi thì súng cất kho, về. Về để cái lưng công con, đừng công súng. Có yêu thương vợ thì về. Có khó gì, khoác ngay cái ba lô về quãng cho vợ là xong. Nhìn thiên hạ họ về mà sốt ruột. Ô hay anh, chị buột miệng liền ghi thư giục: anh ơi, người ta về hết cả rồi. Về, cho vợ có chồng, con có bố. Anh điện hỏi ngay: em có tin mừng rồi có phải không. Anh hỏi anh chứ hỏi gì em. Con cái lộc trời cho. Năm trước anh về phép cả tháng, thì ngần ấy ngày vợ ngồi sắc thuốc cho chồng uống. Tích thuốc còn hơn tích gạo. Thuốc chưa ngấm, trời chưa cho lộc đã bỏ đi, để vợ nằm ôm gối chiếc, ừ sông một mình. Giờ anh hỏi em, em biết hỏi ai đây ạ.

3. Sau giải phóng, Sài Gòn còn phức tạp. Tạm thời chính quyền quân quản. Lũ tàn quân đã lập tổ chức phản động, âm mưu lật đổ chính quyền. Chúng đặt trụ sở tại nhà thờ Vinh Sơn ở Đường Trần Quốc Toản, ngay trên địa bàn quản lý của đơn vị anh Nhân. Tổ chức phản động này nhận tài trợ từ nước ngoài đã lập đài phát thanh, in tiền giả, hình thành các nhóm vũ trang, in và phát truyền đơn trên khắp địa bàn Sài Gòn kêu gọi lật đổ chính quyền cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đã phát triển ra nhiều tỉnh, thành ở phía Nam. Anh Nhân phải cắt ngắn chuyến đi nghỉ phép. Anh bước xuống từ con tàu Thống Nhất, Sài Gòn vẫn náo nhiệt và hoa lệ, cuộc sống vẫn thanh bình. Nhưng bên trong cái thanh

bình đang có sóng. Anh về ngay đơn vị. Thực đơn những ngày sau đó là hộp và hộp ý bất chợt; những chuyến đi về liên miên, không giờ giấc; suất cơm úp lồng bàn nguội ngắt... Thư vợ có khi chẳng kịp xem. Sực mở ra, vợ khoe tăng trọng. Có phải em có tin mừng? Mừng cái nổi gì, có tý bỏ béo nào ngấm hết cả vào anh vào em, còn đâu đến phần con nữa. Tự nhiên tiếc mấy ngày phép quá. Nhưng anh không có thời gian để tiếc lâu. Bọn phản động đã liều lĩnh gây ra cuộc bạo loạn. Máu đã đổ ở Vinh Sơn. Đai địch ở nước ngoài đua nhau réo chính quyền đang giết dân và đàn áp tôn giáo. Cái giả dối bị bóc trần ngay sau đó. Kẻ cầm đầu lúc đứng lom dom tay vịn vào vành gỗ phòng xử án, trước bao nhiêu con mắt ngó, đã kể ra cái cách làm giả hiện trường để ghi hình gửi ra hải ngoại.

4. Chị Hòa vào Sài Gòn khi trật tự đã được văn hồi, lính đã về trại lính. Chị trêu anh: con nó mong vào, chẳng biết anh có mong không. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi. Anh cũng đang mong chết người đây, không tin thì hỏi Đản. Chuyện ấy chỉ có anh và Đản biết. Ngày mới trả phép vào, anh Nhân làm sao hay có chuyện gì, tối khuya còn gọi Đản. Anh sờ tay xuống dưới Đản để kiểm tra cái chất đàn ông. Anh không dám chắc mình còn đủ chất. Bữa ở nhà, vừa trèo lên trái núi thiên thai, nàng vừa thở gấp, chàng đã vãi. Trái dưa héo rất nhanh. Nàng quay đi giấu tiếng thở dài. Hôm sau, nàng quẩy thóc đi chợ sớm. Giáp hạt tính sau, hãy bồi dưỡng cho chàng cái đã. Nhưng chàng làm sao ấy, bồi dưỡng đi đâu... Đản nhột nhột oằn oại, trong khi anh sục sạo và mon trớn. Đản ngại ngùng, hồi hộp và thích thú. Lần đầu đúng không? Anh hỏi như đúng

rồi, mới lớn lên ai dám. Đại để cái đêm trước ngày nhập ngũ, có cùng nàng ra bờ đê ngồi nói chuyện vu vơ. Mấy lần định nói ra cái điều muốn nói thì tự nhiên hụt hơi, tắc khẩu. Nhặt hết hoa cỏ cầm quần thì đứng dậy, có vậy thôi. Nên đến tận giờ vẫn chưa biết mùi trái cấm. Công nhận ngổ, mà cũng tại không có ai bày như anh Nhân bây giờ. Anh giờ bàn tay nhìn và kết luận cuộc kiểm tra:

- Mày trẻ có khác, nhiều đấy. Con gái gặp chú mày, tao đảm bảo chết mê. Chả bù tao, chỉ còn mỗi quả dưa một nắng.

Trong giấy khai sinh dưa khai cha mẹ là sốt rét. Lính Trường Sơn ai không sốt rét. Sốt sinh ra từ những lon gạo hầm, từ ngum nước suối nhiễm chất độc uống trên đường, từ mưa nắng đại ngàn và muỗi vắt. Rét từ trong rét ra, trán hầm hập như than, mà trong ruột gan như ướp đá. Những cuộc hành quân, sốt rét nằm chung vồng đã làm anh Nhân bùng da, rụng tóc. Về Sài Gòn thì dần sáng da mềm tóc, nhưng trái dưa thì vẫn vậy. Thế này mà về phép nữa thì thành dưa mấy nắng đây. Đản bảo anh:

- Bên Chợ Lớn có ông lang Tàu có bài thuốc gia truyền tăng lực, chữa đẽ rất hay. Hôm nào anh cứ thử đi xem sao ạ.

5. Trời không cho ai tất cả, cũng không lấy hết của ai. Câu này chị Hòa nghe nói từ lúc còn chửa đẻ. Có phải vậy mà Cún (tên khai sinh là Nghĩa) đẻ thiếu tháng. Bà đỡ bảo không lo, có tài ra ngoài mà nuôi. Chị chắc kém tài nên kém sữa, Cún phải ăn thêm ngoài. Vài thìa bột trắng với nước sôi bù sữa mẹ. Nhưng bột trắng không phải lúc nào cũng sẵn, phải có nước cơm hỗ trợ thêm. Gọi là cơm, nhưng là cơm độn ngô khoai sắn. Cún không chịu lớn, quấy

khóc nhiều, nhiều nhất về đêm. Đêm làm nó nhảm, tưởng còn nằm trong bọc mẹ, nên nhớ khóc, vậy thôi. Bà ngoại bảo trẻ con khóc dạ đề, vài tháng quên, hết khóc. Khóc đêm không ngại, thỉnh thoảng bỗng con thăm viện mới ngại. Viện búng rón xoa lưng, hỏi vài câu rồi kê thuốc. Tiền thuốc nhiều hơn tiền sữa. Con ôm mẹ nghỉ nhiều, cũng ngại. Chị tính nghỉ không lương, lãnh đạo gặp động viên và thông cảm. Ngoại bảo phải sạch đót sài. Sạch sài Cún sẽ quyền ăn quyền lớn. Có phải thế mà khi bố Nhân về phép, Cún đã mồm ăn chân chạy, miệng bi bô. Bồng con, mắt anh sáng lên niềm hạnh phúc. Một gia đình nhỏ, một hạnh phúc to, anh chờ đợi nó đến mỗi mồn. Từ ở rừng, đến phép thăm nhà, rồi vợ vào tiếp ngay sau đó. Biết bao nhiêu khó nhọc và hy vọng, trời mới thương cho cục cưng này. Cung ơi, con được mùa sinh. Miền Nam giải phóng, đất nước trọn niềm vui. Để có ngày vui thống nhất non sông, cha ông đã cầm súng mấy đời. Bố lớn lên cũng cầm súng. Con lớn lên con cầm bút vào đại học. Con hơn cha, nhà ta có phúc. Tương lai con rộng mở. Nhưng con chớ quên cái giá của hòa bình, của mỗi ngày con sống. Đó là biết bao xương máu và nước mắt cha ông đã đổ. Dù đời có thế nào con vẫn phải nhớ, nghe con... Đợt phép qua mau. Khoác ba lô đi anh Nhân còn nựng Cún ở nhà phải hay ăn chóng lớn, Cún phải ngoan. Ngoan, bố về sẽ thưởng, phần thưởng là cả chợ đồ chơi bố khuân về. Anh chưa kịp về thì biên giới đánh nhau.

6. Mọi việc bỗng rồi beng từ sau Tết. Ở Nam về, chị Hòa thấy người chìm, nặng trĩu. Mấy đêm nằm mơ anh Nhân về, người

đầy máu và bụi đất, anh không kêu đau, chỉ đói. Anh đòi cúng cái bánh chưng. Khô anh, Tết mà còn thèm miếng bánh. Chị khẩn: “Tín chủ em thành tâm sắm lễ, có bánh chưng xanh với rượu nước, hoa quả, thuốc trà, thắp nén tâm nhang, dâng lên trước án. Tín chủ em lễ bạc tâm thành, cúi xin hồn anh linh giáng, phù hộ độ trì cho mẹ con em.” Rồi chị gọi ý hồn: “Lạy hồn, hồn về cũng đừng nhập vào em. Hồn làm em ốm thì lấy ai nuôi Cún ạ”. Công nhận linh, ngủ dậy đã thấy người thanh thoi, nhẹ bẫng.

Chị vừa lại người thì Cún bỗng sốt cao, kéo dài qua mấy viện. Tự nhiên chân cậu biếng đi, kêu đau và hay buồn bực. Lên Hà Nội, bác sĩ phán khác hẳn bác sĩ quê: “nghĩ đến bệnh từ bỏ”. Chị vội thanh minh, bố có nhà đau mà lây Cún, còn không dám nói bố hy sinh. Ngày ấy còn chưa biết nhiều về di hại chất độc da cam. Tại lính giữ nó ở trong rừng, hòa bình mới cho nhập về quê. Nó trình làng bộ mặt nhìn gớm ghiếc. Những đứa trẻ dị tật bẩm sinh khoe cặp mắt lồi vô cảm, xót xa. Cha mẹ tiếp xúc với chất độc da cam làm tăng nguy cơ dị tật bẩm sinh và quái thai ở trẻ, chị nghe bác sĩ nói mà phát hoảng. Chẳng biết anh có mang về cái con da cam chết tiệt ấy không, chỉ thấy chân tay Cún đau và yếu. Có bệnh vái tứ phương. Đợt chạy chữa này lai rai tốn kém. Mọi sự nhà nông trông hạt thóc. Phải năm trời làm ngăn dế lúa. Thóc đâu đổ ra chạy chữa cho con. Anh Tám, Chủ tịch xã giúp mà ngại quá. Chị không muốn phiền, nhưng kẹt. May, ở hiền gặp lành, Cún chỉ bị di chứng nhẹ.

Bỗng mọc chuyện lồi thôi. Chỉ anh chết là thiệt, người ta có đôi rồi. Người ta

là ai? Chị Hòa biết tin đồn nhắm chị. Thói đời kẻ yêu người ghét, chị chẳng bận tâm. Nhưng tin đồn độc lắm, nó lan nhanh như cháy đồi cỏ tranh mùa khô hanh vậy. Có hôm trụ sở vắng tanh, người về hết sạch vẫn thấy anh chị ngồi ở văn phòng. Không tình ý, sao Chủ tịch ông cứ xoắn Chủ tịch bà. Hết giờ còn ở đó làm gì? Hỏi hay chưa, ai biết ma ăn cỗ. Chỉ biết hôm sau, đã nhìn thấy nhị vị đèo nhau lên phố huyện. Nghe người ta bảo, ngày bà đi Nam ông lấy tiền cơ quan dúm cho cả xấp. Có mà uống thuốc liều. Còn trên tài liệu, chứng cứ còn rành rành trong sổ tay kế toán. Nhưng chưa hết đâu, còn nữa. Lần sau này chữa bệnh cho con. Đồn không dao, nhưng hơi đồn giết chết người. Chị lên gặp tổ chức giải trình, đi thăm chồng có báo cáo hản hoi, tạm ứng tiền có ghi sổ sách đảng hoàng. Máy cuộc đi họp huyện, hai anh em có thành phần, cùng đi, có vậy thôi. Thế mà ở đâu mọc ra toàn chuyện nhảm. Tổ chức bảo chuyện nhảm, khỏi bận tâm. Nhưng cái dầm chưa cạy được, để lâu làm nhiễm trùng, gây sốt. Trước đại hội Đảng, công Ủy ban có tờ rơi. Đại hội ấy chán, anh Tám hồng. Vợ anh đến tận nhà làm âm ỉ, như thể chị Hòa báo hại chồng chị ấy. Dẫu đồ bìm leo, liền mấy người đến đòi nợ chị vay ngày đưa con đi chữa bệnh. Đi đâu người ta cũng xì xèo, họ nhìn chị ánh mắt nhìn lạ lắm. Họ bảo chị

thật thà nên mắc bẫy. Phó phụ nữ là người nhà Bí thư muốn leo lên, chị ngồi đó, cản đường. Họ vô đơn chí, Nghĩa lại sốt cao, đi viện. Chị Hòa phải bán lúa non. Những năm ấy đói, nhiều người tìm đường đi kinh tế mới. Đảng nhà chị có mấy hộ đã vào Đắc Lắc, cậu em cứ điện giục vào. Đất rừng Tây Nguyên rộng lắm, chẳng ai chen.

- Thảo nào, trước ngày nhập trường,



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

em về thấp hương anh. Em tưởng anh giận gì em mà không cho gặp chị.

7. Đản về huyện với tấm bằng cử nhân luật. Chủ tịch huyện khoái cậu thương binh học đại học chính quy mới ra trường. Quản lý nhà nước bằng pháp luật, phải có người luật tham mưu. Sếp có Đản như có món đồ trang sức. Chủ tịch cho Đản về văn phòng đi tháp tùng Chủ tịch. Những cuộc gặp gỡ nồng nhiệt. Những trận tiệc tùng liên miên. Rồi thì sếp đi xã giao thể thao trí tuệ. Nói thể cho văn hóa, sếp dặn đừng nói đánh phỏm, không hay. Công nhận sếp khỏe, ngồi thâu đêm còn chưa cạn sức. Đôi khi sếp ra Hà Nội, hay Bãi Cháy, Đồ Sơn đổi gió. Sếp giao du rộng, lắm bạn, chịu chơi. Nhìn tưởng chơi, nhưng kỳ thực là sếp đang làm việc. Đản phải thích nghi với môi trường mới. Trước đây, giữa trận tiền, địch ta phân biệt rõ. Về trường, thầy dạy lý luận phải đi đôi với thực tiễn, nghe có lý. Nhưng về đời thường mới biết thực tiễn với lý luận có độ chênh. Sếp bảo phải thực tế, đừng sách vở. Sách vở thì đừng có mơ kéo được dự án về cho huyện. Có dự án mới có tăng trưởng. Có dự án mới có lộc. Lộc như miếng bánh. Bánh ít miếng nhiều, ngồi há miếng còn lâu. Muốn ăn phải chạy. Mà cũng phải biết cách chạy, cách đi. Muốn đi nhanh thì phải đi vòng, cửa dễ mở là cửa sau. Cái khó nhất là tìm được người mở cửa. Có được cu đê u bê (quyết định ủy ban) chẳng dễ gì, phải tốn bao nhiêu công sức và chất xám. Mà chất xám thì vô giá, nên sếp rất xông xênh. Chỉ khổ Đản mỗi khi làm thanh quyết toán. Những khoản chi không có mục chi.

- Ai tên là không có? Khách huyện cả tỉnh, cứ ghi ủy ban tiếp khách là xong.

Sếp nói hùng hồn làm Đản cũng yên tâm.

Đó là lần đi đổi gió ở Quất Lâm, sếp bảo Đản luật được rồi, cần học thêm họa sĩ. Đản nhìn sếp ngu ngơ. Nhìn mặt Đản, sếp bật cười, cái cười thiếu muối:

- Họa sĩ vẽ chứng từ, anh ngồ ả.

Sếp dặn, vẽ, nhưng phải dựa vào quy định. Ăn vụng phải biết chùi mép, có thể mới be bít được thanh tra. Năm đôi lần ủy ban tiếp thanh tra. Thanh tra tới, sếp đều có phong bao hoặc đưa đi đổi gió, hoặc cả hai. Có thể mọi việc mới được gọn gàng, tươm tất. Thanh tra đi còn dặn đừng để phát sinh đơn. Nhưng đừng sao được, ở đâu chả có Chí Phèo. Chẳng biết ai xông đất, năm ấy rộ đơn. Như có người nằm trong chăn, tổ chấy ở chỗ nào đơn biết tuốt. Nhưng sếp không biết, sếp có ký cốp gì đâu. Đản bị kiểm điểm và xử lý. Sếp bảo thanh tra làm căng, họ định cho Đản đi tàu suốt. May có sếp xin mà họ nể. Nhưng cũng chỉ giữ được cái cần câu com.

8. Đản dẫn vật, mấy đêm liền không chợp mắt. Nó ăn ốc, mày đồ vỏ, ngu có bản quyền. Tự xỉ vả bao nhiêu Đản vẫn không nguôi cái cảm giác ê chề. Thẻ đảng viên chiều qua người ta thu lại. Tấm thẻ ấy, Đản đã phải đổi bằng máu ở ngoài biên. Nhìn dáng Đản như mất hồn rời phòng họp, nhiều ánh mắt ái ngại. Có đến mấy ngày Đản không ra khỏi cửa. Com chẳng buồn đụng đũa, tự nhiên Đản thấy sợ người. Thương con, mẹ Đản tìm đến cơ quan đề hỏi cho ra nhẽ. Mấy hôm liền Chủ tịch đều đi họp vắng.

Nằm đúng ba hôm thì Đản ra Hà Nội. Có mấy thằng bạn học cù nhây vẫn đang bám trụ ở trường. Về huyện tương may, cũng không hơn ăn mỳ Hà Nội. Ai

học được chữ ngờ. Trong phúc có họa, biết mà vẫn không tránh được. Quân tử trả thù, mười năm chưa muộn. Thầy chủ nhiệm cũ cười, quên huyện đi, tập trung vào chuyên môn. Ngoài lên bục thầy còn tham gia Đoàn luật sư, bán nói. Thầy đưa Đản tập hồ sơ nghiên cứu. Thầy bày cho Đản cách để cãi thuê. Nhưng bán nói đâu phải dễ. Thầy bảo phải kiên trì. Vạn sự khởi đầu nan. Có công mài sắt, có ngày nên kim, đừng vội. Muốn gặt hái thì phải gieo hạt đã. Nên việc trước tiên hãy biết cày. Cày để trau dồi kiến thức, để lấy kinh nghiệm, rồi tính tiếp. Thời kinh tế thị trường, nhiều khi việc chọn người, chứ cóc phải người chọn việc. Thằng bạn giường tầng hồi đại học tìm Đản. Nó có công ty ở Sài Gòn, muốn Đản làm nhân sự và tư vấn pháp lý. Mẹ còn ở quê, nên Đản chần chừ chưa quyết. Chưa kịp quyết thì chia tách tỉnh. Bạn bảo, thôi khởi đi đâu, cơ hội đến rồi. Tỉnh mình bây giờ đầy cơ hội. Trong kinh tế, cơ hội cực kỳ quan trọng. Chẳng có ai thành công mà không nhờ cơ hội. Nhưng không phải ai cũng biết tận dụng và nắm lấy. Đản mở công ty để đón cơ hội. Có dự án sẽ có tiền. Bạn bảo phải nghĩ thoáng lên, dự án không tự nhiên sinh ra, mà cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển từ người này sang người khác. Đản hiểu ngay. Mấy thằng bạn cà phê trên sở, tự nhiên thành giá trị. Chúng chỉ cho đường đi, mách bảo cách đi. Đúng là giàu vì bạn, mà sang thì cũng thế luôn. Hôm nhận quyết định, Đản mời đám bạn đi chiêu đãi. Vừa nâng chén rượu, thằng bạn bỗng hỏi:

- Tin nóng bỏng lắm, mày biết gì chưa? Tay Chủ tịch huyện mày, hôm qua vừa bị đình chỉ để điều tra. Chắc vào lò, tay

nhiều tội lắm, nặng nhất là lập nhiều công ty ma để chiếm đất tư lợi. Vừa rồi tay còn cho đệ lên lút làm ăn cả với nước ngoài. Công nhận tay tanh. Vì thế công an họ mới cho vào cái ống nhòm.

Đản nhìn bạn, chén rượu còn cầm trên tay. Cạn chén xong, bạn giục:

- Uống đi, chén rượu vui buồn! Buồn cho sếp mà vui cho mày. Mày ở đến bây giờ chắc cũng đi theo sếp.

- Sếp nào dám cho theo. Ở hiền gặp lành, tao có quý nhân phù trợ.

Có mấy lần Đản đi xem vụng. Mấy cửa thầy đều phán, có quý nhân phù trợ. Có vong anh bộ đội vẫn theo. Thảo nào, mấy lần việc trắc trở, nhưng cuối cùng vẫn hanh thông. Công ty Gốm Mỹ thuật vừa đi vào hoạt động, Đản tìm về quê anh Nhân. Từng ấy năm mãi buôn chải thành ra có lỗi với anh. Mẹ con chị Hòa về quê đã lâu rồi. Cắm mặt vào rừng không phải dễ. Không quen thủy thổ, sốt rét quật mấy lần, chị sợ. Nhưng cái chính là ở nơi heo hút quá, xa trường, Nghĩa không đi học được. Chốn bình an nhất vẫn là chốn quê nhà. Thăm thoát cũng nhanh, Nghĩa bây giờ đã học xong đại học. Thi công chức mấy lần thì mấy lần đều báo về ăn lương mẹ. “Chú xem xin việc đâu cho cháu”. Đản bảo chị Hòa:

- Khởi phải xin đâu, cháu Nghĩa chỉ cứ cho về chỗ em làm. Công ty em đang tuyển người, có ưu tiên cho các đối tượng chính sách. Cháu lại khéo tay.

Chị Hòa nói với Đản sau khi thấp nén nhang xong:

- Trăm sự mẹ con tôi nhờ cả chú. Bố cháu mất đã lâu, nhưng vẫn còn cái nghĩa tình ở lại./.

"GÓC CHÂN QUÊ"

trong thơ Nguyễn Quỳnh

HOÀNG YẾN

Đọc thơ Nguyễn Quỳnh và nghe về chị đã lâu nhưng mãi cho tới khi được góp mặt cùng với chị trong chuyến đi thực tế sáng tác dành cho các văn nghệ sỹ tại Nhà sáng tác Tam Đảo - Vĩnh Phúc vào dịp cuối năm 2022 thì tôi mới có điều kiện gần gũi và hiểu hơn về chị.

Nhà thơ Nguyễn Quỳnh tên khai sinh là Nguyễn Thị Lan (bút danh Nguyễn Quỳnh). Chị sinh năm 1975 tại Gia Bình, Bắc Ninh. Khác hẳn với vẻ bề ngoài khô gằn (đó là cái nhìn và những cảm nhận ban đầu trong tôi khi lần đầu giáp mặt chị) thì Nguyễn Quỳnh là người phụ nữ khá hòa đồng, cởi mở và dễ mến. Tạm chia tay nhau sau chuyến đi thực tế sáng tác, mỗi chúng tôi ai nấy lại trở về với công việc và cuộc sống thường ngày. Cho tới dịp đầu năm nay, tôi mới gặp lại chị trong một sự kiện Văn học nghệ thuật do cơ quan Hội tổ chức. Chị em gặp nhau tay bắt mặt mừng,

chúng tôi ân cần hỏi thăm tình hình sức khỏe, gia đình và công việc của nhau. Chị còn phấn khởi mở túi xách lấy ra “khoe” và tặng tôi tập thơ mà chị vừa xuất bản.

Cầm ấn phẩm trên tay, tôi không ngạc nhiên khi lướt qua cái tên mà chị dành để đặt tên cho “đứa con tinh thần” của mình. Bởi có lẽ tiếp nối sau **“Khúc vọng đồng quê”** thì tập thơ **“Về với ruộng đồng”** với trên 160 bài thơ chủ yếu được viết theo thể lục bát cổ truyền của dân tộc, đan xen vào đó là một số bài thơ đã được nhạc sỹ Giao Tiên phổ thành những bản nhạc chan chứa tình yêu quê hương, gia đình, mảnh đất nơi nhà thơ sinh ra và lớn lên. Tập thơ chính là sự tiếp nối mạch nguồn cảm xúc, là tiếng lòng, là sự chuyển tải đủ đầy và toàn vẹn những tình cảm sâu nặng mà thi sỹ dành cho nơi chôn rau cắt rốn. Vùng quê đã gắn bó với chị từ thuở lọt lòng để giờ đây dù đã đi lấy chồng xa nhiều năm nhưng mỗi

khi nhắc và nhớ tới thì trong chị lại trào dâng nỗi băng khuâng, nhớ nhung thao thiết. Cũng chính miền quê một thời đói nghèo ấy lại là nơi lưu giữ biết bao những kỷ niệm của tuổi thơ vui buồn, khó nhọc.

Đọc và cảm thơ Nguyễn Quỳnh, chắc hẳn mỗi độc giả sẽ có những suy nghĩ, phát hiện và cảm nhận riêng. Với cá nhân tôi, khi gặp những trang thơ cuối cùng lại thì hình ảnh người phụ nữ - người mẹ mà chị khắc họa xuất hiện nhiều lần trên những bài thơ cứ khiến tôi trăn trở mãi. Trong khuôn khổ bài viết ngắn ngủi này, tôi không dám tham khi đi vào phân tích toàn bộ những bài thơ mà chị viết về người phụ nữ ấy, chỉ xin có đôi điều cảm nhận riêng và chia sẻ về một bài thơ mà tôi cảm thấy khá tâm đắc. Nó hấp dẫn tôi ngay từ chính tiêu đề mà Nguyễn Quỳnh đã dùng để đặt tên cho bài thơ.

Mẹ là một góc chôn quê

Bốn mùa cỏ rả, rạ rơm

Mẹ tôi mong đủ bát cơm vuông tròn

Dáng gầy cánh vạc đầu non

Chân trần xéo nắng dọc mùng bở kên.

Cánh diều ngược gió lênh đênh

Cũng ngang đời mẹ thác ghềnh vượt qua

Đụn rơm tích lợp mái nhà

Sáu con một nội, vào ra năm ngòi.

Tháng năm cứ mãi lần hồi

Bây giờ no đủ, mẹ tôi... đâu còn./



Có thể dễ dàng nhận thấy “**Mẹ là một góc chôn quê**” là bài thơ có dung lượng không nhiều, chỉ vắn vện có 10 câu thơ thể lục bát nhưng nội dung bài thơ đã khắc họa và chuyển tải sâu sắc hình ảnh một người mẹ tảo tần, lam lũ sớm khuya hết lòng vì đàn con thân yêu. Bài thơ cũng chính là tiếng lòng, là nỗi đón đau, xót xa của người con gái đối với mẹ của mình khi giờ đây mẹ đã mãi đi về miền xa thẳm. Câu thơ mở đầu bài thơ đã tái hiện và đưa người đọc trở về với bức tranh quê những năm 70 với hình ảnh một người phụ nữ quanh năm quần quật với ruộng đồng, cỏ rả: “*Bốn mùa cỏ rả, rạ rơm/ Mẹ tôi mong đủ bát cơm vuông tròn*”. Xuân qua, hè tới; thu sang, đông lại về, cứ như vậy ngày lại ngày, người phụ nữ tảo tần ấy vẫn cặm cụi làm lụng sớm hôm, chịu thương chịu khó “*bán lưng cho trời, bán mặt cho đất*” chỉ

mong sao đàn con thơ dại có miếng cơm để ăn, có thêm manh áo để mặc. Vẫn cái “*dáng gầy*” mảnh mai tưởng chừng như một cơn gió lớn bất chợt thổi đến cũng có thể khiến cho thân hình ấy đảo chao nhưng không, người phụ nữ ấy vẫn hiên ngang, kiên cường đối mặt với mọi sóng gió của cuộc đời dâu bể. Đôi “*chân trần*” thoăn thoắt vẫn ngày ngày xéo nắng đội mưa trên khắp lỏi đi mòn mỏi “*dọc bờ kênh*” để cốt kiếm thêm con cua, con cá cải thiện bữa ăn cho đàn con thơ. Biết nói sao cho đủ, diễn tả sao cho hết những nhọc nhằn của đời mẹ! Sinh ra và lớn lên tại vùng quê nghèo khó nên Nguyễn Quỳnh thấu hiểu và cảm nhận đủ đầy những khó khăn, vất vả, cuộc sống đói nghèo, lam lũ của người dân nơi đây. Ngày nay, khi đời sống đã khá hơn, đủ đầy hơn, nhớ lại những ngày tháng cơ cực đã qua với những bữa no, bữa đói... mẹ thì luôn nhin bụng “mẹ no rồi, mẹ ăn rồi, các con ăn đi” để dành những miếng cơm ngon, những bát canh ngọt cho sáu anh chị em. Lòng mẹ là vậy, luôn bao la và cao cả tựa biển khơi.

*"Cánh điều ngược gió lênh đếnh
Cũng ngang đời mẹ, thác ghềnh vượt qua"*

Trong hai câu thơ này, tác giả đã khéo léo khi sử dụng hình ảnh “*cánh điều ngược gió*” để qua đó khắc họa và làm nổi bật chặng đời khó khăn, lam lũ, vất vả ngược xuôi của mẹ. Để những con điều trên bờ đề có thể bay vút lên cao trên bầu trời ngược gió, thì người thả điều cũng phải vất vả

chạy ngược chạy xuôi, khéo léo lựa theo chiều của gió thổi khi nhẹ nhàng, uyển chuyển, lúc lại cũng cần dứt khoát để đưa điều từ từ bay lên cho tới khi điều no căng gió bay liệng trên không trung... Có thể thấy, “*cánh điều*” chính là hình ảnh biểu trưng cho cuộc đời mẹ lam lũ, nhọc nhằn trải qua bao “*ghềnh thác*”, hứng chịu mọi sự quăng quật, nổi trôi của cuộc đời.

Với ngôn ngữ giản dị, đời thường, hình ảnh chân thực mà gần gũi, trong hai khổ thơ đầu của bài thơ, Nguyễn Quỳnh đã tái hiện thành công hình ảnh người phụ nữ với chặng đời lắm nỗi vất vả, gian truân. Có thể nói, hình ảnh người mẹ trong thơ Nguyễn Quỳnh chính là một trong những đại diện tiêu biểu của lớp lớp các thế hệ phụ nữ Việt Nam mọi thời kỳ mãi như “những viên ngọc thần kỳ”, dẫu có ẩn sâu nhưng vẫn tỏa hào quang và phát ra thứ ánh sáng lấp lánh. Luôn giữ vững và phát huy những phẩm chất tốt đẹp vốn có từ ngàn đời: lòng yêu thương, thủy chung son sắt cùng sự hy sinh cao cả... Hết lòng vì gia đình và đàn con thân yêu.

Thật không sai khi nói rằng, tình mẫu tử luôn là thứ tình cảm thiêng liêng nhất mà những người phụ nữ dành cho những đứa con của mình; Kể từ khi đứa con ấy còn chưa tượng hình cho đến lúc mẹ đã nhắm mắt, xuôi tay. Tình cảm ấy là vô điều kiện và chẳng có người mẹ nào lúc nuôi con lại nghĩ đến việc sau này mình được con của mình báo hiếu như thế nào.

Chỉ cần được nhìn thấy những đứa con ấy lớn lên hàng ngày, khỏe mạnh, an yên và hạnh phúc. Với mẹ, như vậy đã là quá đủ đầy. Nuôi con không quản tháng ngày những mong con khôn lớn. Năm tháng qua đi khiến cho lưng mẹ đã còng, tóc mẹ đã bạc, khuôn mặt đã hằn sâu chằng chịt những lát cắt của thời gian... Đàn con thơ đại thuở nào giờ đây đã lớn khôn, trưởng thành, có những người đã lên chức ông, bà. Cuộc sống đã có nhiều đổi thay nhưng tiếc rằng *"bây giờ no đủ"* thì mẹ đã mãi mãi đi xa, như cánh hạc bay mãi về phía cuối trời không hẹn ngày trở lại. Những năm tháng nhọc nhằn thuở nào đã bào mòn đi sức khỏe, cướp đi tuổi thanh xuân của mẹ... Lòng chị nghẹn ngào, đau đớn, xót xa khi nghĩ tới mẹ, thương mẹ một đời vất vả lam lũ mãi tới khi cuộc sống được an nhàn thì mẹ lại không còn để có thể chứng kiến những đứa con của mẹ thành đạt, để các con mãi không còn cơ hội được phụng dưỡng mẹ lúc tuổi xế chiều. Câu thơ: *"Bây giờ no đủ, mẹ tôi đâu còn"* có ý nghĩa như một câu hỏi tu từ luôn ám ảnh, day dứt, dư ba... Đọc câu thơ của chị, bỗng chợt tôi nghĩ tới một ngày nào đó khi mẹ của mình... cũng là do quy luật, cũng bởi lẽ tự nhiên của đời người... lòng cảm thấy hoang mang, lo sợ...

"Mẹ là một góc chân quê" có thể chưa phải là một bài thơ hay theo cách cảm nhận riêng của mỗi người nhưng với tôi thì đây cũng là một bài thơ đáng

để đọc và suy ngẫm, không phải bởi nội dung và nghệ thuật của nó đã đạt đến trình độ "điều luyện" mà đơn giản chỉ bởi nó đã lay động và chạm tới trái tim, khơi dậy tình yêu thương - tình mẫu tử thiêng liêng. Tại *"một góc chân quê"* nào đó luôn có mẹ, hình ảnh mẹ vẫn luôn thường trực, thôi thúc nhắc nhở những đứa con trở về. Về bên mẹ cũng chính là về với hồn cốt quê hương - về với nơi chôn cất biết bao những buồn vui lẫn lộn nhưng đó vẫn sẽ mãi là nơi không chỉ tác giả bài thơ mà ai trong mỗi chúng ta cũng mong muốn để tìm về, trở về.

Thông qua bài viết này, tôi muốn nói lên nguyện ước của bản thân, luôn cầu mong rằng bất kỳ người phụ nữ Việt Nam nào cũng sẽ được nhận những niềm vui, tận hưởng niềm hạnh phúc và nhận được sự yêu thương tương xứng từ chính những đứa con thân yêu của họ. Bởi có thể, mẹ không cho con được điều tốt nhất trên thế giới nhưng mẹ sẵn sàng dành tất cả cho con những điều tốt nhất mà mẹ đang có. Hãy luôn biết trân quý từng phút giây mẹ còn được bên ta. Xin mượn ca từ lời bài hát ***"Chỉ có một trên đời"*** của Nhạc sỹ Trương Quang Lục để làm câu kết cho bài viết này: *"Riêng mặt trời chỉ có một mà thôi, và mẹ em chỉ có một trên đời"*. Mỗi chúng ta, hãy đừng ngần ngại nói lời yêu thương mẹ khi còn có thể./.

PHẠM VĂN NAM

Tình xưa

Tại đêm trăng nồn hương đòi
Em trong trẻo quá để tôi yếu mềm
Bây giờ lục nhớ tìm quên
Mà canh cánh nỗi ưu phiền nợ nhau
Trách gì mặt đá còn cau
Héo hơn lá cỏ rạc màu đất quê
Gió lay tuột nửa câu thơ
Lạc vào bến Lú bờ Mê còn tìm
Dặm mòn tăm cá bóng chim
Tình xưa sáng với lặng im trăng đòi./

ĐÀO HỮU VỤ

Nói với gió

Đi đâu mà phải vội vàng
Cứ ung dung cứ dịu dàng gió ơi
Đích xa, chẳng dễ vượt vời
Đất nhiều sương khói nên trời lắm mây
Ích gì giật lá rung cây
Biết chẳng nước cả đò đầy trên sông
Xin đừng tích bão tụ đông
Hãy cùng cỏ nội hương đồng mà say!

NGỌC BÌNH

Hồi niệm

Thăm thẳm đường chiều xao xác gió
Lặng lẽ thời gian tóc sương bay
Bốn năm năm ấy còn vương nợ
Một thuở đôi mươi mãi dang đầy.

Tháng Ba súng nổ đầu chiến dịch
Rừng xanh che phủ lối quân đi
Xe tăng - đại bác cùng xông trận
Rộn rã Tây nguyên sóng âm ỉ.

Thị xã còn đây: - Buôn Ma Thuột
Buôn nhỏ Cà Tu có còn không?
Chân trần em gái lưng công đạn
Len lối đường mây má ửng hồng.

Đồng đội chia nhau mẩu sắn lùi
Mùi thơm đọng lại nét tình khôi
Mế già tay vẫy người ra trận
Nuốt lệ vào trong mở nụ cười.

Chẻ dọc thời gian khơi dấu cũ
Tìm em trong mầu nắng trinh nguyên
Em gái Cà Tu giờ tóc bạc
Vời vợi dòng xanh ánh mắt huyền.

Tôi đã vào đây... lại về đây...
Thành phố Ban Mê... mới từng ngày
Lòng dân với Đảng bền một khối
Cờ đỏ vàng sao phấp phới bay./

NGUYỄN VĂN HÀO

Chiêm bái chùa Tiêu

(Nhân kỷ niệm 1005 ngày mất

Thiền sư Lý Vạn Hạnh)

“Thiên tâm cổ tự “bao đời
Danh lam thắng cảnh rạng ngời bốn phương
Dáng chùa soi bóng dòng Tương
Ngọc tan Huyền sử “ Mị - Trương”
thuở nào

Rêu phong vườn tháp vút cao
Họa tô chốn Phật tạc vào trời mây
Ngàn xưa lan thị hương bay
Sấm truyền linh ứng sắp bày minh quân
Thiền sư Vạn Hạnh trí nhân
Quốc sư phò giúp kế dâng Lê Hoàn
Dạy nuôi “Công Uẩn” trò ngoan
Lập ra triều Lý huy hoàng bao năm
Nơi đây lưu dấu tiếng tăm
Linh thiêng đạo pháp trung tâm khắp miền
Thiền sư Như Trí độ - duyên
Khách du, Phật tử nhang đèn nhục thân
Sớm chiều vắng tiếng chuông ngân
Sư bà Đàm Chính từ tâm nhiệm màu
Không hòm công đức, giọt dầu
Khói hương vàng mã rời lâu trong nhà
Quý dân, Phật tử chan hoà
Giảng kinh, giáo điển sáng ra chân trời
Cùng quê hương, với mọi người
Mở mang bề thế vẫy mời vãng qua...
“Chùa Tiêu” di tích quốc gia
Nén nhang chiêm bái gần xa thỏa lòng!

BẠCH LIÊN

Vượt qua

Tám ba tuổi Hạc xuân đầy
Mà thơ trong trẻo, đầu gầy hồn hoa
Dẫu cho Xuân cạn chiều tà
Quên đi tuổi tác vượt qua úa tàn./.

TRẦN THỊ TÍCH

Giao mùa

Nắng một chút rồi mưa
Đất trời sao động đánh
Như cô nàng khó tính
Cười đầy rồi dỗi hờn

Se se lạnh... cô đơn
Lại ấm nồng một phút
Hiu hiu cơn gió mùa
Cho nhớ nhung đôi chút...

Đông dùng dằng chưa dứt
Xuân tàn gần đây xa
Dịu dàng cơn rét ngọt
Lại choàng hơi ấm qua...

Đông dần xa, dần xa
Đón xuân về ấm áp
Phút giao mùa tươi mát
Cho nụ cười nở hoa!

LÊ ANH PHONG

Gặp "Hoa Ban trắng" ở Trường Sa

NGUYỄN TẤT ĐÌNH VÂN

Chiến sỹ Biên phòng

Sao hôm đi ngủ đỉnh đèo
Canh phòng biên giới anh leo núi ngàn
Bên đường thoang thoảng hương lan
Rừng cây vắng lặng kéo màn sương đêm.

Nhớ vầng trăng đứng bên thềm
Đàn bầu, sáo trúc êm đềm dòng sông
Tóc mây hương bưởi thơm nồng
Lời ru cánh võng mênh mông đất trời.

Vó ngựa gõ nhịp nẻo nơi
Màn đêm buông xuống bầu trời đầy sao
Vọng nghe tiếng suối rì rào
Vững dây cương ngựa đêm vào tuần tra.

Reo vui sông suối nước nhà
Biên cương, hải đảo quê ta yên bình
Nghe như Tổ quốc gọi mình
Giữ gìn non nước nghĩa tình xưa nay./.

Những đóa hoa ban trắng nở nà
Nở bừng trên sóng nước Trường Sa
Điệu xòe tây Bắc, xòe trên sóng
Dạt dào sóng biển cũng “xòe hoa”.

Làn môi em thắm nụ cười hoa
Nồng nàn say khúc hát “Tình ca”
Em say lính đảo hay say sóng
Anh say em mà ngỡ say hoa.

Có một đêm như thế Trường Sa
Đa tình sóng lượn luyến lưu hoa
Lời em thơm thảo tình ban trắng
Ngọn nguồn trong khiết gửi khơi xa.

Gặp “Hoa Ban trắng” ở Trường Sa
Non nước hai đầu chẳng cách xa
Em ơi! Trinh trắng màu hoa ấy
Neo giữa tim anh thắm mặn mà./.



TIẾNG THƠ LÀNG VĂN HIẾN

PHẠM THUẬN THÀNH

Làng Đại Mão (Hoài Thượng - Thuận Thành - Bắc Ninh) nổi tiếng làng văn hiến. Và ngày nay còn là làng giáo dục. Rất đông người đã và đang công tác ở xa, với những cương vị khác nhau, kể cả là cán bộ cao cấp của Nhà nước và Quân đội. Một số người định cư ở nơi công tác. Nhưng Đại Mão luôn là quê hương thân yêu trong máu thịt và tâm khảm mỗi người.

Nhắc đến Đại Mão hẳn mọi người sẽ nhớ ngay đến giai thoại “Văn chỉ không vắng” của làng. Câu chuyện nhỏ nhưng nói được nhiều điều lớn. Đó là đất văn học. Đó là nơi con người có giáo dục cao luôn khiêm nhường, luôn “tri túc” và trong cách ứng xử, đó là phép lịch sự thanh khiết.

Ngày nay, rất nhiều cán bộ các cấp nghỉ chế độ về sinh sống tại làng càng làm tăng thêm “mật độ” tri thức cho làng quê. Đất văn học càng thêm sáng ngời chất văn học. Họ hợp lại thành “Tiếng thơ làng văn hiến”. Đến nay các tác giả yêu văn học làng Đại Mão đang chuẩn bị cho in cuốn “**Thơ Đại Mão**” tập thứ 11 với 183 bài. Tập thơ dày dặn về số bài và cũng dày dặn cả về Tiếng thơ nữa.

Tiếng thơ là tiếng lòng. Trước hết là tiếng lòng với quê hương, đất nước, mà cụ thể là ngôi làng Đại Mão của chính mình. Hầu như mỗi tác giả đều có thơ về quê hương với các cách cảm cách nhìn khác nhau. Với tác giả Lê Đình Ngạn có hẳn một chùm 3 bài: “**Quê tôi**”, “**Quê hương tôi**”, “**Quê hương**”. Đó là “**Một miền quê**” vừa cụ thể vừa đặc trưng trong thơ Lê Nho Nùng:

*Bờ Nam sông Đuống một miền quê
Nơi ấy người xa những hướng về
Ruộng bãi bờ tre sàng nếp sóng
Đất quê thói dật dưng mê.*

Quê hương chính là điểm tựa vững chãi nhất cho mỗi con người trong hành trình sống và cống hiến lúc thuận lợi, lúc vấp vấp để an bình vượt qua trong thơ Nguyễn Hữu Chi:

*Ta về lưng tựa vào quê
Thả hồn vào những chốn về yêu thương
Đường quê dầu dãi gió sương
Ngày về thương nhớ vẫn vương đọng đây.*

Vì thế, người nào đi xa cũng luôn “Nhớ quê hương” để có sức mạnh cội nguồn đi tới. Với tác giả Lê Thị Bình luôn thấy “Quê hương trong cả giấc mơ ngọt

ngào” và nhận ra “Đến khi tuổi già nằm trọn tình quê”. Tác giả Lê Nho Dực nhớ quê hương qua ngày hội làng truyền thống: “*Mặn mà như thể trầu cau/ Nhớ ngày hội mở cùng nhau sum vầy*”. Tác giả Lê Nho Nhung thì lại nhớ quê hương qua nét đẹp văn hóa độc đáo của làng, đó là tục xuân tế tổ của tất cả các cửa họ vào ngày mùng Mười tháng Giêng: “*Hạnh phúc nhân lên đôi đẹp như mơ/ Ngày xuân tế chúng con về tập nập/ Sung sướng hân hoan, nghĩa tình ấm áp/ Mắt môi cười như hoa của mùa xuân*”.

Với tác giả Đỗ Anh Quân, một người sống xa quê nên mỗi khi về làng là một bầu cảm xúc lại trỗi dậy. Ông có một chùm bài trong tập này: “*Câu thơ ngày trở về*”, “*Cố hương*”, “*Nghè làng tôi*”, “*Đêm ở làng*”. Quê hương là gốc rễ, là an bình:

*Con đường thân quen ngày bé
Bây giờ bỗng thấy xốn xang
Nhớ ai chân trần gánh nước*

*Giếng làng một mảnh trăng treo
Vẫn nghe nhà ai lách cách
Dệt mùa Xuân, dệt yêu thương.*

Từ khi có Đảng lãnh đạo, người Đại Mão đoàn kết một lòng theo Đảng, đánh đuổi giặc ngoại xâm giành quyền độc lập, xây dựng quê hương giàu đẹp. Tác giả Nguyễn Hữu Kim có bài thơ dài “*Chào mừng 75 năm Đảng bộ xã Hoài Thượng*” đã tổng kết lại toàn bộ lịch sử làng, xã: Hàng nghìn thanh niên nhập ngũ, 161 liệt sĩ, 90 thương bệnh binh, 14 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, phát huy nghề dệt Đại Mão, nghề dâu tằm đất bãi... Khi dịch Covid-19 bùng phát, địa phương nằm trong khu vực phong tỏa cách ly y tế, nhiều tác giả có thơ về đề tài này, hoàn toàn ủng hộ chủ trương của Đảng và Nhà nước về các biện pháp phòng chống dịch. Tác giả Đỗ Trọng Tàu biến quan điểm “*Ở nhà là yêu nước*” trong bài thơ “*Nằm nhà là thắng dịch*”, mặc dù:



*“Chè ngon thiếu bạn không buồn uống/
Hoa đẹp vắng người chẳng thấy hay”.*

Yêu quê hương là yêu cả những người thân yêu nhất, kính trọng nhất, đặc biệt là những người thân đã đi xa mãi mãi. Tác giả Lê Nho Lãng có **“Ngày giỗ vợ”**. Tác giả Vũ Huy Quang có **“Độc thơ cha”** và **“Ngày giỗ cha”**. Tác giả Lê Nho Tài có **“Lời khấn ngày giỗ mẹ”**. Tác giả Trịnh Đức Khái có **“Nhớ mẹ”**. Tác giả Lê Thị Tâm có **“Thương mẹ”**: *“Mẹ tôi suốt cả cuộc đời/ Thân cò lặn lội giữa trời nắng mưa”* và:

Lòng Mẹ như ánh trăng rằm

Mênh mông tỏa sáng ngàn năm mãi còn

Tác giả Nguyễn Đình Nghiên có bài **“Nhớ cha”** đầy cảm xúc chân thành và đại diện cho tất cả mọi người cùng cảnh ngộ:

Con ngược nhìn lên ba bát hương

Trong vòng hương tỏa dáng quen quen

Đâu đấy bóng mẹ cha cười đó

Che chở cháu con bớt muộn phiền.

Tình yêu quê hương còn mở rộng ra tình yêu đất nước qua tình cảm với các miền quê khác cũng đều đẹp và yêu dấu nên thơ. Và cao hơn cả là tình cảm yêu kính với Đảng, Bác Hồ và các bậc lãnh đạo tiền bối của Đảng. Tác giả Vũ Huy Quang có chùm bài: **“Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người”**, **“Thơ, Di chúc Bác Hồ”**, **“Lời Bác dạy”**, **“Trường thọ vinh hoa”**, **“Đại tướng Võ Nguyên Giáp”**. Tác giả Lê Nho Tài có **“Thơ Nguyên tiêu của Bác Hồ”**, **“Ngày vui nhớ Bác”**. Tác giả Lê Thị Tâm có **“Trường Sơn nhớ Bác”**. Tác giả Đỗ Thị Huy cũng có chùm bài: **“Niềm tin”**, **“Mừng sinh nhật Bác”**, **“Tự hào”**. Lòng

yêu kính lãnh tụ thật mộc mạc mà chân thành, sâu sắc:

Bác Hồ sống mãi muôn đời

Đi cùng lịch sử con người Việt Nam

Có Tiếng Lòng hướng ngoại thì có Tiếng Lòng hướng nội. Nhà thơ Xuân Diệu nói đại ý: *“Tôi viết về thế giới thì không ai đọc/ Tôi viết về vợ tôi thì cả thế giới đọc”*. Các tác giả thơ làng Đại Mão khi viết hướng nội cũng rất đắm thắm, trữ tình và nên thơ. Tác giả Lê Nho Bá có hẳn một chùm: **“Tự thọ”**, **“Tự sự”**. **“Tự nhủ”**. Còn tác giả Đỗ Trọng Bảo đã 97 tuổi mà viết về **“Đôi mắt”** thật lạc quan, yêu đời: *“Trông trời chang chói hồng tươi đỏ/ Ngắm đất yên bình thắm sắc xanh”* và khẳng định: *“Đôi mắt còn theo cuộc tái sinh”*. Tác giả Trịnh Đức Bình lại **“Say vào lời yêu”** thế này: *“Rượu nồng người đã rót trao/ Cùng nhau ta đã say vào lời yêu”*. Với con mắt thơ, ông còn có bài **“Cái nhìn”** mượt mà và ngọt ngào, con chữ thì lấp lánh tình:

Cái nhìn ấy hút hồn tôi

Dao cau mắt liếc cong nơi đao đình

Và rồi:

Hội tan mà chẳng muốn về

Cái nhìn đỏ nắng làm mê mẩn hồn.

Say tình như thế nên lúc nào cũng **“Nợ một chữ yêu”**: *“Nắng non như dải lụa vàng/ Vương vào em cái ngõ ngang của xuân”*.

Tác giả Lê Nho Nùng lại có một **“Bến xưa”** của riêng mình. Chỉ bằng vài nét chấm phá mà bức tranh bến sông hiện ra rõ nét:

Mấy chục năm nay tới bến xưa

Lối mòn cây lúp lênh cảnh tiêu sơ.

*Người đâu không thấy thuyền không thấy
Ì ọp từng con sóng vỗ bờ.*

Tác giả Nguyễn Hữu Chi lại có kỉ niệm rất thôn quê với **“Bóng chiều cỏ may”**:

*Cỏ may níu mãi chân mình
Mang bao thương nhớ nghĩa tình sắt son.*

Cỏ may thì sắt son với người, nhưng người bạn gái lại sang ngang, để cho: *“Tiếng ve nức nở nổi sâu/Mối tình ngày đó rục màu phượng rơi”*.

Tác giả Lê Đình Ngạn thì lại ôm mãi mối tình cau xanh: *“Em đi góc biển, chân trời/Còn anh vẫn giữ một thời cau xanh”*.

Cảm xúc giao mùa, nhất là mùa xuân dường như ăm ắp đầy trong các tác giả thơ làng văn hiến. **“Vào xuân”, “Khai xuân”, “Xuân đến muộn”, “Xuân lại gọi xuân”**... Tác giả Lê Nho Tờ thật tinh tế khi liên tưởng mùa xuân là đẹp, là sinh sôi vạn vật qua hình tượng người con gái:

*Chiều nay tạnh gió triền đê
Lơ thơ cánh én liệng về cùng em
Gót sen nhẹ bước êm đềm
Mầm non cựa đất gọi đêm ngờ ngàng*

Còn tác giả Lê Đình Thanh trong lúc **“Giao mùa”** cũng đã cảm nhận được bức tranh đẹp và tươi sáng của riêng mình:

*Phong lan rong đỏ hương ngát ngây
Họa mi lãnh lót tiếng hót hay
Tiết xuân lưu luyến làn gió nhẹ
Gọi nắng hạ về hồng chân mây.*

“Thăm bến đò Ngâm” ông cũng có những xúc cảm kỉ niệm xưa cũ ủa về, vẫn đây xanh mát hàng tre mà con đò năm ấy trôi về nơi đâu, để cho người cũ còn đắm mãi trong kỉ niệm: *“Bình minh rạng rỡ đằng Đông/Mình tôi giữa bến bâng khuâng đợi chờ”*.

Với tác giả Đỗ Phương Liễu lại đắm chìm tâm tư trong thời gian đang lặng lẽ trôi. **“Tháng Chạp”** đến chợt thấy mình *“Ừ nhanh nhĩ, đã qua thời nông nổi”*. Qua thời nông nổi nên **“Tháng Giêng”** đến thật lắm ưu tư: *“Con mưa xuân vắt ngang qua nỗi nhớ/Uớt cánh đào và phai sắc má em”* và: *“Mưa chưa tan, nắng dỗi hờn đông đánh/Gió vô tình tạt thương nhớ vào tôi”*. Thơ Phương Liễu với những câu chữ “Thi sĩ” níu lòng người đọc. Ngay cả tên bài thơ kết thúc tập thơ này cũng đáng để người đọc nhớ không chỉ một bài thơ cụ thể mà nhớ luôn cả tập thơ, đó là bài **“Chạm vào tuổi thơ”**. Chạm vào tuổi thơ là chạm vào kỉ niệm, chạm vào nghĩa tình gia đình, quê hương, bạn bè một thuở:

*Là tuổi thơ tôi dòng sông lặng sóng
Một lũ con trai, con gái tắm cùng
Là con đò mái chèo khua nổi nhớ
Phiên chợ chiều mẹ gánh cả hoàng hôn*

Tiếng thơ làng văn hiến sẽ mãi dư ba trong lòng bạn đọc với đa chiều cảm xúc và bức tranh quê hương thật đẹp. Xin mượn câu thơ của tác giả Lê Nho Tuy trong bài **“Nắng xuân”**, một nét tranh quê đẹp, tươi sáng và phát triển để kết thúc bài viết nhỏ này:

*Nắng vàng trải rộng khắp bốn phương
Búp lộc trên cành dạ vấn vương
Nắng tỏa, sương lan trên ruộng cấy
Trời xanh én liệng dệt đồng nương./*

MỆ HỒN

(Kịch vui)

THƯỢNG LUYẾN

NHÂN VẬT

- 1 - BÌNH: Bác sỹ - Trưởng khoa sản
- 2 - THANH: Y sỹ
- 3 - TÍNH: Chồng sản phụ
- 4 - TOÁN: Sản phụ
- 5 - HOÀN: Người bệnh
Khoa sản. Trung tâm Y tế huyện

MỞ MÀN

(Ông Tính tay xách phích nước, tay ôm hành lý vội vã đến bệnh viện. Hậu trường có tiếng vọng)

Tiếng vọng: Ai làm sao mà tay xách nách mang đến viện thế hả ông Tính?

Tính: Trông thì biết chứ còn phải hỏi.

Tiếng vọng: Vợ đẻ hả?

Tính: Vợ không đẻ thì làm gì người ta phải vất vả thế này, hỏi mãi!

Hoàn: (Ra) Tôi khám bệnh xong, chờ lĩnh thuốc thì thấy ông bảo đưa bà ấy đi đẻ, vội chạy lại xem trai hay gái?

Tính: Đã đẻ đâu mà trai với gái.

Hoàn: Chưa đẻ! Thế ông đưa bà ấy đến viện từ bao giờ?

Tính: Chiều hôm qua.

Hoàn: Thế thì có vấn đề rồi.

Tính: Bà bảo vấn đề gì?

Hoàn: Vấn đề là muốn mẹ tròn con vuông thì mình phải “Ấy” mới nhanh chóng được.

Tính: “Ấy” là thế nào ạ?

Hoàn: Thì là ấy ấy í. Nói có ông nhé, nằm viện điều trị, hàng ngày y tá đến tiêm, kim cùn nó chọc cho cánh tay sưng vù, đau điếng người, đến khi “Ấy” thì... hì hì, mỗi lần tiêm dúi cho 50 nghìn đồng thì gương mặt y tá tươi tỉnh, đơn đả tiêm nhẹ nhàng chẳng đau đớn gì. Thế có phải “Ấy” một cái là khác hẳn không?

Tính: Thì ra bà cũng phải “Ấy” rồi ạ?

Hoàn: Là tôi nghe bà con điều trị ở viện kể thế, chứ tôi khám bệnh rồi lĩnh thuốc thì làm gì phải “Ấy”. Nói có ông chứ người làm ra của, đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn, với lại ai người ta uống nước lã phục vụ vợ con mình, theo tôi ông cứ “Ấy” cho họ một tý thì bà ấy mới được mau mắn.

Tính: Nghĩa là phải “Bồi dưỡng” bác sỹ ạ?

Hoàn: Dào ơi, ông cứ như người ở trên trời rơi xuống ấy, nói đến thế mà cứ phải lục vấn mãi.

Tính: Thì tôi đã “Ấy” bao giờ mà chẳng phải hỏi, mà cái khoản này tôi vụng lắm, theo bà bồi dưỡng độ bao nhiêu thì vừa?

Hoàn: Tiêm một mũi 50 ngàn đồng, đăng này sinh mạng cả mẹ lẫn con, nhất là lại phải mổ chẳng hạn thì đĩa ra cũng phải bồi dưỡng năm triệu đồng.

Tính: Những năm triệu đồng, bằng tấn thóc! Hừ, sướng thật, cổ nhân nói không sai “Ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong tay”. Họ ăn nhờ vào cái khoản ấy của chị em, mà loáng một cái bằng cả gia đình tôi cày cấy năm sào ruộng vất vả cả một vụ, thế thì để xong về nhà, mẹ con cũng đến treo niêu mất thôi.

Hoàn: Là tôi nhẹ miệng nói để ông biết đường mà lo liệu, còn tiếc của không “Ấy” cũng tùy ông, vợ đau chứ mình đau đâu mà biết khổ. Thôi tôi đi lấy thuốc đây, chúc bà ấy mẹ tròn con vuông! (Vào)

Tính: Cảm ơn bà! (thấy Thanh trở về phòng trực) - Bác sỹ, u em...

Thanh: Có việc gì hả ông?

Tính: U em, hì hì u em ra sao rồi ạ?

Thanh: Ông hỏi ai làm sao ạ?

Tính: Mẹ Toán nhà em ấy mà.

Thanh: Tôi vừa thay ca trực. Ông hỏi sản phụ Hoàng Thị Toán phải không ạ?

Tính: Vâng, em là Phạm Văn Tính 53 tuổi, chồng của bà Hoàng Thị Toán 45 tuổi

Thanh: Phạm Văn Tính 53 tuổi (Cười)

Tính: Bác sỹ...

Thanh: Tôi cười vì ông là Phạm Văn Tính, bà là Hoàng Thị Toán. “Tính Toán” tên hay đấy. Vậy ở độ tuổi như ông bà mà vẫn còn sinh đẻ?

Tính: Vâng. Hi hi... chẳng là thế này, vợ chồng em sinh con một bề, đứa lớn là Phạm Thị Nụ 18 tuổi, đứa bé là Phạm Thị Hoa 15 tuổi. Vợ chồng em thống nhất con nào cũng là con, dứt khoát không để nữa. Đùng một cái, nghe nói đông con cũng được, miễn là con cái được chăm lo sức khỏe, ăn mặc, học hành chu đáo... nói có bác sỹ chứ, khoản kinh tế khỏi phải lo, vợ chồng em tuy làm nông nghiệp cũng bát ăn bát để, mới đây lại được nhà nước trả 50 triệu đồng tiền thu hồi ruộng đất cho phát triển khu công nghiệp. Chúng em bàn “Phá rào” hủy kế hoạch, cố để đứa nữa, may ra trời cho mụn con trai để có nếp có tẻ càng vui.

Thanh: Ông vẫn còn tư tưởng cổ hủ “Trọng nam khinh nữ”

Tính: Thì khỏi “ông nọ bà kia” cũng thế chứ riêng gì em.

Thanh: Ông có thể kể tên các vị đó?

Tính: Dạ, “Ông nọ bà kia” là, là... “Ông nọ bà kia”... hi, hi em nghe bà con người ta nói thế chứ em có nhìn thấy ai mà kể.

Thanh: Có nghĩa là chỉ nghe đồn mà chưa thấy. Ông Tính ạ, việc ông nghe nói “Đông con cũng được”, thì cũng như gần đây người ta loan tin thành phố Hồ Chí Minh chủ trương phát triển sinh đẻ, hoặc cấm phụ nữ ngoài 30 tuổi chưa sinh con thì không được sinh đẻ. Thực chất là phao tin đồn nhảm, bởi việc kế hoạch hóa gia đình vẫn chủ trương mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có một đến hai con. Còn việc con gái thì xã hội ta có rất nhiều chị em gái làm nghiên cứu khoa học, là nhà văn, nhà thơ; có người làm Bộ trưởng, Thứ trưởng, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội. Phải nói đâu xa, tỉnh ta có cả Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đều là nữ và nhiều người làm quản lý cơ quan đơn vị... chị em đều nuôi con khỏe, dạy con ngoan, hiếu thảo cùng ông bà, cha mẹ. Còn con trai thì cũng không ít người “Phá gia chi tử” bất hiếu với ông bà, cha mẹ, đem lại mối lo cho xã hội.

Tính: Đây chỉ là cá biệt, với lại cũng do hồng phúc từng nhà. Quên mất, u em đẻ chưa hả bác sỹ?

Thanh: Chưa. “Sin hữ hạn, tử bất kỳ” ông ạ!

Tính: Hồngбет rồi!

Thanh: Sao thế ạ?

Tính: Giờ Dần. Để vào giờ Dần ắt sẽ làm quan. Qua giờ ấy rồi thì phanh lại, chứ để giờ Mão thì hồngбет. Mão là mèo, mèo mà không hay chuột thì chỉ ăn vụng, ăn vụng hết của nhà sẽ ra hàng xóm, rồi đến đục khoét công quỹ của tập thể, của nhà nước thì sớm muộn cũng vào nhà đá.

Thanh: Những người sinh giờ Mão đều thế hả ông?

Tính: Thấy người ta bảo Mão nghĩa là mèo thì em nghĩ vậy. Nhưng dù sao thì cũng trăm sự nhờ bác sỹ cho sinh vào giờ Thìn - Thìn nghĩa là rồng, “Ăn rồng cuốn, nói rồng leo” tuyệt vời lắm. Dạ, hi, hi... (Mở ví lấy tiền) gia đình em có chút quà cảm ơn bác sỹ ạ. (Đưa tiền).

Thanh: Ông đã đọc những dòng chữ dán ở vị trí trang trọng trên tường hành lang chưa?

Tính: Em còn đầu óc đâu mà đọc ạ.

Thanh: Dòng chữ ghi: “Nghiêm cấm y, bác sỹ, cán bộ, nhân viên bệnh viện nhận quà biếu của thân nhân người bệnh dưới mọi hình thức tiền hoặc hiện vật, kể cả trước, trong và sau khi điều trị!”

Tính: Việc cấm là của bệnh viện, còn việc tình cảm là của chúng em, xin bác sỹ vui lòng nhận chút quà mọn từ tấm lòng biết ơn của gia đình em ạ.

Thanh: Ông đại quá ông Tính ạ.

Tính: Dạ...

Thanh: Bác Hồ dạy rằng: “Quan tham vì dân đại. Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót thì quan dù không liêm cũng phải hóa ra liêm. Vì vậy cần phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ, để giúp cán bộ thực hiện chữ liêm”. Vậy thì mọi người đều phải thực hiện nghiêm túc lời dạy của Bác, phải kiểm soát lẫn nhau, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ, ông ạ.

Tính: Hì hì, bác sỹ đao to búa lớn quá, em gọi là có chút quà mọn cảm ơn chứ có đút lót đâu ạ.

Thanh: Việc cảm ơn như ông nghĩ, sẽ tạo ra thói hư cho y, bác sỹ, bởi người khác không “cảm ơn” thì người ta lại vùi vĩnh, gây khó dễ. Ông Tính ạ, mọi người đến bệnh viện sinh đẻ, điều trị đều được phục vụ chu đáo, đối xử công bằng, làm gì ông phải biếu quà bồi dưỡng, vừa tốn kém, vừa hư hỏng cán bộ, thế có phải là đại không nào?

Tính: Dạ, hì hì... em quê mùa chân thật, có gì không phải mong bác sỹ bỏ qua cho. Hì, hì... trăm sự em nhờ bác sỹ ạ.

Thanh: Trường hợp bà Toán cao tuổi vẫn sinh đẻ sẽ gặp khó khăn, bác sỹ trưởng khoa đã tiến hành hội chẩn và cho làm các xét nghiệm để tìm giải pháp tốt nhất cho bà ấy được “Mẹ tròn con vuông” *(Có tiếng kêu la của bà Toán)*

Tính: Kìa, bác sỹ!...

Thanh: Ông ra hành lang ngồi đợi để tôi vào kiểm tra thể trạng bà ấy *(Vào)*

Tính: Vâng, bác sỹ giúp em. *(Đi lại nghe ngóng ở hành lang. Hậu trường có tiếng Thanh hỏi sản phụ)*

Thanh: Lại đau lắm hả bà?

Toán: Vâng, đau lắm.

Thanh: Bà gắng chịu đựng ít phút, đến ngày đến giờ thì cháu nó sẽ ra. Để tôi nghe tim thai nhé.

Toán: Ồi... đau quá, bác sỹ giúp em không thì em chết mất

Thanh: Bà yên tâm, thai tốt. Bà ra hành lang đi lại cho thoải mái.

Toán: Vâng ạ *(Men ra hành lang, ông Tính chạy lại đỡ vợ ngồi xuống ghế)*

Tính: Đau lắm hả u em?

Toán: Đau!...

Tính: Đau thì gắng mà chịu chứ có phải gánh nặng đâu mà tôi gánh đỡ.

Toán: Dào ơi, đỡ với chả đỡ. Chung quy cũng chỉ tại ông tôi mới khổ thế này.

Tính: Ô hay, sao lại tại tôi?

Toán: Tại ông bảo “Phá rào”, nhờ trời được mụn con trai càng vui.

Tính: Kể cũng lạ thật. Thử hỏi, u em không hiệp lực thì tôi đẻ sao được.

Toán: Dào ơi!...

Tính: Thế cái lúc... tình tính tang thì chẳng thấy u em kêu khổ mà chỉ thấy, thấy...

Toán: Dào ơi, lại lỡm rồi đây.

Tính: Chứ lại không à.

Toán: Ôi, ới giời đất ơi!

Tính: Lại đau hả u em?

Toán: Ôi giời ơi, nó đập bên phải.

Tính: Nó đập bên phải?

Toán: Ôi giời ơi, nó đập bên trái.

Tính: Lại đập bên trái?

Toán: Ôi giời đất ơi, ới!...

Tính: Đau thì cắn răng mà chịu chứ kêu như bò rống thì ai mà yên tâm được.

Toán: Ông có đau đâu mà chẳng nói mạnh.

Tính: Tôi cũng đau lắm chứ bà ơi.

Toán: Ôi, ới giời đất ơi, ới!...

Tính: Thế đau chỗ nào để tôi đắp cho.

Toán: Đau chỗ, chỗ... ới đau tất cả...

Tính: Đau tất cả? Để tôi đưa u em vào phòng sản phụ nằm cho thư thái. (Vào)

Bình: (Ra, xem bệnh án) Sản phụ bị phù chân hằn bị nhiễm độc khi thai nghén.

Thanh: (Ra, đưa tờ giấy cho Bình) Báo cáo chị! Các kết quả xét nghiệm đây ạ!

Bình: (Cầm giấy, xem) Cảm ơn! Nước ối cạn, thai nhi có nguy cơ bị ngạt, phải khẩn trương xử lý thủ pháp. Cô mời người nhà sản phụ vào gặp tôi.

Thanh: Dạ, em đi ạ. (Vào)

Bình: (Đọc kết quả xét nghiệm) Nước tiểu anbumin niệu 2g/lít, bạch cầu 300g/lít, huyết sắc tố 250g/lít, máu thuộc nhóm A...

Thanh: (Ra) Thưa chị, em mời ông Tính, chồng sản phụ Hoàng Thị Toán đến gặp chị đây ạ.

Bình: Cảm ơn! Mời ông ngồi!

Tính: Chào bác sỹ! Bác sỹ...

Bình: Ông yên tâm, bình tĩnh tin tưởng ở chúng tôi.

Tính: Vâng em vẫn b...ình...ình... bình tĩnh đây ạ!

Bình: Ông là Phạm Văn Tính 53 tuổi, chồng sản phụ Hoàng Thị Toán 45 tuổi?

Tính: Dạ, vâng ạ.

Bình: Bà ấy sinh lần này là lần thứ ba?

Tính: Đúng thế ạ. Hai lần trước sinh con gái, chúng em đã cai 15 năm rồi, bây giờ nghe nói “Mở cửa”, vợ chồng em bèn cố may trời cho được mụn con trai để có nếp có tẻ.

Bình: Chúc ông bà toại nguyện! Có điều ông ký vào giấy cam đoan để chúng tôi tiến hành mổ.

Tính: Mổ!

Bình: Bà ấy tuổi cao sức yếu, các khớp khung chậu và tầng sinh môn dần kém. Ổi đã cạn có nguy cơ thai nhi bị ngạt, nếu chậm mổ có thể hỏng cả mẹ lẫn con.

Tính: Ổi, ời giờ đất ời, ời u em ời là u em ời!... Bao năm êm ấm gia đình, chỉ vì “Phá rào” nên nông nổi này, sao u em nỡ chê bỏ con tôi nghèo mà vội dứt tình ra đi u em ời là u em ời, ời...

Bình: Sao ông lại khóc ầm ỉ thế?

Tính: Em khóc trước để bà ấy nghe tiếng, nếu có mệnh hệ nào thì bà ấy cũng đã thấu cái lòng của em với vợ với con bác sỹ ạ.

Bình: Ông bình tĩnh, ký vào giấy cam đoan để chúng tôi tiến hành công việc.

Tính: Ký ạ (*Cầm bút ký*) liệu có được “Mẹ tròn con vuông” không hả bác sỹ?

Bình: Điều đó chúng tôi không thể cả quyết, nhưng ông hãy tin vào chuyên môn, tin ở tinh thần phục vụ của chúng tôi.

Tính: Vâng, trăm sự nhờ bác sỹ! Em có chút quà mọn để bồi dưỡng bác sỹ, mong bác sỹ hết lòng cứu vớt u em ạ.

Bình: Ông Tính ạ, mọi người đến viện đều được đón tiếp, phục vụ chu đáo, tận tình đúng với tinh thần lời dạy của Bác Hồ là “Lương y phải như từ mẫu”, nghĩa là “Thầy thuốc phải như mẹ hiền”. Khi có người nằm viện, gia đình đã phải vất vả, tốn kém, lại phải tốn kém thêm về quà biếu y, bác sỹ là điều không nên. Dân gian có câu: “Ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen mồm”. Nếu y, bác sỹ nhận tiền, quà của gia đình người bệnh dần sẽ trở thành thói quen, nảy sinh vói vĩnh, bòn rút của cái vật chất của gia đình người bệnh trong lúc lâm chung thì sao còn là mẹ hiền, mà là “Mẹ ác”. Xin ông cất số tiền đó đi để nay mai bồi dưỡng cho mẹ con bà ấy. Ông hãy tin khả năng chuyên môn và tinh thần phục vụ của mỗi chúng tôi.

Tính: Dạ, có gì không phải xin bác sỹ bỏ quá cho. Trăm sự nhờ bác sỹ.

Bình: Ông ra hành lang ngồi nghỉ để chúng tôi chuẩn bị tiến hành công việc.

Tính: Dạ... (*Ra hành lang*)

Bình: Cô Thanh! Trường hợp sản phụ Hoàng Thị Toán, nước ối đã cạn, rau tiền đạo, tôi chuẩn đoán quyết định ngôi ngang, cần mổ gấp mới cứu được cả mẹ lẫn con. Tôi là phẫu thuật viên, bác sỹ Tâm phụ mổ, y tá Tình gây mê hồi sức. Cô báo nhà mổ chuẩn bị. Nào chúng ta tiến hành.

Thanh: Dạ. (Cả hai cùng vào).

Ông Tính đi lại nghe ngóng, những tiếng dao kéo va chạm trên khay khiến ông hoảng hồn. Bỗng ông đi lại thần thờ rồi đứng ngậy người tưởng tượng động tác dùng dao rạch bụng, ông hoa mắt choáng váng chạy lên phía tiền đài thỉnh cầu.

Tính: Con lạy chín phương trời, lạy mười phương đất! Bái lạy tổ phụ nội ngoại mở lòng thương phù hộ độ trì cho vợ con là Hoàng Thị Toán sinh nở mẹ tròn con vuông! (Có tiếng trẻ sơ sinh khóc) Sống rồi! U em sống rồi, bà con ơi u em sống rồi, u em... (Chạy lại quan sát phía nhà mổ thì gặp bác sĩ Bình) Bác sỹ!...

Bình: Tôi báo tin để ông được vui, ca mổ an toàn cả mẹ lẫn con, cháu bé nặng 3,5 kg ông ạ.

Tính: Cảm ơn bác sỹ! Đúng là nhà em dày hồng phúc, tổ phụ linh thiêng chở che cho u em vượt qua gió to sóng cả, nên mới gặp thầy gặp thuốc, được các bác sỹ tận lòng cứu giúp để mẹ tròn con vuông. Thế là sướng, sướng quá, có người là có của chẳng lo gì bác sỹ ạ.

Bình: Ông có nguyện vọng sinh con trai?

Tính: Vâng, con trai. (Tiến lên tiền đài) Này, cái Nụ, cái Hoa ơi! Mẹ sinh em trai rồi, bố đặt tên em là Nhài, Phạm Văn Nhài được chưa? THoàng thoảng hoa nhài thì sẽ thơm lâu. Hí hí... Nụ, Hoa đâu, nhốt gà vào cho bố, mai bố đưa mẹ với em về, quây nồi bánh đúc rỗ to, bánh đúc thịt gà khao cả họ. Sướng quá, bà con ơi em có con trai rồi. Phạm Văn Nhài, Nụ, Hoa, Nhài, hí hí...

Bình: Rất tiếc không đáp ứng được nguyện vọng của ông, bà ấy lại sinh con gái.

Tính: Hả?!

Bình: Bà - ấy - sinh - con - gái.

Tính: Con gái ạ?... Cái Nụ, cái Hoa đâu, thả gà ra cho bố! Chẳng Phạm Văn, Phạm Veo gì nữa, mà cứ là Phạm Thị, Phạm Thị Nhài cho xong chuyện.

Bình: Ông Tính buồn lắm hả?

Tính: Dạ, em vui, rất vui. Hì hì, dân gian có câu “Tam nam bất phú, tứ nữ bất bần”, thế thì vợ chồng em ba con gái chắc chắn không nghèo. Bác sỹ ạ, khi chuẩn bị ca mổ, em biếu tiền bồi dưỡng thì bác sỹ khước từ e điều miệng tiếng là dút lót, hối lộ. Bây giờ thì u em đã mẹ tròn con vuông, chúng em cũng không nghèo, em gọi là có chút quà của tấm lòng thành biết ơn bác sỹ, xin bác sỹ đừng chê cho em được vui lòng ạ.

Bình: Thế này ông ạ, không phải là chê, mà ca mổ thành công để bà ấy được mẹ tròn con vuông đã là niềm hạnh phúc đối với chúng tôi rồi. Hơn nữa, lời cảm ơn của gia đình tiền của nào sánh bằng. Ông để bồi dưỡng cho bà ấy và cháu, xin được chia vui cùng gia đình!

Tính: Bác sỹ! Các bác sỹ đã nêu gương làm theo lời dạy của Bác Hồ: “Thầy thuốc phải như mẹ hiền!” Cảm ơn bác sỹ! (Xiết chặt tay Bình).

MÀN

ĐẶNG LỢI

Chiều Phật Tích

Trèo lên núi lên non
Ngắm sang bên kia sông Đuống
Tìm người đi hái lá diêu bông...

Pháo đỏ
Tượng hồng
Ấm hơi thở chị
Bao giờ pháo mới sang sông
Bao giờ mới gác tượng hồng?
Khói súng như còn đó
Bóng thẳng Tây như còn kia
Nghiêng nghiêng làng với con đê
Kháng chiến...

Chiều nay chơi Phật Tích
Trèo lên núi lên non
Ngắm sang bên kia sông Đuống
Nhớ Hoàng Cầm
Nhớ tranh Đông Hồ một thuở
Thuận Thành ơi
Sáng ấm một vùng quê lúa bên sông./.



HỒNG THỨC

Chào mừng thị xã Thuận Thành

Thuận thành thị xã đẹp sao
Người dân cảm thấy tự hào lắm thay
Quê hương đổi mới từng ngày
Các khu công nghiệp mọc dày thêm lên
Sớm chiều xóm dưới làng trên
Câu ca Quan họ nẩy, nèn, rền vang
Trống chèo, hát xẩm rộn ràng
Từ già đến trẻ vui càng thêm vui
Đồng xanh lúa tốt bờ bờ
Đỗ, ngô, rau, củ, lạc, khoai xen cùng
Nghề nông giữ vững một vùng
Dựng xây trạm, trường, đường sá khang trang
Nhà văn hóa mỗi xóm làng
Cao, to, rộng, đẹp đàn ông hoàng biết bao
Phong trào văn nghệ, thể thao
Toàn dân vui vẻ, tự hào quê hương
Xã tôi giờ cũng lên phường
Đáng yêu hai chữ Thanh Khương quê nhà
Trăm mười năm đất Thuận ta
Chúc mừng thị xã - Vỡ òa niềm vui !



ĐỖ PHƯƠNG LIỄU

Thuận Thành đổi mới

Bao lâu rồi anh chưa ghé Thuận Thành
 Quê em đã đổi thay nhiều lắm
 Những công trình vươn mình trong nắng
 Những con đường rộng mở nối nhau.

Anh không về thì chẳng biết được đâu
 Phố đông đúc đường đã mang tên mới.
 Ở nông thôn cũng có nhiều thay đổi
 Những làng nghề tập nập sớm trưa.

Giờ quê mình không là huyện như xưa
 Vùng đất Thuận nay đã thành thị xã.
 Đêm pháo hoa mọi người vui đến lạ
 Không ở Thuận Thành chắc không hiểu đc đâu.

Tháng Tư về trong nắng Luy Lâu
 Đàn gà lợn hân hoan trên giấy điệp
 Chuột rước cờ hàng với hàng nối tiếp
 Tranh Đông Hồ khắc hoạ những ước mơ.

Qua chiếc cầu Phật Tích nên thơ
 Tới Bút Tháp mái chùa nghiêng nét vẽ
 Pháp Vân Tự hơn ngàn năm có lẽ
 Ghé Đồng Ngự xem rồi nước dân gian

Giữa một vùng đất cổ phía bờ Nam
 Đô thị thông minh, Thuận Thành đang phát triển
 Nét văn hoá cũng giữ gìn nguyên vẹn.
 Truyền thống và hiện đại hoà chung

Anh có về đất Thuận với em không?
 Đi dạo bên sông nghe quê mình chuyển động
 Thị xã mới với bao điều kỳ vọng
 Ước mong gì khi thuận sẽ thành thôi!

PHẠM HỒNG VÂN

Hương cau nhớ mẹ

Đã qua rồi mùa xuân
 Hôm nay trời hừng nắng
 Ngồi hong tóc trong vườn
 Dưới hàng cau hoa trắng...

Nhớ mẹ thường yên lặng
 Chăm vườn và chăm cau
 Hương cau thơm đầy nắng
 Tóc mẹ dài trắng phau.

Giờ cau vườn chín đỏ
 Mẹ đã về xa xôi...
 Hương cau đầy thương nhớ
 Theo con trọn một đời...

NGUYỄN BÌNH VŨ

Sông nhớ

Em có gieo thương nhớ
 Xuống sông Đuống nữa không?
 Mà nước ngày một dâng,
 Hai bên bờ sụt, lở.

Anh đứng về một phía,
 Nghe sóng vỗ cồn cào.
 Thuyền tình thêm nhỏ bé,
 Vì nước ngày một cao.

Em ơi! Thôi, thôi nào!
 Nhớ thương đừng nhiều thế.
 Sông nào có thể chứa
 Hết ngàn ấy đau em./.

NHẠC SỸ TRỌNG TÌNH

và dòng họ của một làng quê

NGUYỄN HỮU

Tôi và Nguyễn Trọng Tình tuy hai nhà ở xa nhau nhưng vẫn cảm thấy rất gần, bởi một lẽ tự nhiên tuy khác làng nhưng cùng xã, cả hai lại cùng là văn nghệ sĩ. Nguyễn Trọng Tình là nhạc sĩ, tôi là nhà văn.

Nguyễn Trọng Tình sinh ngày 18/11/1952, quê ở làng Thanh Hoài, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Và thực ra, thì từ xa xưa, tôi mới chỉ là biết người biết tên rồi mãi đến những năm gần đây mới có nhiều cơ hội để gặp gỡ, để hiểu biết về nhau kỹ hơn. Thì ra, Nguyễn Trọng Tình cũng đã từng có một quá trình, một thành tựu tốt đẹp đáng để ca ngợi, và chỉ trong khoảng khắc tôi không thể nào kể ra đầy đủ được.

Vậy là... Nguyễn Trọng Tình đã từng được học qua lớp Văn hóa quần chúng - Phân ban âm nhạc tại Trường lý luận

ng nghiệp vụ Bộ Văn hóa (1972). Rồi tiếp đó là lớp Đại học sáng tác âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội, nay là Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Và rồi tiếp đó là cả một quá trình công tác mà Nguyễn Trọng Tình đã trải qua. Và thực ra thì bất cứ ở một cơ quan nào, lĩnh vực nào, Nguyễn Trọng Tình cũng được mọi người ngợi ca yêu mến. Vậy là...

Trong khi vẫn còn là tỉnh Hà Bắc xưa, Nguyễn Trọng Tình đã từng được là nhạc công, diễn viên của Đoàn ca múa nhạc kịch của tỉnh Hà Bắc. Rồi tiến lên được là Phó phòng văn hóa quần chúng của Ty văn hóa Hà Bắc. Rồi tiếp được là Phó giám đốc Nhà văn hóa tỉnh Hà Bắc. Rồi tiếp nữa Nguyễn Trọng Tình lại được làm cán bộ quản sinh Phòng đào tạo Nhạc viện Hà Nội, được bầu là Chủ tịch Hội sinh viên Nhạc viện. Rồi khi tách tỉnh Hà Bắc

thành Bắc Ninh - Bắc Giang thì Nguyễn Trọng Tĩnh vẫn đang trên đà tiến lên. Sau nhiều năm cống hiến, Nguyễn Trọng Tĩnh đã được công nhận là giáo viên dạy giỏi, được đề bạt lên làm Hiệu trưởng Trường trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Bắc Ninh, đồng thời là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Chi hội trưởng Chi hội Âm nhạc của Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh. Được UBND tỉnh, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam tặng Bằng khen vì đã có sự đóng góp tích cực cho nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam, đồng thời cũng là sự khẳng định về tài năng.

Nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tĩnh say mê ngày đêm nghiên cứu, sáng tác âm nhạc, trong đó chủ yếu là những ca khúc. Rất nhiều ca khúc được dàn dựng, ghi âm, trình diễn, một số tác phẩm còn đạt giải cao: Nhất, Nhì, Ba, A, B, C... Ví như ca khúc **“Trầm tư”** đã được giải UNESCO. Hay như các ca khúc **“Khúc giao duyên”, “Đi tìm câu hát”, “Mênh mang tình”, “Mái trường Phố Mới”, “Hội Dâu”, “Thuận Thành quê ta đó”**...

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến sự thành công đó? Và thực ra thì để có những thành công đó cũng không phải là dễ, mà ngoài sự nỗ lực của bản thân còn là sự may. Mà đúng là có sự may thật. Bởi lẽ, xa xưa, Nguyễn Trọng Tĩnh đã được sinh ra và lớn lên trong một gia đình, một dòng họ có truyền thống về âm nhạc. Có nhiều người là nhạc công, nhạc sĩ: Nhạc sĩ Nguyễn

Trọng Ánh, Phó giáo sư, Tiến sĩ âm nhạc, từng giảng dạy ở Nhạc viện Hà Nội; hai anh em trai cùng là nhạc sĩ, con của bà cô cùng họ Nguyễn Trọng là Phó Đức Vạn và Phó Đức Phương. Phó Đức Vạn là nhạc trưởng của Đài Tiếng nói Việt Nam. Phó Đức Phương thì rất nổi tiếng với những ca khúc về làng, quê hương. Thân phụ và anh trai Nguyễn Trọng Tĩnh cùng một số người nữa trong gia tộc cũng là nhạc công trong Đội chèo làng Thanh Hoài từng nổi tiếng đi biểu diễn khắp nơi và được giải trong các hội thi.

Phải chăng vì đã được sinh ra và lớn lên trong một gia đình, một dòng họ như thế nên ngay từ xa xưa Nguyễn Trọng Tĩnh đã sớm có một ước mơ để sau này trở thành nhạc sĩ. Phải chăng chính vì tình yêu quê hương, đất nước mà Nguyễn Trọng Tĩnh đã có những bài hát, khúc ca giàu bản sắc văn hóa dân tộc, giàu tính nhân văn, đã cảm hóa được lòng người, được nhiều người yêu thích. Nó sẽ có sức sống lâu dài, tốt đẹp và không thể lãng quên.

Một làng quê, một dòng họ mà lại có tới 4 nhạc sĩ nổi tiếng, cộng với một số nhạc công quen thuộc thì tôi cho đó là một sự quý hiếm, rất xứng đáng để tôn vinh, ngợi ca. Đó còn là một niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của làng xã quê hương, mà chính vì điều đó đã thúc đẩy tôi cầm bút, không thể bỏ qua. Tôi hi vọng là mọi người sẽ đồng cảm với tôi, cũng coi đây là truyền thống chung của xã hội. Xin chân thành cảm ơn!

Hương lan

THU NGÀ

Hương đêm ngan ngát, nồng nàn, quyến rũ, trinh nguyên mà thanh mát bất chợt len lỏi vào từ cửa sổ ban công lan tỏa khắp căn phòng. Bất chợt đến ngõ ngang, cây ngọc lan ngoài ngõ đầu hè đã trở bông, nở hoa thơm ngát từ lúc nào. Hè này, vẫn lặng lẽ tỏa hương từ nhành ngọc lan đầu ngõ nhưng là cây ngọc lan bố mới trồng, xếp vài cái ghế nhựa, kê vôi tấm ván thành bàn uống nước chè, nơi đàm đạo câu chuyện thể sự nhân sinh của các cụ ông trong xóm ngõ, nơi dừng chân sau mỗi buổi làm đồng ướm đầm mồ hôi của các bà các mẹ, cầm bát nước trà xanh đắng đót xen lòng vị ngọt, ướp hương thơm thanh ngát của ngọc lan là thấy vị của quê hương sống sánh trong ấm trà, trong từng bát nước chè xanh.

Ngày mới vừa lên, giọt sương buổi sớm vẫn còn đọng long lanh trên tán lá, trên vạt cỏ ven đường, ánh nắng đầu ngày hạ như dải màu quang phổ xuyên qua từng góc ngách, chiếu vào cỏ cây, hoa lá khiến tạo vật như

tươi mới, căng tràn sức sống. Bất chợt hương ngọc lan len lỏi qua tiếng ve đầu hè, len vào căn phòng làm việc trên gác mái khiến tôi nhớ đến con đường đi làm mỗi ngày xanh rợp ngát hương ở đoạn đường bắt ra quốc lộ 38 hay những cây ngọc lan lá xanh um tùm khắp sân Thư viện tỉnh. Có khi trên một hành trình đã định trước, ta sẽ bất ngờ dừng lại để chiêm ngưỡng phong cảnh đẹp hay chỉ đơn giản vì bắt gặp một mùi hương. Và cũng bất chợt nhớ về những ngày hè đã xa, ngày có hương ngọc lan ngan ngát phía giếng làng.

Chẳng biết từ khi nào, những mầm xanh nhú ra tựa búp tre non cứ lớn dần lớn dần lấp sau những tán lá to thon dài gân guốc. Trên những cành chỉ chít nụ hoa, được nuôi dưỡng bởi đất, nước và khí trời, chúng như đàn trẻ thơ được chăm bẵm đủ đầy bật tung lớp áo choàng xanh, tách vỏ lia cây để lộ búp hoa trắng ngà nõn nà như búp tay thiếu nữ. He hé cánh xòe cánh cup rồi bung nở tỏa hương. Từng





lớp từng lớp bao bọc như búp sen cứ xòe dần xòe dần rồi tỏa ra bọc lấy những nhụy hoa, đài hoa. Cánh hoa căng mẩy trắng trong thanh khiết như hạt ngọc, lấp ló trong từng tán lá xanh non như xua tan cái oi ả của tiết trời ngày hạ. Khi ấy lớp cánh hoa cũng rớt rụng dần, để lộ lớp nhụy trắng ngà từng sợi mảnh khảnh lấp lánh chuyển màu vàng, ếp bên đài hoa tựa những hạt ngọc xanh như cốm đội vương miện trên đầu xếp chồng lên nhau thành ngọn đuốc xanh biêng biếc. Đã bao lần nhặt cánh hoa rơi, ngắt bông hoa trở trên cành, hay cánh hoa theo gió chao nghiêng liệng vào trong lòng giếng, băng khuâng tôi tự hỏi, liệu những lớp cánh hoa và nhụy hoa ấy có hay chẳng là những cô tiên trắng ngọc trắng ngà đang bảo vệ nàng công chúa xinh đẹp phía đài hoa tung tăng lội tắm nơi giếng làng. Hương thơm hoa ngọc lan tỏa ra từ nắng vàng rực rỡ, từ cơn gió đồng nội thoảng xa xăm, từ cánh trắng nhụy vàng, từ môn man ngày cũ và từ hoài niệm của tuổi thơ tôi.

Nhiều năm về trước trong ký ức của tuổi thơ, chứng kiến cây ngọc lan với biểu tượng của sức sống mãnh liệt, của sự bền bỉ vượt qua nghịch cảnh ở góc giếng làng, có khoảng hè rộng, có thành giếng và làn nước mát lạnh, trong ngọt là nơi bao đôi lứa trong vùng ngập ngừng, bên lén hò hẹn trao nhau từng ánh mắt, nắm tay. Phải chăng vị thanh ngọt của giếng nước quê hương, mùi hương thơm nồng, dịu

dàng của ngọc lan ngày hạ như xao xuyên, như thúc giục lời ca, lời tỏ tình khởi đầu cho câu chuyện tình yêu lãng mạn đẹp như cổ tích, tựa chuyện tình Từ Thức - Giáng Tiên? Hàng rào dâm bụt trước nhà nở bông rậm rì cánh hồng phơn phớt, cành lựu cũng la đà thấp lửa đỏ đơm bông. Chợt dịu dàng ngày hạ sang, cũng rực rỡ và thanh tao đến lạ thường.

Rồi băng đi một mùa hè năm ấy, cơn mưa rào thường bắt chợt ghé chơi bỗng dừng biếng lười mà đi vắng, nước mạch nguồn cũng cạn dần, giếng ngọc khan nước rồi cạn kiệt chỉ còn trơ lớp đá lộ nhô và sỏi son nơi đáy giếng, chẳng mấy ai còn gồng gánh thau gàu xếp hàng đợi nhau đi múc nước giếng làng về dùng, lớp rêu xanh mượt cũng khô vàng, bong tróc từng mảng bên thành giếng. Giếng khoan, nước máy về làng, trai gái bận bịu vào ra khu công nghiệp chẳng kể đêm ngày. Giếng cạn, cấp ủy họp dân bàn quy hoạch khu giếng thành sân bóng thiếu nhi, cây ngọc lan chẳng chờ bị đốn, rễ cọc to kênh càng bật gốc sau trận mưa bão vũ văn của mùa ngâu tháng bảy, lớp mạng nhện chẳng chịt rề con như cuộn dây đồng đã kết thúc chuỗi ngày miệt mài lao động không ngừng nghỉ để nuôi dưỡng cho cây xanh lá, trở bông.

Mỗi lần qua nơi ấy góc sân vẫn băng khuâng, bồi hồi một hương đêm ngày cũ rất nồng nàn mà cũng rất xa xôi...

Tiếng vọng rừng xa

VŨ THẾ THUỘC

Đã 70 tuổi nhưng cựu chiến binh Phạm Quang Lại rất dễ ngủ. Hôm nay ông đi ăn cỗ nên ngủ sớm. Cả nhà đang ăn trưa thì ông ấy hét toáng lên. Vợ con ông cuống cuồng hoảng hốt, phải một lúc lâu ông mới nói giọng đau đớn bồi hồi:

- Anh Thuần về, mặt đỏ như gấc mà người thì lạnh như băng.

Đây là lần thứ hai liệt sỹ Nguyễn Văn Thuần nhập vào giấc mơ Phạm Quang Lại. Lần thứ nhất vào năm 1988 anh Thuần về bằng hai chân giả bảo tao nhớ chúng mày quá tao tìm về sao chúng mày không đến thăm tao. Sau vụ ấy ông Lại lập bàn thờ cho mười bốn người. Làm giỗ tập thể vào ngày 27 tháng 7.

Ông mở tủ lấy cuốn nhật ký, cuốn nhật ký cũ kỹ ó vàng bắt đầu ghi từ ngày đầu nhập

ngũ mùng 8 tháng 5 năm 1972. Đây là đoạn ghi trận đánh ngày 12/12/1972 giải phóng bản Xốp Khao:

- Xốp Khao là cứ địa của phi có hai trung đội địch đóng nên ta không tiếp cận được. Xung quanh bản địch quây bốn lớp hàng rào thép gai, ban đêm đèn điện sáng quắc, bên kia sông còn có bớt của quân Thái đóng, bớt quân Thái có cả sân bay cho trực thăng đổ. Đã hai lần đặc công ta tập kích giải phóng Xốp Khao nhưng không mở được đường vào. Lần này mình nêu đề án làm bộc phá dây, mỗi lớp vất một quả bộc phá một ki lô gam, dây dài ba mét, cháy tới quả thứ nhất nổ cắt bung hàng rào thứ nhất, cháy tiếp tới lớp thứ hai, cứ thế cắt đến lớp thứ tư, quân ta ào tới khiến quân địch trở tay không kịp, hơn hai chục tên chết tại chỗ, số khác nhảy

bừa xuống sông chết tiếp. Để bảo toàn, đơn vị rút ra, địch cho máy bay bắn bừa hai bên bờ sông. Minh, anh Lâm, và Thuần ẩn vào cái khe bên sườn núi không may Thuần trượt chân lẫn xuống bị cướp chốt bộc phá cụt hai chân chỉ kịp nói: “Lại ơi! Đừng bỏ tao ở đây, nhớ quê tao ở Na Hang Tuyên Quang nhé”. Minh vội xé áo may ô băng cho bớt sợ. Hai người vừa phạt cây mở đường vừa công thi thể anh Thuần ra, hết lương khô ăn rau rừng, củ mài, chuối xanh, nướng dúi, ăn nhộng ong đúng bốn ngày ba đêm mới về tới đơn vị. Còn đơn vị cho người đi tìm không được đã điện báo lên trên ta thiệt hại ba chiến sỹ. Bọn mình vừa về tới đơn vị thì gục xuống vì kiệt sức, thi thể anh Thuần đã bốc mùi, chỗ đùi cụt đã có dòi, dòi leo cả lên lưng bọn mình, cả đơn vị bàng hoàng trước sự thật mà như trong cổ tích. Đơn vị mai táng anh trên núi gần gốc cây ruối đá trên nóc một hang đá. Hang có hai ngách nên lính ta đặt tên “hang hai cửa.” Trước hang là dòng Nậm Khan hung dữ. Đơn vị tổ chức làm lễ truy điệu còn mình được kết nạp đặc cách vào đảng.

Đoạn viết về nhiệm vụ cất bốc hài cốt liệt sỹ:

- Giữa năm 1973 Lào hòa hợp dân tộc. Cuối năm 1974 nước bạn thành lập chính phủ mới. Tiểu đoàn nhận được điện của Bộ Quốc phòng lệnh D.923 cất bốc hết hài cốt liệt sỹ ở các nghĩa trang trước khi về nước.

Chiến trường Sầm Nưa rộng lớn có bốn nghĩa trang quân tình nguyện. Tính từ năm 1967 có gần ngàn chiến sỹ đã hy sinh, riêng nghĩa trang Pha Thí chiếm hơn một nửa. Việc quy tập ở Pha Thí giao cho đại đội 1, số còn lại giao cho đại đội 2 của mình. Ban đầu việc quy tập không mấy khó khăn, đa số sạch sẽ, cá biệt có một số chỗ bọc ni

lon kín chưa phân hủy phải đưa ra suối xử lý, những mảng thịt dóc ra trôi theo dòng nước, mùi liệt sỹ khủng lắm ong bướm cũng phải bỏ đi. Mới đầu lũ khi hoang rập rình ra xem sau bỏ chạy hết. Cuối cùng còn 14 bộ còn nguyên không thể xử lý được phải chôn lại trong đó có anh Nguyễn Văn Thuần một mình một nghĩa trang.

Đây là lần thứ hai ông Lại mơ anh Thuần về nên tâm lý không yên, ông gọi điện cho ông Đinh Văn Nội nguyên liên lạc cho thượng tá Bé Chu Lang phó đoàn chuyên gia 959 xem có biết thủ tục đi tìm hài cốt đồng đội hay không? Nội cho biết: “hai nước đã ký hiệp định thành lập ban liên lạc tìm kiếm hài cốt liệt sỹ, hiện ở Sầm Nưa đang có đội tìm kiếm của tỉnh đội Thanh Hóa, phía bạn rất chí tình, đoàn nào sang tìm kiếm cũng được bạn lo ăn ở đi lại và phiên dịch. Tìm được hài cốt giao hồ sơ cho đội quy tập giải quyết. Phạm Quang Lại bàn với Đinh Văn Nội lập nhóm tự nguyện. Số xin đi khá đông nhưng chỉ bốn người có hộ chiếu. Trong đó có ba người là Đinh Văn Nội, Phạm Quang Lại, Vũ Thế Thước từng ở đoàn chuyên gia còn thành viên thứ tư là Đại tá Ngô Sỹ Khả chưa từng qua Lào nhưng vợ anh, bác sỹ Lê Kim Bảo từng là y tá đoàn chuyên gia. Anh Khả rất yêu đồng đội của vợ sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ khó khăn còn nhóm nữ đồng đội quê Thanh Hóa không đi được, ngoài gọi điện động viên, còn chuyển khoản hỗ trợ kinh phí chuyến đi. Sau khi nhận hồ sơ, phía bạn báo là sẽ đón nhóm tìm kiếm vào trưa ngày 10/10/2022 tại cửa khẩu Na Mèo. Người đón là trung tá Bun Phăn trưởng ban đối ngoại tỉnh đội, từng học tại Việt Nam. Bun Phăn nhỏ nhắn nhanh nhẹn và cởi mở, vừa là lái xe vừa là phiên dịch, anh đưa chúng tôi về nhà khách

tỉnh đội. Bữa cơm chiều hôm ấy của lãnh đạo tỉnh đội Hòa Phấn và lãnh đạo đội quy tập tỉnh đội Thanh Hóa dành cho chúng tôi thân mật không gì chí tình hơn. Tỉnh đội Hòa Phấn tọa trên đồi cao nhìn ra thị xã Sầm Nưa, lưng tựa núi đá. Ngày chúng tôi rút về, thị xã mới có ít ngôi nhà lá, giờ đã là phố, đường xá cầu cống rộng rãi, nhịp sống nơi đây rất yên bình. Sáu giờ chiều chúng tôi ra bưu điện mua sim nội bộ đã đóng cửa, Sầm Nưa không có bán sim lẻ đành chịu. Chín giờ tối thị xã không còn xe trên đường, nông thôn còn hoang sơ nhưng xe ô tô bán tải ra đồng lại rất nhiều. Sáng hôm sau nghỉ, Bun Phấn đưa chúng tôi đi thăm chợ thị xã, chợ có ba khu chính. Khu của người Hoa bán máy móc, thuốc men, vải vóc đồ gia dụng, khu Việt kiều là các quán phở, bún riêu, giò chả, tôn sắt thép dây điện quạt điện, dụng cụ gia đình, khu cho người bản địa bán ống nước, xô chậu quần áo dày dép bát đĩa, gạo mắm muối nông sản hải sản rau dưa thực phẩm. Buổi chiều, chúng tôi về thăm nơi đoàn bộ đóng năm xưa, thăm bệnh viện 951. Vũ Thế Thước, Lê Kim Bảo đã học y tá và phục vụ tại đây. Quân ta rút về, bạn làm bệnh viện tỉnh Hòa Phấn, năm 1991 bệnh viện chuyển về thị xã Sầm Nưa, năm 2020 sửa lại làm bệnh viện dã chiến chữa Covid. Chúng tôi về thăm các hang nơi đoàn ta ở, nơi đây đã thành khu lưu niệm có đường bê tông đi vào. Phạm Quang Lại dẫn tôi đến gốc cây bưởi to cao anh kể. Khi C.2 của anh hoàn thành cất bốc hài cốt thì kéo ra làm lán ở cùng đoàn bộ. Chiều chiều cả đoàn bộ quây quần xem đánh bóng chuyền, tối tập trung nghe đài, đọc báo và hát hò. Chính bài hát "Người ở đừng về" đã dẫn mỗi anh làm thân với vợ anh bây giờ. Cô gái da trắng môi hồng quê Triệu Sơn - Thanh Hóa. Hiện nơi đây có

rất nhiều cây bưởi, cây xoài quả sai lúc lửu. Rồi Bun Phấn đưa chúng tôi đi thăm Na Cay, từ xa đã nhìn thấy dòng chữ to ngang núi đá: "Na Cay thủ đô cách mạng". Lào rất nhiều núi đá độc lập, núi đá sinh hang đá. Các đồng chí lãnh đạo, bộ chỉ huy của Lào và của ta đều ở trong hang đá, có phòng làm việc, cửa bằng thép hai lớp chống hóa học và na pan. Thăm hang Tổng Bí thư Cay xôn, phòng giao ban Bộ Chính trị một cái bàn dài và bảy cái ghế cho bảy ủy viên, Tổng Bí thư ghế chủ tọa sáu ủy viên ngồi hai bên có ghi tên từng người, giờ sáu cụ đã ra đi còn mình ngài Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Xivandon đã 98 tuổi. Ấn tượng là hang hoàng thân. Theo thuyết minh thì ông là người của hoàng tộc, là người Đông Dương đầu tiên tu học kỹ sư cầu đường bên Pháp, vợ ông là tiểu thư quê Nha Trang. Ông đã xây nhiều đập nước ở Việt Nam. Đinh Văn Nội rất thích thú kể rằng mỗi lần tháp tùng Bế Thủ trưởng sang làm việc với hoàng thân, Đinh Văn Nội đều được bà hoàng tiếp nước và mời hoa quả. Khi nước Lào hòa hợp, tự hoàng thân thiết kế ngôi nhà hai tầng ra ngoài vừa để làm việc vừa để ở, hồ bom quanh hang được san làm vườn cây, hồ to nhất ông cho xây thành cái ao hình trái tim thả cá. Ý là hãy sống trong trái tim yêu thương. Bữa trưa ăn ở nhà hàng người Việt có cá lăng sốt và thịt gà luộc. Sáng 13/10 lãnh đạo tỉnh đội chủ trì giao ban có bốn chúng tôi và ba vị là trưởng, phó và chính trị viên đội quy tập tỉnh đội Thanh Hóa. Sau khi nghe mục đích chuyến đi, anh Lại trình ra cuốn nhật ký có sơ đồ các nghĩa trang, tên tuổi từng ngôi mộ thì ai cũng tin tưởng vui mừng. Không khí vui vẻ hẳn lên, chủ tọa kết luận kể từ ngày 14/10 bắt tay vào việc, đi từ xa về gần. Xa là bản Xốp Khao nơi còn liệt sỹ Nguyễn Văn Thuận. Từ

Sầm Nưa đi tới đó là 240 km, có đường nhựa, có đường đất, rất nhiều cua gấp khúc, dọc đường phải vào bản ngủ, sáng 15 đi tiếp 70 km mới tới Xốp Khao. Xốp Khao là bản nhỏ hiểm trở, là nơi hợp lưu của hai con sông Nậm Khan và Nậm Khao tạo nên một khu bãi bồi màu mỡ. Lớp người xưa không còn ai, trưởng bản rất trẻ mới 27 tuổi. Ông cho hợp dân, dân bảo cả khu này có duy nhất một núi đá, chỉ núi đá mới có hang, từ đây ngược dòng Nậm Khan 20 km mới tới. Đội quy tập thuê ba thuyền máy mỗi thuyền chở ba người và hai người lái, người cầm sào đứng mũi, người bẻ lái phía sau. Vừa đi vừa nghe Phạm Quang Lại kể ngày ấy sông Nậm Khan rất nhiều ba ba và cá, mùa xuân nai hăng chồn cáo về giao duyên bên bờ rất đông tha hồ cải thiện. Đại đội anh có tám mươi ba chiến sỹ thì ba phần tư là người đồng bào Tây Bắc nhưng anh mới thực sự là sóc rừng, chui rừng, lội suối thoăn thoắt, bé nhỏ nhưng dẻo dai, cây nêu bóng chuyền siêu hạng, hát Quan họ cực phê vẫn không quên những ngày tháng mùa mưa buồn nẫu đất và những ngày tháng mùa khô ngày hanh hao đêm buốt giá đến gọn người. Bây giờ đang là mùa khô, lòng sông nhỏ hẹp, nước hiền hòa nhưng nhiều cây đổ chắn ngang, đất đá trên núi sạt xuống lấp một phần sông thành nhiều ghềnh thác, những người lái luôn hò hét, vận công mình chèo chống và ứng đối rất ăn ý, chỉ thiếu ăn ý một chút là có thể lật thuyền, khi ngồi ô tô qua những khúc cua đã thót tim thì giờ ngồi thuyền vượt ghềnh thác còn thót tim hơn nữa. Sở dĩ nhật ký Phạm Quang Lại được đầy đủ như thế là bởi anh là đảng viên, trẻ khỏe có văn hóa hơn các lãnh đạo khác nên anh được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo công tác quy tập, cầm sớ đồ các nghĩa

trang và danh sách liệt sỹ từng nơi nên anh ghi đầy đủ vào nhật ký rất tỉ mỉ từng ngày, từng giờ, từng sự việc, những liệt sỹ nào phải quy tập lại ở vị trí nào đều được vẽ trong nhật ký. Lào đất rộng người thưa không có đơn vị xã, phường. Huyện nắm trực tiếp tên tuổi số điện thoại của từng trưởng bản kể cả các cơ quan đơn vị đóng trong huyện nên khi chúng tôi trình bày sẽ đi tìm hài cốt ở ba nghĩa trang Xốp Khao, Nậm Tạt, và Huớ Mường. Bun Phăn đều điện báo trước tới các trưởng bản trên nên đến nơi nào cũng được tiếp đón chu đáo, dân bản sống du canh du cư nhưng hỏi về nơi bản ngày xưa ở đâu, nghĩa trang ở chỗ nào dân đều nhiệt tình đưa đến tận nơi, tìm được mộ thì giao luôn hồ sơ cho đội quy tập để đi tìm tiếp nên cuộc tìm kiếm rất thuận lợi. Ví như như từ bản Xốp Khao đi “hang hai cửa” nếu không có dân đưa đường thì dù có tìm tới khu vực đấy nhưng cụ thể phải dò cả tháng chưa chắc đã tìm được. Rừng núi còn hoang vu, phải mò mẫm gian nan mới vào được hang, đội quy tập đã tìm được cái bi đồng khắc tên Lò Văn Xóa C.2 D.923 và mấy cái vỏ đạn AK mới dám chắc đúng đây là điểm đến. Từ cửa hang phải bám dây leo lên vài chục mét nữa mới tới cây ruối đá, thân nhỏ gốc to vết khắc tên liệt sỹ đã biến dạng nhưng vết phat thì còn đó. Phạm Quang Lại reo lên: “Các đồng chí ơi! Mộ anh Thuận đây rồi. Chính xác 100% rồi. Anh Thuận ơi!” Như có một luồng điện chạy dọc sống lưng mỗi người, thương thay đất nước đã có 50 năm hòa bình mà vẫn còn một người lính nằm lại nơi này! Hẳn anh Thuận cũng không thể ngờ có phút giây như thế? Tại sao chúng tôi hy sinh tuổi thanh xuân đến nơi rừng núi xa xôi này đánh giặc giải phóng cho nước bạn nay những thanh xuân ấy tuổi đã rất cao lại chống

gây lợi suối xuyên rừng tìm về chiến trường xưa đưa hài cốt đồng đội về quê mẹ, việc làm ấy trên thế gian này chỉ có họ là số một. Chúng tôi bày lễ thấp hương cho liệt sỹ, Trung tá Lê Mạnh Tuấn trưởng đoàn quy tập không giấu được niềm vui, anh nhận xét: “Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mở rộng khu tìm kiếm may ra còn đồng đội ở đơn vị khác”. Hết tuần nhang, đoàn rút quân, leo lên đã khó khi xuống cũng không dễ, Đinh Văn Nội và Đại tá Ngô Sỹ Khả đều bị ngã lăn queo vậy mà làm thế nào mà hai anh đưa đồng đội đi bốn ngày ba đêm về được nơi này? Đúng là “không tin được dù đó là sự thật!” hơn cả phi thường. Đêm qua ngủ ở bản May có một gia đình kéo nhau tìm đến cảm ơn vì bộ đội Việt Nam đã mổ ruột thừa cấp cho vợ ông thoát chết còn sinh cho ông ba đứa con. Lại có cô bé khỏe là cháu đang học cấp 3 trường tỉnh, ngôi trường do Việt Nam xây tặng, cháu muốn sang Việt Nam học làm bác sỹ, ngành y Việt Nam tuyệt vời...”. Trường bản có dàn Karaoke, anh Lại bảo mở cho bài Cô gái Sầm Nưa, cả nhà trường bản, cả bản cùng múa hát vui lắm, Đinh Văn Nội hát bài “Đẹp thay quê hương” bằng cả tiếng Lào và tiếng Việt. Tình cảm Việt Lào ăn sâu cảm rễ đến thế là cùng, nếu không có tình cảm ấy làm sao chỉ năm ngày mà chúng tôi chạy sô cả ngàn km tìm đủ 14 ngôi mộ như trong sổ tay của Phạm Quang Lại?

Chuyến đi kết thúc nhanh, gọn, an toàn, thành công hơn mong đợi.

Theo quy định, quy tập được hài cốt thì đưa vào kho bảo quản. Mỗi năm chỉ có một đợt chuyển về vào đúng ngày 1 tháng 5, hài cốt quân tình nguyện tìm được ở Hòa Phấn sẽ quy tập về nghĩa trang huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa chờ đến 27/7 mới làm lễ cầu siêu và tri ân cho họ.

Sau tám ngày ra quân, tối 18 tháng 10 đội tình nguyện đã trở về nơi xuất phát - quán bún cá Lại Chi nhà số 100, đường Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Ninh xinh đẹp, người đầu tiên chào đón chúng tôi là chị Chi, chị mừng lừu cả lưỡi. Chị bảo anh Lại nhà em rất nhạy cảm với hồn âm nên được các hồn dẫn dắt. Thực tế đúng như vậy, khi đến nghĩa trang Nậm Tật, gần một buổi sáng kiếm tìm trong vô vọng, chợt người chặn bò xuất hiện, ông bảo nghĩa trang bên kia sai lại tìm bên đây. Sang bên, xuyên những bụi cây rậm rạp lộ nguyên một dãy những hố đã quy tập cả những đống giấy chưa phân hủy, sáu ngôi chôn hai hàng chính xác như bản vẽ. Đến Huớ Mường thì anh Lại như người xa về quê cũ, đường vào bản qua con suối nhỏ xưa là cầu khỉ nay là cầu bê tông, nơi quy tập đi sâu vào rừng 150 mét bên trái. Xưa đây là rừng nay dân đã làm ruộng bậc thang lúa chín vàng rất tốt. Đang bản khoăn thì có ông già ra canh chòi, ông kể khi làm chòi ông đã chuyển ba bộ hài cốt quần áo màu xanh ra chỗ kia, ông đã quây tránh trâu bò. Vậy là khu chòi của ông ta chính là nơi chôn 7 liệt sỹ đã thấy ba còn bốn nằm trong khuôn chòi đã có hàng rào bảo vệ. Việc tìm kiếm hoàn tất, thuận đến thế là cùng. Y như có tiền nhân dẫn lối. Chúng tôi hẹn nhau ngày 27/7/2023 về Thanh Hóa dự lễ cầu siêu và chuyển bát hương về nghĩa trang Bá Thước để từ nay các anh không còn phải sống cô đơn thêm nữa.

Chuyến đi của chúng tôi đại thành công, chúng tôi nâng ly vui sướng, lính chiến là thế, chất lính còn sôi trong mỗi con tim chúng tôi cho đến khi trút hơi thở cuối cùng./.

Sầu đầu trong mưa

(Giải Nhất cuộc thi "Cây bút tuổi hồng" - 2022)

NGHIÊM AN NA
7B - THCS Nguyễn Cao

Na ơi! Con học bài xong chưa?
Xuống mẹ nhờ chút việc.

Tiếng mẹ vọng từ dưới nhà
lên khiến tôi giật mình và có chút lo lắng. Tôi
quỳnh quáng vừa trả lời mẹ vừa nhanh chóng
thu dọn cọ màu, bức tranh còn dang dở trước
mặt và chạy vội vào nhà tắm để rửa tay, chân.

- Mẹ đợi con một lát ạ! Con xuống
ngay đây.

Rửa mặt mũi, tay chân xong tôi còn
cẩn thận nhìn lại quần áo của mình xem có
bị dây màu ra không rồi mới dám xuống nhà.

Vừa xuống đến chân cầu thang, tôi đã
thấy mẹ đang cúi húi sắp lại gọn gàng một
giỏ quà trên bàn. Tôi rón rén lại gần: "Mẹ
bảo gì con ạ?". Mẹ nở nụ cười thật tươi,
đôi bàn tay vẫn không quên cẩn thận sắp
xếp lại từng trái táo, trái lê tươi.

- Na à, con mang chút trái cây này
đến phòng khám của chú Minh nhé! Mẹ
vừa gọi điện thoại cho chú ấy rồi!

Mẹ vừa dứt lời, tôi đã hiểu ngay ra
vấn đề. Chú Minh là bạn thân của mẹ tôi.
Chú là một bác sĩ rất giỏi. Phòng khám mà
chú vừa mới mở cũng nằm gần khu nhà tôi

ở vì lẽ đó, mẹ muốn nhờ tôi gửi giỏ trái cây
đến nơi chú làm việc. Nhưng sầu xa hơn,
tôi hiểu ý đồ của mẹ. Mẹ muốn tôi làm
quen với môi trường, công việc của những
người mặc áo blouse trắng. Mẹ muốn nuôi
dưỡng ước mơ trở thành bác sĩ trong tôi
ngay từ nhỏ. Mẹ đã gửi gắm tôi cho chú
Minh. Mẹ nghĩ rằng chỉ cần được thấy
những công việc đẹp để hàng ngày mà bác
sĩ làm sẽ khiến tôi có tình yêu với nghề Y.

Đợi mẹ chuẩn bị xong, tôi buồn bã
xách theo giỏ trái cây và khoác chiếc balo
lên vai, lấy chiếc xe đạp điện rồi phóng ra
ngoài đường. Tiết trời mùa xuân thật khiến
con người ta uể oải và chỉ muốn được nằm
ì trên giường ngủ nướng mà thôi. Tháng Ba
đã gõ cửa, nắng có ấm hơn nhưng thi thoảng
vẫn còn mưa phùn nhẹ bay. Trên khắp các
con đường, từ những cành cây khẳng khiu,
lộc non bắt đầu trở ra đầy mạnh mẽ. Cái
cựa mình của lá non thật ghê gớm biết bao.
Mới hôm qua vẫn còn lú nhú, sớm nay đã
xinh xẻo, thanh mát rồi reo vui giữa trời
xuân mênh mang. Tôi cảm thấy cả trái tim,
khối óc và đôi mắt của mình đều bị khung



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

cảnh thiên nhiên này làm cho u mê mất rồi. Đôi bàn tay của tôi trở nên "ngứa ngứa" hơn bao giờ hết. Cái sắc xanh mơn của lá bàng non và tiếng "lích chích" của chú chim sâu khiến tôi quên hết mọi việc mẹ nhờ. Tôi vội vã tấp vào lề, lúi túi trong ba lô ra nào là giấy màu, nào là cọ vẽ... Tôi đứng lặng trước khung cảnh của hàng cây trở mình trong xuân nồng giữa phố. Sau giây phút bản thân ấy, tôi háo hức "sáng tạo nghệ thuật". Tôi muốn lưu giữ hình ảnh đẹp đẽ này trên giấy. Đến lúc này

thì tất cả những lời mà mẹ nói, cả cái cau mày hay những lời nặng nề của mẹ mỗi khi thấy tôi hí hoáy vẽ đều tan biến như bọt biển. Tôi như con chim sổ lồng, thỏa với niềm đam mê khao khát, cháy bỏng của mình bấy lâu nay. Đưa cây cọ màu thoăn thoắt trên giấy, tôi đắm chìm "sao chép" thế giới thực vào bức tranh yêu dấu của mình. Ô! Chiếc lá bàng non trông mới ngộ nghĩnh, đáng yêu làm sao! Chúng đang rung rinh trên cành và còn đó những chú chim nhả thanh âm vào không gian. Đáng yêu quá! Đẹp đẽ quá! Chẳng mấy chốc mà tôi đã hoàn thành đưa con tinh thần của mình. Tôi ôm nó trước lồng ngực và cười ngây ngô. Tôi bỗng nhớ đến sắc tím ngọt ngào của hoa diên vĩ trong bức tranh "Iris" của Vincent Vangoc, nhớ tới sắc vàng rất Nga trong kiệt tác "Mùa thu vàng" của danh họa Isaccc Ilyich Levintan. Tôi cũng đặc biệt yêu thích những bức tranh

phổ cổ của Bùi Xuân Phái... Tôi ước mình có thể tự do thỏa sức vẩy vùng vẽ tranh. Có lẽ, khung cảnh thiên nhiên, những hình ảnh sống động ngoài đời có sức hút mạnh mẽ đối với tôi. Ước mơ của tôi là một ngày nào đó có thể vùng cọ màu để vẽ cánh rừng mơ trắng, ruộng bậc thang vàng xuộm khi vào mùa và thế giới kì diệu của những con sóng ngoài biển khơi bao la...

Cứ mãi đắm chìm trong tưởng tượng ngọt ngào, tôi bỗng giật mình nhìn thời gian trên chiếc điện thoại đen trắng mà mẹ sắm cho để tiện liên lạc. Ôi không! Đã hơn 12 giờ trưa và chiếc điện thoại hiện lên rất nhiều cuộc gọi nhỡ từ mẹ. Tôi hốt hoảng dọn đồ về nhà. Nỗi sợ hãi khiến tôi không dám mở điện thoại gọi lại cho mẹ mình mặc dù tôi biết mẹ đang rất lo lắng. Thu dọn đồ đạc, tôi đi xe một mạch về nhà.

Mới về đến gần cổng nhà, tôi đã thấy bóng mẹ ở ngoài. Vừa nhìn thấy tôi, mẹ đã chạy đến gần xem tôi có làm sao không. Tôi sợ hãi vì đã không nghe lời mẹ dặn nhưng thấy mẹ lo lắng như vậy, tôi có chút hối hận và cảm thấy ăn năn. Vào trong nhà, mẹ hỏi tôi đã đi đâu, đã gặp phải chuyện gì mà không tới phòng khám hơn nữa lại còn về muộn thế. Tôi cúi gằm mặt xuống và lí nhí trả lời theo đúng "kịch bản" mà mình đã vẽ ra từ khi ngồi xe về nhà. Tôi đỏ mặt, ấp úng: "Con... xe con hết điện. Đúng lúc đó con gặp Phương Linh nên con đã về nhà bạn ấy để sạc xe, mẹ ạ". Có lẽ mẹ đã sớm nhận ra sự không trung thực của tôi. Mẹ nghiêm mặt rồi yêu cầu tôi bỏ ba lô xuống cho mẹ xem. Tôi cố giấu và gạt đi nhưng mẹ tôi đã cầm được chiếc ba lô trong tay. Từ trong chiếc ba lô vẫn còn

vuơng cái bụi của xuân, mẹ lôi ra bức tranh đầm màu mực. Màu xanh của lá non, màu nâu của thân cây... nhem sang tay mẹ. Đôi mắt mẹ đỏ hoe... rồi bỗng... "xoẹt, xoẹt" - bức tranh bị xé thành hai, ba mảnh rơi tung tóe trên sàn. Mẹ cau mày, tức giận: "Mẹ đã nói với con bao nhiêu lần rồi? Vẽ vờn tốn thời gian, vô bổ. Mẹ không muốn con vẽ tranh. Tốt hơn hết là con bỏ ngay cái sở thích vớ vẩn ấy đi. Mẹ không đồng ý cho con vẽ tranh, con nghe rõ chưa?" Tiếng mẹ gằn từng lời, dường như mẹ đang rất tức giận nhưng tôi cũng thấy vô cùng khó chịu. Nhìn thấy đứa con tinh thần yêu quý của mình bị xé nát, nước mắt tôi rùng rùng chảy xuống. Bao uất ức bị dồn nén bấy lâu khiến tôi không thể chịu đựng thêm được nữa. Lần đầu tiên, tôi cự cãi mẹ mình: "Vẽ tranh có gì là sai hả mẹ? Con muốn trở thành một họa sĩ nổi tiếng". Mẹ nhìn tôi, hai hàng nước mắt lăn chã rơi. Cả tôi và mẹ lúc này đây đều khó có thể hiểu và thông cảm cho nhau. Tôi không biết tại sao mẹ lại ghét việc tôi có niềm đam mê với hội họa như thế. Phải chăng vì mẹ lo lắng vẽ chỉ là một nghề bấp bênh? Và với độ tuổi của tôi, chỉ cần chú tâm học Tiếng Anh, học Toán cho tốt... Trong đầu tôi là một mớ các câu hỏi và những cảm xúc hỗn độn đan xen. Tôi giận lẫy mẹ, tôi có chút ghét mẹ và tôi dỗi, bỏ lên phòng nằm khóc thút thít.

Cứ ngỡ không khí sẽ luôn căng thẳng như vậy nhưng điều bất ngờ đã xảy đến với tôi - vị cứu tinh của cuộc đời tôi xuất hiện. Người đó chính là bà ngoại hiền từ của tôi. Ngoại tôi sống dưới quê, chẳng là có việc trên này nên tiện đường ghé thăm mẹ con tôi. Nhìn thấy bà, tôi làm nũng, bà cũng biết

hai mẹ con tôi căng thẳng nên đã nói sẽ đưa tôi về quê một hôm. Tôi đang buồn, đang dỗi mẹ nên được về quê là điều khiến tôi thích lắm. Tôi sẽ được tự do, thích làm gì thì làm, cũng chẳng phải nghe mẹ làu bàu khó chịu rồi cấm cản sở thích, ước mơ của tôi. Tôi nghĩ vậy đấy! Được mẹ đồng ý, tôi vội vàng xếp quần áo và đồ dùng cá nhân rồi theo bà ngoại về quê. Tôi đã ước về những ngày hè sắp tới có thể ở với ông bà ngoại lâu hơn, được tự do lâu hơn. Nghĩ đến đây thôi đã cảm thấy hạnh phúc lắm rồi.

Chiếc xe bon bon trên đường, khung cảnh nông thôn hiện ra mỗi ngày một rõ nét. Này đây, lũy tre xanh rì rào trong gió, phía xa xa là cánh đồng lúa mới trải dài tít tắp. Còn cả đây nữa, con ngõ nhỏ với bờ gậu mồng toi, giàn mướp non soi bóng trên một góc ao, những chú gà con có bộ lông vàng óng đang tung tăng trong vườn. Tôi ngây ngất trong cuộc sống bình dị, dân dã thôn quê. Tối đó, ông bà ngoại đã nấu cho tôi món cua đồng với rau đay thật là ngon. Ăn cơm xong, tôi nằm khểnh trên chiếc võng ngoài hiên. Bỗng lời bà ngoại vọng ra: "Na ơi, vào phòng mẹ trước đây tìm cho bà ống kim chỉ nhé!". Tôi đáp "vâng" rồi vào phía trong và bắt đầu tìm kiếm. Căn phòng nhỏ này trước đây là của mẹ tôi, mọi thứ vẫn được xếp gọn gàng như vậy. Đây là chồng sách, kia là chiếc băng đô cũ... vẫn còn nguyên như xưa. Chỉ vì dùng lực hơi mạnh mà cái cánh tủ bị bung ra nhưng tôi lại thấy một bức tranh nằm chềnh ềnh trong đó. Một bức tranh thật đẹp nhưng có cảm giác buồn buồn: mưa giăng mắc trong lớp lớp sầu đâu tím nhuộm cả một khoảng và phía dưới là hình ảnh của một đôi nam nữ.

Bức tranh khiến tôi vô cùng ấn tượng. Lật đặt cầm bức tranh chạy ra hỏi bà ngoại, tôi tò mò vì không biết ai là người đã vẽ bức tranh này. Tôi bị thu hút bởi màu tím lịm buồn bã của sầu đâu, bởi màu trắng tinh khôi của tà áo dài tha thướt mà người con gái bận trên người, tôi cũng ấn tượng bởi khí chất của người con trai bên cạnh ấy.

- Bà ơi! Tranh này của ai thế ạ? Là ai vẽ hả bà? Tranh đẹp quá bà ạ! - Tôi hớn hờ giờ bức tranh trước mặt ngoại.

Bà nhìn tôi rồi cup mi mắt lại. Bà kéo tay tôi, ý bảo ngồi xuống bên cạnh bà. Bà khẽ vuốt mái tóc tôi rồi thở dài: "Tranh bố con vẽ đấy!". Đôi tai tôi ù đi, đôi bàn tay run run, và khóe mắt trực trào những dòng nước mắt nóng hôi hổi, bờ môi mấp máy, tôi khẽ hỏi lại: "Bà... nói là bố con ạ?". Từ bé, mỗi lần thấy bạn bè được bố ẵm bồng, đưa đón đi học hay mua cho gói bim bim, cái kẹo mút... Tôi chỉ dám thêm khát, ước ao. Tôi chưa bao giờ hỏi mẹ về bố của mình và cũng chưa một lần được nghe mẹ nhắc về bố. Người đàn ông quan trọng ấy mãi là điều bí mật nơi thẳm sâu trái tim của mẹ. Và "bố" - tiếng gọi thân thương ấy tôi chỉ dám thốt lên trong mỗi giấc mơ khi đêm về. Ngoại thủ thỉ bên tai tôi về câu chuyện của bố mẹ tôi và... nước mắt tôi không ngừng rơi. Hóa ra bố tôi từng là một họa sĩ. Giờ thì tôi đã hiểu tại sao tôi lại có chút năng khiếu hội họa như vậy. Và đến bây giờ, tôi mới hiểu tại sao mẹ phản ứng gay gắt với đam mê, sở thích, ước mơ của tôi như vậy. Có lẽ giấc mơ y khoa mà mẹ áp lên đôi vai nhỏ bé của tôi chỉ là cái cớ mà thôi. Cuộc tình của bố mẹ đang dở, mẹ gom nhặt biết bao uất ức, buồn bã, đau thương và cả sự hờn

giận. Bao năm qua một mình mẹ nuôi tôi, quả thực không dễ dàng và bao năm qua, mẹ sống trong những kí ức không vui đó. Giờ thì tôi không còn tiếc bức vẽ của mình quá nhiều nữa, tôi nhớ mẹ, tôi thấy mình thật hư. Chính tôi đã đào sâu, khoét thêm nỗi đau mà bấy lâu nay mẹ phải chịu. Tôi khóc rung rức bên cạnh ngoại.

Sớm mai, tiết trời vẫn còn se se lạnh, âm thanh ríu rít của bọn chim trên cành và cả tiếng gà trống choai nhà bà đã kéo tôi dậy từ trong giấc mơ thỉnh thoảng xen tiếng nấc nghẹn ngào. Với đôi tay nhỏ bé, tôi khê đẩy cửa sổ và đưa đôi mắt ra bên ngoài. Ô! Hàng sầu đâu sau nhà đang trở hoa tím biếc. Bao xúc cảm được đẩy lên, trái tim tôi bỗng thổn thức, rạo rực. Tôi bật dậy lấy giấy màu, cọ vẽ và bắt đầu đưa cây cọ...

Buổi chiều hôm ấy, tôi trở về nhà với mẹ. Tôi không còn giận mẹ nữa, chỉ thấy thương mẹ nhiều hơn. Tôi thật muốn chạy lại ôm mẹ nhưng không hiểu sao vẫn không có đủ can đảm để làm điều đó. Tôi vào phòng và mau chóng ngủ thiếp đi vì chẳng đường di chuyển từ quê lên khiến tôi hơi mệt và vì cả bí mật lớn mà ngày hôm qua tôi mới được rõ mặc dù suốt bao năm qua, tôi đã chấp nhận một sự thật rằng mình chỉ có mẹ ở bên. Đang mơ màng, bỗng thấy mẹ ngồi bên cạnh, trên tay là bức tranh tôi vừa hoàn thành lúc sáng. Đôi bàn tay mẹ khê vuốt má tôi, tôi tỉnh giấc và thấy đôi mắt mẹ đỏ hoe. Tôi bật dậy như lò xo và đưa đôi bàn tay nhỏ bé ôm chặt lấy mẹ. Tôi sợ hãi, tôi òa lên nức nở: "Con xin lỗi mẹ!". Mẹ xoa mái tóc mây đen nhánh của tôi. Mẹ khóc. Tôi sai rồi. Bức tranh vẫn màu tím buồn thê lương ấy, vẫn hai

con người ấy chỉ là chẳng còn màn sương giăng bạc của mưa xuân, thay vào đó là khoảng trời xanh xanh và ở giữa còn thêm một cô bé có mái tóc mây dài tha thướt. Đó là ước mơ của tôi-nhưng có lẽ, ước mơ của tôi lại vô tình khoét sâu vào nỗi đau mà mẹ phải chịu đựng. Bức tranh bỗng lem đi vì những giọt nước mắt nóng hổi của tôi. Tôi nấc lên đầy nghẹn ngào: "Con xin lỗi mẹ! Con sẽ không vẽ tranh nữa, con sẽ tập trung học thật tốt. Mẹ đừng buồn vì con". Tôi buồn bã thốt ra những lời đó mà tâm can như bị vò xé. Đến giờ, tôi không còn tiếc hay buồn vì niềm đam mê dang dở của mình nữa. Tôi buồn vì một tuổi thơ không trọn vẹn. Tôi buồn vì mẹ mãi sống trong những hồi ức đau thương ấy. Tôi buồn vì bản thân lại ích kỉ khiến mẹ đau thêm. Mẹ nhẹ nhàng nhìn thẳng vào đôi mắt ướt của tôi và nói: "Con hãy treo bức tranh xinh đẹp này ở bất cứ nơi nào mà con thích. Con cũng có thể vẽ những bức tranh mà con yêu thích. Mẹ xin lỗi con! Từ bây giờ, mẹ con mình hãy sống thật tốt, con nhé!".

Vì sao sầu đâu buồn? Phải chăng vì mỗi năm, sầu đâu chỉ nở trong tiết xuân tàn - khi mưa phùn vẫn giăng giăng khắp đất trời? Vì sao sầu đâu tha thiết? Giống như bức họa "*Sầu đâu trong mưa*" mà bố đã từng vẽ? Vì sao sầu đâu thê lương? Phải chăng vì sầu đâu chứng kiến sự dang dở về mối tình giữa bố và mẹ, vì tuổi thơ không trọn vẹn của tôi? Từ nay sầu đâu sẽ không buồn nữa vì lớp hoa này tàn, hoa mới sẽ bung nở như một trang mới của cuộc đời đang mở ra. Như mẹ tôi đã khép lại những nỗi buồn, xóa nhòa những hờn trách, thù hận; như tôi đã vui vẻ chấp nhận sự khiêm

khuyết về ấu thơ, được sống
trong ước mơ vẽ vời của mình.
Cả tôi và mẹ sẽ cùng nhau vun
đắp cho cái khuyết ấy để cái
khuyết thành cái tròn. Những
câu thơ của nữ sĩ Xuân Quỳnh
văng vẳng bên tai rồi mau
chóng hòa vào khoảng không:

*Tháng Ba về xuân dần
hơn một nửa*

*Ngõ nhà mình tim tím
những nhành xoan*

*Con mưa phùn chiều
dạo qua ngang cửa*

*Gió đu cành, hoa tím
rụng đầy sân*

*Hoa xoan tàn, mùa xuân
tàn rồi đỏ*

*Xưa, mười lăm em đã
biết điệu đàn*

*Nhặt cánh hoa em cài
lên mái tóc*

*Vườn nhà bên anh liếc
mắt... nhìn sang.*

Mẹ nói, một hôm nào đó
sẽ dẫn tôi đi vẽ sầu đâu nhưng
là sầu đâu của một buổi không
mưa. Tôi lém lỉnh, dụi đầu
vào ngực mẹ thủ thỉ: "Mẹ ơi,
con mời cả chú Minh đi cùng
mẹ con mình nhé!".

NGUYỄN TRANG LINH

(6A2 - THCS Nguyễn Đăng Đạo - Tp. Bắc Ninh)

Mẹ

Trong trái tim của con
Có lời ru của mẹ
Tình yêu mẹ tha thiết
Bao la như biển trời.
Tình mẹ thật tuyệt vời
Cho con được no ấm
Lo lắng, che chở con
Trên khắp mọi nẻo đường
Nuôi nấng, dạy dỗ con
Học hành cho thật tốt
Để mai sau mỗi ngày
Luôn thấy mẹ cười tươi./.

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

(6A2 - THCS Nguyễn Đăng Đạo - Tp. Bắc Ninh)

Ngôi trường chấp cánh ước mơ

Tháng năm tiểu học đã qua
Thử thách phía trước bao la đang chờ
Trường mới, em thật bất ngờ
Bỗng thành đứa trẻ lơ mơ bước vào
Ngôi trường trông đẹp làm sao
Khoác lên chiếc áo lụa đào màu xanh
Tên vị Lương quốc vang danh
Trường Nguyễn Đăng Đạo tươi xanh điểm mười
Tương lai phía trước rạng ngời
Ngôi trường chấp cánh muôn đời ước mơ./.

ĐẠI TƯỚNG PHẠM VĂN TRÀ MỞ MANG ĐẤT PHẬT TRÚC LÂM

TẠ LƯU

Với mục đích mở mang đất phật Trúc Lâm vào các tỉnh phương nam, - Nơi văn hóa Tây phương với những nhà thờ Thiên Chúa giáo cao vút trời mây và chùa chiền theo thiền phái Nam Tông ngự trị. Từ năm 2010 đến nay, đại tướng Phạm Văn Trà đã vận động các nhà doanh nghiệp, các phật tử và đồng đạo đồng bào cả nước xây dựng được 9 ngôi chùa tráng lệ tọa lạc ở vị trí phong thủy đặc địa ở 9 tỉnh phương Nam để mở mang đất Phật Trúc Lâm Yên Tử do phật hoàng Trần Nhân Tông - người anh hùng dân tộc, một nhà thơ lớn sáng lập cách đây hơn 700 năm lúc ngài từ bỏ ngai vàng bệ ngọc khi mới 35 tuổi đời để xuất gia tu hành sáng lập ra dòng thiền Trúc Lâm độc đáo nhất Việt Nam. Kế tục ngài là đệ nhị tổ sư Pháp Loa - đồng kiên cường người có đức cao vọng trọng rồi đến tam tổ Trúc Lâm - Huyền Quang người Bắc Ninh. Ngài là một vị Trạng nguyên dưới triều Trần, một nhà thơ lớn đã từ bỏ quan trường kế tục sự nghiệp của Phật hoàng Trần Nhân Tông và Tổ Sư Pháp loa.

Trúc Lâm là một dòng thiền độc đáo ở Việt Nam, do người Việt Nam sáng lập. Cái nổi bật của dòng thiền này là nhập thế cứu đời, lo cho dân cho nước: khi đất nước thanh bình thì đi tu ở chùa chiền, khi tổ quốc có giặc ngoại xâm thì bỏ áo cà sa khoác bộ đồ chiến binh xông ra chiến trận đánh giặc cứu nước...

1. Gặp lại cô nhân

Ngày 8/3/2008, một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp của đất Việt, Đại tướng Phạm Văn Trà từ tư dinh của ông ở làng nghề Phù Lãng, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bách bộ ra lầu Bát Giác, cạnh một hồ nhỏ nước trong xanh. Đại tướng bỗng giật mình khi thấy nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt ngồi tựa lưng vào lầu ngắm nhìn trời nước bao la. Quá bất ngờ, Đại tướng giật bắn mình, hồi hộp và sung sướng. Nhìn người bạn chiến đấu với mái tóc bạc phơ đã hơn 30 năm cùng ông sinh tử ở chiến trường miền Nam bão đạn đến thăm ông không hề báo trước nửa lời:

Chắc có gì quan trọng lắm ông mới đến thăm đột ngột như vậy? Đại tướng Phạm Văn Trà trầm nghĩ.

Không đợi Đại tướng lên tiếng, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt ôn tồn và buồn bã nói:

Ở phương Nam sản xuất lúa gạo, trồng cây ăn quả, nuôi cá và xuất khẩu nhiều nhất nước... Con gái miền Nam đi lấy chồng ngoại quốc nhiều nhất nước. Ở các làng quê chỉ thấy người già và con trai... Chỉ có văn hóa Tây phương với nhà thờ Thiên Chúa giáo... Ông dự định cùng đại tướng với uy tín và trách nhiệm của mình với dân với nước sẽ vận động đồng bào xây dựng chùa theo thiền phái Trúc Lâm. Các ngôi chùa sẽ lấy mẫu từ chùa miền Bắc, trong chùa thờ duy nhất bốn vị: Phật hoàng Trần Nhân Tông, tổ sư Pháp Loa, tổ sư Huyền Quang và Phật Thích Ca. Các chữ đề trong chùa duy nhất là chữ Việt.

Đại tướng không ngờ đó là cuộc gặp gỡ định mệnh cuối cùng giữa ông và nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Sau 3 tháng kể từ ngày gặp gỡ cố nhân. Ngày 08/06/2008, Thủ tướng đã vĩnh viễn ra đi, chỉ còn lại một mình Đại tướng ở tuổi 74 đi vào phương Nam mở mang đất phật Trúc Lâm.

2. Mở mang đất phật Trúc Lâm:

Năm 2010, Đại tướng Phạm Văn Trà ra thăm Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) để chọn đất lập chùa Hộ Quốc. Chùa Hộ Quốc tọa lạc trên một quả núi tuyệt đẹp rộng 5 Ha, mặt hướng ra biển cả bao la, ông đã vận động được 500m³ gỗ Lim để làm chùa... Tiếng chuông chùa vang lên báo hiệu thời kỳ du lịch mới ở Phú Quốc, thu hút mỗi năm hàng triệu lượt khách khắp bốn biển

năm châu và người dân trong nước. Du khách đã mang theo hình ảnh của chùa Hộ Quốc đến với bè bạn quốc tế.

Năm 2011, Đại tướng cùng đồng bào khánh thành chùa Trúc Lâm Cần Thơ. Ngôi chùa to đẹp này tọa lạc trên diện tích 3,9ha, giữa đồng bằng châu thổ Cửu Long giàu có - Tây Đô của miền Nam tươi đẹp.

Năm 2014, Đại tướng khánh thành chùa Trúc Lâm Trà Vinh, tọa lạc trên diện tích 9ha với số tiền đầu tư 120 tỷ đồng... Lần lượt các thiền viện Trúc Lâm khác ra đời: Trúc Lâm Bạc Liêu, Tọa lạc trên diện tích 18ha với số tiền đầu tư trên 100 tỷ đồng. Thiền viện Trúc Lâm Hậu Giang tọa lạc trên diện tích 6ha, nhà doanh nghiệp Dương Công Minh người Bắc Ninh đầu tư 200 tỷ đồng xây dựng. Thiền Viện Trúc Lâm Bạc Liêu với tổng số tiền đầu tư hơn 100 tỷ đồng do nhà doanh nghiệp lớn nhất nước Phạm Nhật Vượng tài trợ, thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng với số tiền đầu tư trên 100 tỷ đồng rồi đến Trúc Lâm Long Xuyên tọa lạc trên diện tích 16ha.

Tổng số 9 ngôi chùa do Đại tướng Phạm Văn Trà đứng lên vận động xây dựng đã góp phần nâng cao dân trí của người dân phương Nam: các hủ tục lên đồng, bói toán, bắt ma, làm lễ lấy tiền của dân bị bãi bỏ. Thay vào đó nếp sống lành mạnh, mời nhà sư đến cúng bái không phải mất tiền, người dân du lịch hành hương về thăm chùa chiền đã đi về với cội nguồn đất Việt. Ở tuổi 85, Đại tướng Phạm Văn Trà đã làm được nhiều việc ích quốc lợi dân.

PHỐ THỊ BÊN DÒNG SÔNG

NGUYỄN THỊ THIỆP

Khỏi là nước - ngạn ngữ Hy Lạp.
Trang Phúc Khang xưa nay là làng Á Lữ quê mị, đã đi vào thi ca từ thửa nào: “Cả huyện Văn Giang không bằng làng Á Lữ” (Huyện Văn Giang của tỉnh Hưng Yên giáp huyện Thuận Thành).

Miền đất Long Ly Quy Phụng có Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương là di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt Thủy tổ người Việt. Thuận hướng đền thờ Kinh Dương Vương, chả thế con gái Á Lữ đẹp có tiếng phủ Siêu Loại thời bấy giờ. Người con gái dòng tộc họ Biện trong làng, bà giỏi giang xinh đẹp khiến chúa Trịnh về dâng hương đức Thủy tổ gặp ý trung nhân tài sắc vẹn toàn Chúa xin làm con rể của làng và kiệu bà về phủ Chúa. Đình làng tôi là di

tích lịch sử văn hóa quốc gia. Từ tuổi trăng tròn cánh nam nữ thanh niên làng đều tham dự các đám rước, đóng các vai tốt đỏ, sỹ điều, quan viên... vào mỗi dịp lễ Tết. Thời gian cứ dần trôi, chốn tổ tâm linh ngày càng được bồi đắp xứng tầm di tích quốc gia. Thuận Thành là cái nôi của người Việt cổ, lớn thứ hai của tỉnh Bắc Ninh, có 18 xã thị trấn mà có tới 40 di tích xếp hạng trong đó có cả di tích xếp hạng đặc biệt quốc gia.

Tin vui nối tiếp tin vui, sự vươn lên của đảng bộ và nhân dân huyện Thuận Thành đã được Trung ương ghi nhận:

- Ngày 31/12/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành quyết định 1710/QĐ-BXD công nhận thị trấn Hồ mở rộng là đô thị loại 4.

- Ngày 13/2/2023 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 723/NQ



UBTVQH-15 thành lập thị xã Thuận Thành gồm 10 phường 8 xã làm bà con người huyện Thuận Thành dù ở quê hay đã định cư đâu đó đều sung sướng tự hào.

Thấm thoát thời đưa ba đứa con của tôi đã trưởng thành, hai con trai lập nghiệp tại thủ đô, con gái lấy chồng làm ngành tài chính ngân hàng. Ngay sau khi xem thời sự buổi tối trên truyền hình, nghe Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các con đều gọi điện về chia vui với gia đình đều hào hứng và tự hào, hẹn chủ nhật đại gia đình đoàn tụ.

Hôm nay là ngày chủ nhật rất đặc biệt, các con tôi chồng nào vợ ấy hồ hởi về với cội nguồn. Tôi làm nhiệm vụ là hướng dẫn viên du lịch, việc đầu tiên đưa gia đình hành hương về “ngã ba Dâu” nơi có sông Dâu một nhánh của con sông Đuống chảy qua chân thành Luy Lâu mà các thương gia

Ấn Độ, thương gia phương Nam, phương Bắc mở lối giao thương đi muôn nơi đều qua nơi này. Một tu sỹ Ấn Độ là Khâu Đà La đã đi theo thuyền buôn về Dâu kết nối với vợ chồng Man Tu Định người vùng Mãn Xá Đông truyền đạo, căn nhà của họ đã hóa gia chi tự thành ngôi chùa tổ, rồi ông bà Tu Định sinh cô con gái Man Nương, cô này đã dùng cây tích trượng của Khâu Đà La tặng, cầu trời mang mưa thuận gió hòa về cho người dân được mùa màng tươi tốt, nên cái tên Thuận Thành được lấy từ sự tích mưa thuận gió hòa này. Sau này ông bà Man Tu Định và con gái Man Nương đều được thờ trong chùa Dâu, Man Nương là mẫu tứ pháp tức thần của mây mưa sấm sét. Thời hai bà Trưng khởi nghĩa chống lại chế độ hà khắc của Tô Định, đoàn quân của hai bà khởi trận từ Mê Linh Vĩnh Phúc xuôi sông Hồng về sông Đuống vào sông Dâu

đánh chiếm Luy Lâu khiến cho Tô Định giả danh dân thường chạy chốn mới thoát chết. Rồi Sĩ Nhiếp được cử làm thái thú Giao Châu, vị quan người Việt gốc Hán này có con tim đại nghĩa, biết chăm lo cho việc nước cho dân đã xây trường dạy chữ đầu tiên trên nước Việt. Vậy Thuận Thành nơi thờ thủy tổ người Việt đầu tiên, sở lý đầu tiên, nơi tiếp nhận Phật giáo đầu tiên, nơi mở trường dạy chữ đầu tiên, đúng là nơi trời đất giao thoa mưa thuận gió hòa, người biết lo cho người, thuận như thế hỏi có chi mà không thành?

Đứng ở ngã ba Dâu, ngắm dòng sông Đuống hiền hòa, mẹ nói với các con - Các tình yêu ơi! Con người ta tồn tại bởi ba yếu tố mà trước tiên là không khí, thứ hai là nước, thứ ba là thức ăn thì dòng sông chính là nguồn cung cấp quan trọng nhất, sông chảy về đâu thì đời bờ quanh năm “ngô khoai biêng biếc”* đó chính là máy lọc khí vĩ đại làm cho không khí trong sạch hơn. Sông cung cấp nước, nước sông là nước nguồn bao giờ cũng sạch sẽ hơn nước ao, hồ. Sông chở nguồn phù sa cho đất tốt tươi thêm lương thực. Diễm phúc cho quê ta có con sông Đuống đi qua, giao thương thuận lợi để phát triển kinh tế tới các vùng miền. Các con nên biết, nơi chúng ta đang đứng rất thiêng liêng, trải qua bao biến cố thăng trầm, bể dâu biến cải, sông Dâu đã là con sông lấp, Luy Lâu cũng không còn nhưng trong lòng đất vẫn nguyên vẹn những trầm tích văn hóa mà các nhà khảo cổ học, các nhà khoa học đã khai quật được rất nhiều mẫu vật cổ quý giá.

Tôi dẫn các con tiếp tục bộ hành dọc bờ Nam sông Đuống về chùa Bút Tháp nhìn

sang bên kia sông Đuống nguy nga Phật Tích trên núi Lạn Kha. Bút Tháp xây từ thế kỷ 14 là di tích quốc gia đặc biệt bởi có những thông điệp nhân văn sâu sắc “tượng ngàn mắt ngàn tay”, “đài nghiên tháp bút”. Ngàn mắt ngàn tay là ước muốn có ngàn con mắt để nhìn thấu mọi khổ đau và ngàn tay nối dài để giúp nhiều hơn cho mọi kiếp còn đài nghiên tháp bút? Nghiên là cái đựng mực, đỡ cây bút hướng lên trời xanh! Ý thức lấy học vấn kiến thức xây dựng một nhà nước vững bền, nền tảng quản lý và xây dựng đất nước. Hành trình tiếp theo về bái tổ Kinh Dương Vương, lòng tôi thấy bồi hồi xôn xang, bao kỉ niệm ủa về từ thửa bé theo bà ra bãi hái dâu, quê hương luôn trong tâm trí của tôi.

Sông Đuống ơi, dòng chảy quá tuyệt vời, hỏi có dòng sông nào vẻ vang như dòng sông Đuống? Sông đến từ nơi nào mà ghé qua quê tôi thành dòng sông quan họ, dòng sông thi ca, dòng sông kháng chiến. Con sông gắn tuổi thơ tôi, mỗi khi theo mẹ cha đi làm bãi được say ngắm những cánh buồm, con đò lạng lẽ sang ngang, những bè mảng tre gỗ từ mạn ngược về xuôi cũng như muối mắm gạo thóc từ xuôi lên mạn ngược, giúp mẹ vun ngô hái dâu, xâu những chuỗi hoa đại đeo lên cổ, nhặt cỏ mật, thứ cỏ càng héo khô càng thơm ngát ngào. Đây cây cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành to đẹp nguy nga dự kiến sẽ khánh thành vào quý 3 năm nay (2023) bên cạnh cầu Hồ, tân cảng Đại Đồng Thành thì Thuận Thành càng thêm giàu có, tươi đẹp bội phần. Chẳng cuối tôi đưa các con về thăm làng Mái với dòng tranh dân gian Đông Hồ nổi tiếng, thứ tranh dân gian nhưng mang nội dung bác học hiện đại,

hiện vật quý giá, ý nghĩa cho các lãnh đạo tỉnh nhà dùng làm quà lưu niệm biếu tặng các quý khách. Các cháu của tôi mới hồn hậu làm sao, cứ thích ôm tranh gà tranh cá chép khiến người lớn ai cũng vui. Làng Mái thân thương và gần gũi, tranh làng Mái đã đi khắp năm châu bốn biển hẳn mọi người còn nhớ:

*Hồi cô thất lưng bao xanh
Có về làng Mái với anh thì về
Làng Mái có lịch có lễ
Có sông tắm mát có nghề làm tranh...*

Sông Đuống đây, hiền hòa gần gũi mà tường như trong cổ tích xa xăm, hẹn với các con, các cháu khi nào cầu Kênh Vàng ở Hạ lưu sông khánh thành, đường vành đai 4 Hà Nội Bắc Ninh hoàn tất, chúng ta sẽ tiếp cuộc vi hành về tới hạ lưu sông của huyện Gia Bình, tiếp nối với các chuỗi đền chùa cổ kính như đền Lê Văn Thịnh, đền Lê Chi Viên, Chùa Đại Bi, đền Tam Phủ, tân cảnh Quế Võ, Đền Cao Lỗ Vương, cầu Bình Than, cầu Kênh Vàng để cảm nhận chờ đón một cuộc đời mới tiếp theo mà Tập đoàn kinh tế HT đã ngắm từ xa cho Bắc Ninh sẽ có dòng sông không kém gì sông Sài Gòn, sông Hàn của Hàn Quốc, sông Hoàng Phố của Trung Hoa.

Thuận Thành tình yêu của tôi thật xứng tầm một địa danh không nơi nào có được, khoác lên mình một hình hài mới. Miền đất cổ Luy Lâu dấu thời gian có phôi phai nhưng những dấu tích vẫn còn đây, miền đất địa linh nhân kiệt, Long, Ly, Quy, Phụng vẫn sừng sững một tấm bia hồng. Được sự quan tâm của chính quyền các cấp, được sự đồng lòng nhất trí của toàn dân, Thuận Thành không ngừng phát triển

mọi phương diện về chất và lượng. Thị xã Thuận Thành là điểm đến hứa hẹn của quý khách thập phương trong và ngoài nước, là niềm tự hào của tỉnh Bắc Ninh.

Bữa trưa đã tới, tôi đưa cả nhà về tập kết tại chợ Hồ, ngược nhìn cầu Hồ sừng sững xe cộ ngược xuôi thay cho con đò cát lái ngày nào. Hai cậu con trai lặng nhìn nhau hiểu ra vì sao quê hương luôn trong tâm trí của mẹ... Chợ Hồ, nơi bán buôn tấp nập nhất vùng mà nhớ như in từ khi tôi còn bé hay được mẹ, bà nội, bà ngoại cho đi chơi chợ rất vui còn cho ăn quà. Những đặc sản của Thuận Thành là gà Hồ, nem Bùi, đậu Trà Lâm, bánh cuốn Mão Điền... chợ Hồ đều có cả. Tôi tìm về quán bún riêu thân quen ăn trưa, thứ mà ngày xưa khi tôi mang bầu các con đều thêm bà ngoại gọi là ăn dở, quà quê bình dị mà ai cũng thích. Nhìn các con các cháu đông đủ vui vậy tôi cũng có chút ngậm ngùi cho duyên phận, sớm phải gồng gánh bằng một bờ vai nhưng vẫn có chút tự hào, ba con mình đều học hành tử tế, chúng đều dựng nghiệp đúng nghề đã học, cộng thêm chút gen năng động nên con nào cũng vượt khó vươn lên mạnh mẽ, còn các cháu đều khỏe mạnh chăm ngoan đầy hứa hẹn.

Chuyến dã ngoại ôn cố tri tân dọc bờ Nam con sông huyền thoại của huyện Thuận Thành là chuyến đi kỳ thú cơ hội bồi đắp thêm phần hiểu biết về quê hương xứ sở cho mọi thành viên trong gia đình, để các con của tôi hiểu thêm lịch sử cội nguồn các con có quyền tự hào về quê hương nghìn năm văn hiến. Hãy ra sức phấn đấu góp sức chung tay xây dựng quê hương Thuận Thành xứng tầm với thời đại./.

Mùa lúa chín năm ấy xa lắm rồi, con đường về làng nay cũng đổi thay nhiều quá, khiến tôi không hình dung nổi cánh đồng làng năm xưa. Mùa lúa chín tháng Năm vội vợi nắng và gió. Những cơn mưa rào sắp ngửa đến và đi thật nhanh, thóc lúa vừa phơi ra đã vội chạy vào, mồ hôi đầm đìa lưng áo.

Mùa thương tôi thầm gọi tên năm ấy là chưa đến tháng Năm, lúa mới trở bông

tầm tắp xếp hàng, chỉ đám ruộng chân cao ven làng cây sớm là hoe hoe vàng. Người thương ấy theo tôi về nhà chào cha mẹ, xin phép cha mẹ cho chúng tôi tìm hiểu nhau. Con đường bời bời gió giữa cánh đồng hôm ấy sao mà dào dạt, sóng lúa như ngút ngàn đuổi bắt nhau mãi không thôi. Câu chuyện rầm rì buâng quơ bay theo gió... “Có nuôi con mới hiểu lòng cha mẹ”. Câu nói ấy được nhắc đến trong câu chuyện của

Thương một mùa xa

VŨ VIỆT TÂM



chúng tôi, là do ai khởi xướng, người ấy hay là tôi... lâu quá rồi nên chẳng còn nhớ nữa. Mấy chục năm vật đổi sao rời, truy tìm điều đó có nghĩa gì đâu, tôi chỉ biết nó theo tôi như một lời nhắc về nghĩa nặng tình sâu với bậc sinh thành.

Thương nhau vào cuối mùa xuân, đến với nhau vào mùa đông và phải đến mùa thu năm sau tôi mới sinh con đầu lòng. Suốt chặng đường nuôi con câu thành ngữ luôn hiện hữu trong tôi. Những đêm mùa

đông lạnh giá dài dằng dặc, khi con còn bé xíu mới biết bú no và ngủ, tôi cảm nhận về những năm sơ tán trong chiến tranh chống Mỹ, cha mẹ nuôi chúng tôi, từ bé xíu mà trưởng thành. Cũng oa oa khóc, cũng bú mớm đêm hôm. Mùa đông giá lạnh chần ảm chẳng đủ “Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo phần con”. Lại còn pháp phòng nổi lo giặc đánh bên Đông chạy bên Tây, giặc đánh bên Tây chạy sang Nam... Đến mỗi nơi sơ tán lại đào hầm trú ẩn, hào giao thông... tìm hiểu đường đi lối lại trong xóm, ngoài làng... thu xếp nơi ăn chốn ở, chưa ấm chỗ lại đi và đi...

Rồi con ốm, con đau, qua từng đoạn sài đẹn, nóng sốt, tiêu chảy, mọc răng, nôn chớ... Nuôi đến đoạn nào cảm nhận mình hiểu lòng mẹ cha thêm được đoạn ấy. Năm tháng cứ mãi miết trôi, con lớn lên lớp một, con bé vào mầm non... Chặng đường nuôi con dường như đã vào nếp mà lại đột ngột ốm đau, đi bệnh viện... Những lúc con ốm đau phải đi bệnh viện lại gọi điện cho ông bà nhờ hỗ trợ. Ông bà ở quê cách vài chục cây số, dù không quá xa nhưng cũng phải “tăng bo” mấy lần xe mới đến được. Thế mà có lần nghe tôi mếu máo qua điện thoại mấy câu, mẹ đã vội vã thu xếp đồ dùng lên đường ngay, chừng một giờ đồng hồ sau đã thấy mẹ hót hải từ cổng bệnh viện chạy vào... Qua đận ấy, ngồi nhớ lại và tự hỏi lòng mình, lúc ấy cha mẹ nghĩ gì, cảm xúc của cha mẹ lúc ấy như thế nào nhỉ? Buổi chiều về thăm nhà năm ấy thư thái, tôi hỏi mẹ: Sao buổi ấy mẹ đến nhanh thế? Bố con nghe điện cũng sốt ruột bảo

mẹ xuống ngay, lo thằng bé chuyển nặng phải chuyển lên tuyến trên. Vừa hay có bác B sang chơi, bác lấy xe máy chở ngay ra đường cao tốc đón xe...

Năm con gái đỗ đại học, mấy mẹ con dắt nhau lên thăm bà ngoại. Lúc này ông ngoại đã mất rồi. Bà ngoại ở một mình, hàng ngày cậu mợ và các em chạy qua chạy lại. Dù gần vẫn cứ là hiu quạnh... Thỉnh thoảng mấy anh chị em hẹn nhau, cho các cháu về thăm bà, đông vui tấp nập một hai ngày rồi lại rời đi, ngôi nhà lại vắng lặng giữa vườn cây im ắng. Con đi học xa nhà, nguồn thu nhập cũng phải sẻ đôi, phần theo con gái lớn sang Hà Nội trọ học, phần ở nhà cho bản thân và con trai bé. Có những lúc dập dồn phải lo các khoản đóng cho các con... chợt nhớ về những năm xa xưa ấy, khi sáu chị em lủi rủi cùng đi học, đứa lớn học xa nhà, đứa bé ở nhà với cha mẹ. Có những lần về nhà xin tiền học, tiền ăn, cha mẹ lại chạy vạy đắp đổi mượn chỗ này chỗ khác, tôi lại tự hỏi lòng mình, lúc ấy cha mẹ nghĩ sao nhỉ, có thấy áp lực không?

Có những lúc tôi cảm tưởng như mình đã đi tận cùng câu thành ngữ ấy, như đã thấu hiểu cảm xúc của bậc sinh thành...

Rồi mẹ ngã bệnh, ốm đau liên miên, bệnh tưởng như đã lui rồi lại quay trở lại cùng với tuổi già khiến cho mẹ càng ngày càng yếu đi. Những năm mẹ ốm cũng là những năm dịch bệnh kéo dài. Phong toả, cách ly... việc đi lại giữa các vùng thật khó khăn, khó khăn đến độ mà khi qua rồi, người ta khó có thể hình dung nổi sao lại có những lúc ngặt nghèo đến vậy. Những

ngày cuối đời ấy, mẹ nghĩ gì? Buồn vui thế nào? Các con có “hiểu lòng cha mẹ” được không? Năm trước khi mẹ rời xa mấy chị em, cũng là khoảng thời gian này, cuối mùa xuân - mưa bụi đã ngừng bay và chấp chới hơi nắng mùa hạ, nắng mới vàng rực rỡ, đẹp mà khiến người ta dễ say dễ ốm. Chúng con một lần đi với mẹ chặng đường cuối cùng trên con đường cao tốc đến công viên vĩnh hằng. Bữa ấy nắng vàng lấm, nắng trải dài trên những vạt đồi miền trung du lộng gió. Từ đây mẹ hoá thân về với đất mẹ, với cỏ cây hoa lá bốn mùa luân chuyển... Những đắng cay ngọt bùi một kiếp nhân sinh mẹ đã ném trải, nay nhẹ bước phiêu diêu...

Mùa xuân ấy dường như mẹ chẳng còn tha thiết với điều gì. Những cây hoa mộc hương, mẫu đơn trước sân nhà, mọi khi mẹ rất quý, ngày nào cũng phải ngắm nghía, trò chuyện với chúng vài lần. Những cây mẫu đơn bé xíu mẹ ươm trong bầu, mẹ hẹn sẽ cho ai đó, những cây thuốc Nam mát dần ngoài đồi bãi mẹ mang về ươm trồng, gìn giữ... mẹ cũng không thiết tha gì, dường như đến tuổi “tri thiên mệnh”, mẹ biết đã đến lúc phải rời đi nên buông tất cả, chỉ còn tình cảm với con cháu là quyến luyến thiết tha.

Sau công việc của mẹ, tôi luôn day dứt một nỗi niềm: Vào cuối chặng đường ấy, mẹ đã nghĩ gì? Mẹ có cảm xúc gì? Và có một đoạn thời gian tôi rơi vào trạng thái không tha thiết gì cả. Đến bữa không thiết ăn, thú vui đọc sách, rèn luyện thể lực nơi công viên mỗi ngày cũng không thiết. Nhìn bông hoa nở, cái mầm cây chồi lên cũng không thiết ngắm và chỉ muốn rời

đi... Phải chăng đó là trạng thái của mẹ cha trước khi rời thế gian này. Tôi cảm nhận điều đó và tôi chợt giật mình thảng thốt: Đây không phải là trạng thái đúng của mình ở giai đoạn này. Cha mẹ hẳn sẽ rất đau lòng nếu các con sớm cảm nhận trạng thái đó, mình cần phải bút ra khỏi đó, mình còn nhiều việc phải hoàn thành trong kiếp nhân sinh này...

Mùa xuân năm nay ở quê tôi nắng nhiều hơn mưa. Mới giữa tháng Hai mà giữa trưa cảm nhận như nắng mới đầu hạ. Đâu đó tiếng con chim vút vút lạnh lốt, lúc ẩn lúc hiện... Cánh đồng cấy lúa những năm xa xưa ấy, nay đâu còn cấy lúa. Người bạn đời năm ấy đã bỏ tôi mà đi từ lâu lắm rồi, trước cả khi cha mẹ tôi rời đi. Tôi trở lại con đường năm xưa ấy, chỉ còn một đoạn ngang qua làng rồi nhập vào đường gom song song đường cao tốc. Câu thành ngữ lại trở về trong tâm trí tôi “Có nuôi con mới hiểu lòng cha mẹ”. Con nguyện đi cả cuộc đời này để hiểu lòng cha mẹ./.



Trăng ngân đây thuyền

Thơ : Hồ Chí Minh

Nhạc : Nguyễn Trung

Trong sáng - Thiết tha

The musical score is written on ten staves. It begins with a treble clef and a 2/4 time signature. The melody is simple and melodic, with lyrics written below the notes. The lyrics are in Vietnamese and describe a peaceful night scene with a boat on a river, a full moon, and a person watching the stars. The score includes various musical notations such as notes, rests, and bar lines. There are also some performance instructions like 'Rall...(Chậm lại để kết)' and 'Tiếng suối'.

Rầm xuân rầm xuân lồng lồng trăng sao. Sông xuân nước lẫn màu trời thêm
xuân. Giữa dòng giữa dòng bàn bạc việc quân. Khuya về bát ngát trăng ngân đây
thuyền. Giữa dòng giữa dòng bàn bạc việc quân. Khuya về bát ngát trăng
ngân đây thuyền. Trăng ngân đây thuyền. Trăng ngân đây
thuyền. Trăng ngân đây thuyền mà rầm xuân. Rầm xuân lồng lồng trăng
soi. Trăng ngân đây ...xuân lồng lồng trăng soi. Tiếng suối
trong như tiếng hát xa. Trăng lồng cổ thụ bóng lồng
hoa. Cảnh khuya chưa vẽ Người chưa ngủ.
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà Tiếng suối
lo nỗi nước nhà.
Rall...(Chậm lại để kết)

Gửi tình vào thơ

Nhạc : Ngọc Sơn
Thơ : Nguyễn Trọng Tao

Trữ tình - Sâu lắng



SƠ KẾT 2 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 01-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ TRAO GIẢI THƯỞNG SÁNG TÁC, QUẢNG BÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT, BÁO CHÍ VỀ CHỦ ĐỀ “HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH”

Tăng cường công tác tuyên truyền và động viên, khuyến khích hội viên, văn nghệ sỹ, nhà báo tích cực tham gia sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

Đó là phát biểu chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Quốc Chung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh tại hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị và trao giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đợt 1, giai đoạn 2021-2025 do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sáng 11/5, tại Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc (thành phố Bắc Ninh).

Dự, chỉ đạo Hội nghị sơ kết có các đồng chí: Nguyễn Anh Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh; Nguyễn Quốc Chung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Vương Quốc Tuấn, Ủy viên Dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương; Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh; các đồng chí Ủy viên Ban

Thường vụ Tỉnh ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc và các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Trong hai năm qua, việc triển khai thực hiện Kết luận 01-KL/TW trong tỉnh đi vào nền nếp, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; 100% các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy nghiêm túc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Kết luận 01, chuyên đề toàn khóa và chuyên đề năm đến các chi, đảng bộ cơ sở và cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp ủy, cán bộ chủ chốt các cấp chủ động xây dựng kế hoạch làm theo, thực hiện tốt quy định trách nhiệm nêu gương, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề nổi cộm, phức tạp, tồn tại, hạn chế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Chất lượng sinh hoạt chi bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được



nâng lên; nội dung sinh hoạt chi bộ ngày càng phong phú và chất lượng. 100% đồng chí Tỉnh ủy viên dự sinh hoạt chi bộ ở cơ sở, trên 94% các đồng chí cấp ủy ở các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đi dự sinh hoạt chi bộ ở cơ sở. Trung bình 97% cán bộ, đảng viên đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tập trung giải quyết những vấn đề còn tồn đọng kéo dài như: Tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất đai trên địa bàn sai mục đích; tiến độ giải phóng mặt bằng ở một số dự án còn chậm; tình trạng ô nhiễm môi trường, rác thải ở các điểm tập kết đang quá tải; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác cải

cách hành chính; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo...

Các cơ quan báo chí xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội về việc triển khai thực hiện Kết luận số 01, chuyên đề toàn khóa, chuyên đề hằng năm, cũng như kết quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo đã chủ động bám sát đời sống xã hội, những điển hình tập thể, cá nhân tiêu biểu, phát huy trí tuệ, tình cảm, trách nhiệm, sáng tạo những tác phẩm hay, có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần cổ vũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua học tập và

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tại hội nghị, các đại biểu tham gia trao đổi, thảo luận, nhằm đánh giá, làm rõ những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện hiệu quả việc học và làm theo Bác trong thời gian tới.

Ghi nhận những kết quả đó, Bắc Ninh vinh dự có 2 tập thể, cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 3 tập thể, cá nhân được Ban Tuyên giáo Trung ương khen thưởng; 22 tập thể, 12 cá nhân được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; 38 tác giả, nhóm tác giả được trao giải sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đợt 1, giai đoạn 2021-2025.

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Nguyễn Quốc Chung chúc mừng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần vào thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội XIII của Đảng và Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 trong thời gian tiếp theo, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đề nghị, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại

hội XIII của Đảng và chuyên đề năm 2023 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa công vụ đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân”, gắn với tuyên truyền kết quả đạt được sau nửa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020- 2025; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tự giác, gương mẫu của cấp ủy, bí thư cấp ủy, người đứng đầu trong việc thực hiện Chỉ thị 05. Nâng cao chất lượng nội dung học tập Chỉ thị 05 trong sinh hoạt chi bộ định kỳ. Định kỳ hằng năm đưa việc kiểm tra, giám sát thực hiện Chỉ thị 05 và chuyên đề hằng năm vào kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII), Quy định số 101, Quy định số 55, Quy định 08 và các văn bản chỉ đạo, quy định của Trung ương.

Tăng cường công tác tuyên truyền và động viên, khuyến khích hội viên, văn nghệ sỹ, nhà báo tích cực tham gia sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiếp tục tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh và triển khai giải thưởng sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí đợt 2, giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch đề ra./.

XUÂN ME

Cụ Hồ thách đố

Cuộc sống của Bác Hồ, bao giờ cũng giản dị, vui tươi. Bác làm từ việc lớn, như lãnh đạo cách mạng, đến việc bình thường nhất, như xay bột, giã gạo, vác gỗ... Có lần Bác đang cặm cui trồng cây khoai môn trước cửa nhà, thấy chúng tôi vào, Bác liền cười nói:

- “Trồng môn trước cửa”, thử đối lại xem sao. Câu đối cũng khá hóc búa vì “môn” tức là cửa, làm thế nào chọn được về kia cho chọi.

- “Bắt ốc sau nhà”! Chúng tôi cùng nhau cười thừa lại, sau một lúc lâu suy nghĩ. Bác cười một cách vui vẻ:

- Tạm cho được!

(Theo lời kể của Đặng Văn Cáp trong sách: “Đầu Nguồn”)

Hình như có tiếng vè vè của máy bay “trực thăng”

Tiêu Dù bận trăm công nghìn việc, Bác Hồ vẫn cố dành thì giờ đi thăm cán bộ, nhân dân ở các địa phương và cơ quan, để hiểu đời sống của mọi người và nhắc nhở giữ gìn vệ sinh.

Đến thăm các cơ quan, Người thường đến những nơi cán bộ ít hoặc không bước chân tới. Đến một cơ quan nọ, Bác đi thẳng vào nhà ăn, Bác bước xuống chỗ nhộp nháp, tròn, người phụ trách cơ quan vội thưa Bác



là chỗ đó bẩn, dễ ngã và mời Bác đi hướng khác. Nhưng Bác không nghe, Bác nói:

- Bác đi lối này để chú biết bẩn sau dọn cho sạch sẽ!

Vào nhà ăn, Bác xem kỹ tường, trần nhà, nền nhà, bàn ăn, Bác chỉ vào chỗ ruồi đang bay, Bác bảo:

- Hình như có tiếng vè vè của máy bay “trực thăng”.

Rồi Bác phê bình:

- Hồi xưa thằng Tây nó to, ác như thế, nó có súng to súng nhỏ mà ta còn đánh được, thế mà bây giờ con ruồi nó không có súng, nó không to thế mà các cô, các chú không đoàn kết tiêu diệt được nó.

(Trích sách 108 chuyện vui đời thường của Bác Hồ).

SONG NGU (Sưu tầm)

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Đỗ Hà Linh, Kim Oanh, Trí Thường, Lương Thìn, Đàm Thế Du, Nguyễn Cát Chuyển, Phan Thị An Ngọc, Phạm Thuận Thành, Lê Thị Chung, Đặng Phương Linh, Kim Oanh, Đỗ Hà Linh, Nguyễn Hương Giang, Nhất Mạt Hương, Lê Khanh, Vũ Thế Thước, Đỗ Hữu Bằng, Vũ Ngọc Hòa, Trần Thiết, Nguyễn Trọng Liễu, Nguyễn Đình Chế Phan Trự, Phạm Đình Thái, Nguyễn Cát Chuyển, Duy Đắc, Nguyễn Trung, Nguyễn Đức Quế, Nho Thuận, Mai Kháng, Vũ Thế Thước, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Văn Hồi, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Hải Anh, Hoàng Ngọc Bính, Nguyễn Đình Tự...

* **Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trự (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Ngô Văn Hiểu (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp. Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huế), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Viết (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Trần Thái Học (Bến Tre), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 7 năm 2023: Kỷ niệm 75 năm Ngày Truyền thống Văn nghệ cách mạng Việt Nam (25/7/1948 - 25/7/2023); Kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2023); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Hướng tới chào mừng Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ (2023 - 2028)... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/6/2023.

Bài viết gửi về email: tapchinguoikinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoikinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT